

辛酉年

TÂN RÂU NIÊN



LỊCH

THIÊN BAN

茹印善板

NĂM THỨ MƯỜI MỘT



IMPRIMERIE THIÊN BAN NINH BÌNH

NHỮNG NGÀY LỄ BUỘC VÀ KIÊNG VIỆC PHÂN XÁC CẢ NGÀY.

- 1^o Các ngày lễ cả quanh năm.
- 2^o 27 tháng 3 tây (18 tháng 2 Annam.) Lễ Phục Sinh.
- 3^o 5 tháng 5 tây (28 tháng 3 Annam.) Đức Chúa Jêsu lên lời.
- 4^o 15 tháng 5 tây (8 tháng 4 Annam.) Lễ Đức Chúa Thánh Thần hiện xuống.
- 5^o 15 tháng 8 tây (12 tháng 7 Annam.) Đức Bà linh hồn và xác lên lời.
- 6^o 1 tháng 11 tây (2 tháng 10 Annam.) Lễ Các Thánh.
- 7^o 25 tháng 12 tây (27 tháng 11 Annam.) Sinh Nhật Đức Chúa Jêsu.



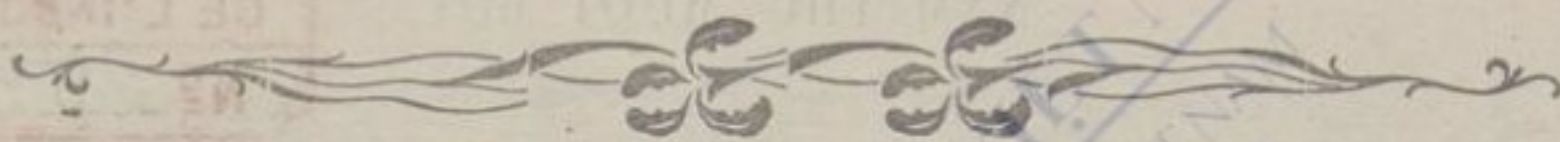
NHỮNG NGÀY ĂN CHAY.

1. Phải ăn chay các ngày thứ sáu trong mùa chay và ngày thứ sáu trong tuần lễ Thánh cùng ngày trước lễ Sinh Nhật Đức Chúa Jêsu; song le ngày nào ăn chay cũng được phép ăn trứng và sữa cả bữa trưa cả bữa uống nước tối nữa.

NHỮNG NGÀY KIÊNG THỊT.

2. Phải kiêng thịt các ngày thứ sáu quanh năm, các ngày thứ tư và thứ sáu trong mùa chay và lễ Sinh Nhật.

3. Theo luật mới Đức Giáo Hoàng những ngày chay nào đã tha phép ăn thịt thì được ăn thịt lẫn cả trong một bữa.



NHẬT THỰC VÀ NGUYỆT THỰC (1)

Trong năm 1921 có 2 lần nhật thực, và có 2 lần nguyệt thực.

1^o Nhật thực ngày 8 tháng 4 tây (1 tháng 3 Annam): trong xứ này không xem thấy được.

2^o Nhật thực ngày 1 tháng 10 tây (1 tháng 9 Annam): trong xứ này không xem thấy được.

1^o Nguyệt thực ngày 22 tháng 4 tây (15 tháng 3 Annam): trong xứ này không xem thấy được.

2^o Nguyệt thực ngày 17 tháng 10 tây (17 tháng 9 Annam): trong xứ này xem thấy được từ bốn giờ sáng cho đến chín giờ ba khắc sáng.

(1) Bởi thiên văn Ti-Ka-Weti bên tàu.

Janvier 1921.

1	7	Lễ đặt tên Đức Chúa Jêsu	23
2	✠	Kính tên Đức Chúa Jêsu	24
3	2	Bà thánh Genovepha	25
4	3	Ông " Isidoro	26
5	4	" " Simeong	27
6	5	Lễ Ba Vua	28
7	6	Ông thánh Luciano	29
8	7	" " Severino	30

十二月小

THẬP NHỊ NGUYỆT ĐẠI.

9	✠	Kính trọng thể lễ Ba Vua	1
10	2	Ông thánh Sébationg	2
11	3	" " Agathong	3
12	4	" " Raymundô	4
13	5	H. C. J. chịu phép rửa	5
14	6	Ông thánh Hilario	6
15	7	" " Bảo Lộc tu hành	7
16	✠	Lễ thứ 2 sau lễ Ba Vua	8
17	2	Ông thánh Antong	9
18	3	Kính tòa ô. th. Phêrô ở Roma	10
19	4	Kính thánh Gia	11
20	5	Ông " Phabiong	12
21	6	Bà " Ine	13
22	7	Ông " Vicente	14
23	✠	Lễ 70	15
24	2	Ông thánh Timothêu	16
25	3	" " Bảo Lộc lờ lại	17
26	4	" " Polycarpô	18
27	5	" " Juong kim khâu	19
28	6	Bà " Marina	20
29	7	Ông " Phanebico de Sale	21
30	✠	Lễ 60	22
31	2	Ông thánh Phero Nolasco	23

Février.

1	3	Ông thánh Iuaxu	24
2	4	Lễ Nén	25
3	5	Ông thánh Blasio	26
4	6	" " Anne Cosini	27
5	7	Bà " Agatha	28
6	✠	Lễ 50	29
7	2	Ông thánh Romualdo	30

年酉辛

TÂN RẬU NIÊN

正月大

CHÍNH NGUYỆT ĐẠI.

8	3	Ông thánh Juong de Matha	1
9	4	Lễ làm phép Lo	2
10	5	Bà thánh Scholastica	3
11	6	Đức Bà Lộ Đức	4
12	7	Bảy ông thánh lập dòng	5
13	✠	Lễ 40	6
14	2	Ông thánh Valentinô	7
15	3	" " Faustino	8
16	4	Cụ thánh Hường	9
17	5	Ông thánh Titô	10
18	6	" " Têvong và J. Ven	11
19	7	" " Eleutherio	12
20	✠	Lễ thứ 2 mùa chay	13
21	2	Ông thánh Phêrô Maximeno	14
22	3	" " Phêrô ở Antiochia	15
23	4	" " Phêrô Damiano	16
24	5	" " Matthia	17
25	6	" " Donatiano	18
26	7	" " Felixe	19
27	✠	Lễ thứ 3 mùa chay	20
28	2	Ông thánh Marius	21

Mars.

1	3	Ông thánh Albino	22
2	4	» » Henrico	23
3	5	Bà » Cunegundê	24
4	6	Ông » Casimis	25
5	7	» » Phoca	26
6	✠	Lễ thứ 4 mùa chay	27
7	2	Ông thánh Tomaso	28
8	3	» » Juong de Deo	29
9	4	Bà » Phanchica	30

二月小

NHỊ NGUYỆT TIỂU.

10	5	40 thánh tử vì đạo	1
11	6	Bà » Perpetua	2
12	7	Ông » Gherigorio	3
13	✠	Ngày lễ chịu nạn	4
14	2	Bà thánh Mathilde	5
15	3	Ông » Longinô	6
16	4	» » Adriano	7
17	5	» » Patritio	8
18	6	K. 7 sự thương khó Đ. Bà	9
19	7	Ông thánh JUSE	10
20	✠	Lễ Lá	11
21	2	Ông thánh Benedito	12
22	3	Bà » Gertrude	13
23	4	» » Catarina	14
24	5	D. C. J. truyền phép M. T	15
25	6	D. C. J. chuộc tội thiên hạ	16
26	7	Dọn sống lại.	17
27	✠	LỄ PHỤC SINH	18
28	2	Ông thánh Xirito	19
29	3	» » Simong	20
30	4	» » Damaxeon	21
31	5	Hết tháng Ông thánh Juse	22

Avril.

1	6	Bà thánh Maria	23
2	7	» » Phanchica	24
3	✠	Ngày 1 sau lễ Phục Sinh	25
4	2	Đức Bà chịu thai Đ. C. J.	26
5	3	Ông thánh Vicente	27
6	4	» » Xelestino	28
7	5	» » Benoit	29

三月大

TAM NGUYỆT ĐẠI.

8	6	Ông thánh Gerard	1
9	7	» » Maxime	2
10	✠	Ngày 2 sau lễ Phục Sinh	3
11	2	Ông thánh Lêong	4
12	3	» » Julio	5
13	4	» » Hemernegilde	6
14	5	» » Justino.	7
15	6	Bà » Lidvina	8
16	7	Ông » Benedicto Labre	9
17	✠	Ngày 3 sau lễ Phục Sinh	10
18	2	Bà thánh Acaria	11
19	3	» » Ancratê	12
20	4	Ông » Sulpicio	13
21	5	» » Anselmo	14
22	6	» » Sotero	15
23	7	» » Georgio	16
24	✠	Ngày 4 sau lễ Phục Sinh	17
25	2	Ông thánh Marco	18
26	3	» » Cleto	19
27	4	» » Marcellino	20
28	5	» » Paulô thánh giá	21
29	6	» » Phêrô	22
30	7	Bà » Catarina	23

Mai.

Jun.

1	✠ Ông thánh Philippe	24
2	2 " " Athanasiô	25
3	3 Tim được thánh giá Đ. C. J.	26
4	4 Bà thánh Monica	27
5	5 ĐỨC CHÚA JÊSU LÊN LỜI	28
6	6 Ông thánh Juong	29
7	7 " " Stanislao	30

1	4 Ông thánh Fortunat	25
2	5 " " Marcellino	26
3	6 Lái Tim Đức Chúa Jêsu	27
4	7 Bà thánh Joanna d'Arc	28
5	✠ Lễ 3 sau lễ hiện xuống	29

四月小

五月小

TỨ NGUYỆT TIỂU.

NGŨ NGUYỆT TIỂU.

8	✠ Bà thánh Joanna d'Arc	1
9	2 Ông thánh Ghêrêgoriô	2
10	3 " " Antonino	3
11	4 Đức thánh thiên thần Mighê	4
12	5 Ông thánh Pancraxiô	5
13	6 " " Egidio	6
14	7 " " Bonifaxio	7
15	✠ D. C. Th. Thôn hiện xuống	8
16	2 Ông thánh Simong	9
17	3 " " Pascalis	10
18	4 " " Venanxio	11
19	5 " " Celestino	12
20	6 " " Bernadino	13
21	7 Bà thánh Praxedê	14
22	✠ Đức Chúa Lời ba Ngôi	15
23	2 Ông thánh Didier	16
24	8 Đức Bà phù hộ kẻ có đạo	17
25	4 Ông thánh Grêgorio	18
26	5 Lễ SANTI	19
27	6 Ông thánh Beda	20
28	7 " " Augustinô	21
29	✠ Lễ 2 sau lễ hiện xuống	22
30	2 Ông thánh Felixe	23
31	3 Bà thánh Angela	24

6	2 Ông thánh Norbertô	1
7	3 " " Euzebio	2
8	4 " " Medard	3
9	5 " " Feliciano	4
10	6 Bà thánh Margarita	5
11	7 Ông thánh Barnaba	6
12	✠ Lễ 4 sau lễ hiện xuống	7
13	2 Ông thánh Antong de Padua	8
14	3 " " Basilio	9
15	4 " " Vito	10
16	5 " " Ferdinang	11
17	6 " " Leontino	12
18	7 " " Marcelliano	13
19	✠ Lễ 5 sau lễ hiện xuống	14
20	2 Ông thánh Silverio	15
21	3 " " Aloysio	16
22	4 " " Paulino	17
23	5 " " Albano	18
24	6 " " Juong Baotixita	19
25	7 " " Gulielmo	20
26	✠ Lễ 6 sau lễ hiện xuống	21
27	2 Ông thánh Ladislao	22
28	3 " " Lêong	23
29	4 " " Phêrô	24
30	5 " " Bảo Lộc	25

Juillet.

Août

1	6	Kính máu cực trọng Đ. C. J.	26
2	7	Đ. Bà đi thăm bà th. Isave	27
3	✠	Lễ 7 sau lễ hiện xuống	28
4	2	Bà thánh Elisabeth	29

六月大

LỤC NGUYỆT ĐẠI.

5	3	ông thánh Antong Maria	1
6	4	Bà thánh Lucia	2
7	5	ông thánh Cyrillo	3
8	6	" " Methodio	4
9	7	Bà thánh Veronica	5
10	✠	Lễ 8 sau lễ hiện xuống	6
11	2	ông thánh Phio	7
12	3	" " J. Gaberito	8
13	4	" " Anaclet	9
14	5	" " Bonaventura	10
15	6	" " Henrico	11
16	7	Đức Bà ở núi Carmelo	12
17	✠	Lễ 9 sau lễ hiện xuống	13
18	2	ông thánh Camillo	14
19	3	" " Vicente de Paulo	15
20	4	" " Hieronimo	16
21	5	Bà thánh Cristina	17
22	6	" " Maralena	18
23	7	ông thánh Apellinare	19
24	✠	Lễ 11 sau lễ hiện xuống	20
25	2	ông thánh Jacobe	21
26	3	Bà thánh Anna	22
27	4	ông thánh Pantaléo	23
28	5	" " Nazario	24
29	6	Bà thánh Martina	25
30	7	ông thánh Abdon	26
31	✠	Lễ 10 sau lễ hiện xuống	27

七月小

THẬP NGUYỆT TIÊU.

1	2	Lời tới ông thánh Phêrô	28
2	3	ông thánh Alephonso	29
3	4	Tìm được ông th. Têvong	30
4	5	ông thánh Domingho	1
5	6	Phép lạ xuống tuyết	2
6	7	Đ. C. J. tỏ sự sáng minh ra	3
7	✠	Lễ 12 sau lễ hiện xuống	4
8	2	ông thánh Cyriaco	5
9	3	" " Jaong Vianney	6
10	4	" " Laurenxiô	7
11	5	" " Tiburxiô	8
12	6	Bà thánh Clara	9
13	7	" " Radegunda	10
14	✠	Lễ 13 sau lễ hiện xuống	11
15	2	ĐỨC BÀ LÊN LỜI	12
16	3	ông thánh Joakim	13
17	4	" " Hyacinte	14
18	5	" " Agapito	15
19	6	" " Urbano	16
20	7	" " Benado	17
21	✠	Lễ 14 sau lễ hiện xuống	18
22	2	ông thánh Timotheo	19
23	3	" " Philiphe	20
24	4	" " Batholomêu	21
25	5	" " Lui	22
26	6	" " Zephirino	23
27	7	" " Juse Calacentio	24
28	✠	Lễ 15 sau lễ hiện xuống	25
29	2	Chém ông thánh Baotixita	26
30	3	Bà thánh Rosa	27
31	4	ông thánh Raymond	28

<https://tieulun.hopto.org>

Septembre.

八月小

BÁT NGUYỆT TIÊU.

1	5	Ông thánh Egidio
2	6	Ông thánh Têvong
3	7	" " Lazaro
4	✠	Lễ 16 sau lễ hiện xuống
5	2	Ông thánh Laoxenxo
6	3	" " Hadriano
7	4	Bà thánh Reina
8	5	Sinh nhật Đức Bà
9	6	Ông thánh Gorgonio
10	7	" " Niculao
11	✠	Lễ 17 sau lễ hiện xuống
12	2	Kính tên cực trọng Đ. Bà
13	3	Ông thánh Amatô
14	4	Kính Thánh giá Đ. C. J.
15	5	Bảy sự thương khó Đ. Bà
16	6	Ông thánh Cornelio
17	7	" " Phanchicô 5 dấu
18	✠	Lễ 18 sau lễ hiện xuống
19	2	Ông thánh Januario
20	3	" " Eustachio
21	4	" " Mattêu
22	5	" " Thoma
23	6	" " Lino
24	7	Đức Bà chuộc kẻ làm tội
25	✠	Lễ 19 sau lễ hiện xuống
26	2	Ông thánh Cyprianô
27	3	" " Cosimo
28	4	" " Wencceslao
29	5	" " Mighê
30	6	" " Hieronimo

Octobre.

九月大

CỬU NGUYỆT ĐẠI.

1	7	Ông thánh Remi	1
2	✠	Lễ 20 sau lễ hiện xuống	2
3	2	Các thánh thiên thần	3
4	3	Ông thánh Phanchiô	4
5	4	" " Placido	5
6	5	" " Bruno	6
7	6	Rosariô Đức Bà	7
8	7	Bà thánh Birgitta	8
9	✠	Lễ 21 sau lễ hiện xuống	9
10	2	Ông thánh Phanchicô Borgia	10
11	3	Đức Bà làm mẹ kẻ có đạo	11
12	4	Ông thánh Edvino	12
13	5	" " Eduardo	13
14	6	" " Calixtô	14
15	7	Bà thánh Thêrêsa	15
16	✠	Lễ 22 sau lễ hiện xuống	16
17	2	Bà thánh Edwighê	17
18	3	Ông thánh Luca	18
19	4	" " Phêrô Alcantara	19
20	5	" " Juong Cantio	20
21	6	" " Hilario	21
22	7	Bà thánh Ursula	22
23	✠	Lễ 23 sau lễ hiện xuống	23
24	2	Ông thánh Martino	24
25	3	" " Crisanto	25
26	4	" " Evaristo	26
27	5	Bà thánh Sabina	27
28	6	Ông th. Ximeong và Judê	28
29	7	" " Narcice	29
30	✠	Lễ 24 sau lễ hiện xuống	30

十月小

THẬP NGUYỆT TIÊU.

31	2	Ông thánh Quanting	1
----	---	--------------------	---

Novembre.

1	3	LỄ CÁC THÁNH
2	4	Lễ các linh hồn
3	5	ông thánh Hubertô
4	6	" " Carolo
5	7	" " Vitalis
6	✠	Lễ sau lễ 25 hiện xuống
7	2	Khánh hạ nhà thờ N. Bình
8	3	ông thánh Florento
9	4	Khánh hạ nhà thờ C. G. Thê
10	5	ông thánh Anrê Avelino
11	6	" " Martino
12	7	" " Martino Phapha
13	✠	Lễ 26 sau lễ hiện xuống
14	2	ông thánh Josaphát
15	3	Bà thánh Gertrude
16	4	ông thánh Edmondo
17	5	" " Gherigorio
18	6	Khánh hạ nhà thờ ô.t. Phêrô
19	7	Bà thánh Isave
20	✠	Lễ 27 sau lễ hiện xuống
21	2	Đức. Bà vào đền thờ
22	3	Bà thánh Cecilia
23	4	ông thánh Clementê
24	5	Các thánh tử vì đạo Annam
25	6	Bà thánh Catarina
26	7	ông thánh Xilivete
27	✠	Đầu mùa Adventô
28	2	ông thánh Albertô

Décembre.

2	1	5	ông thánh Eloy	3
3	2	6	Bà thánh Bibiana	4
4	3	7	ông thánh Phanxicô Xavie	5
5				
6	4	✠	Thứ 2 mùa Adventô	6
	5	2	Bà thánh Sabina	7
7	6	3	ông thánh Niculao	8
8	7	4	" " Amblôsiô	9
9	8	5	Đ. B. chẳng mắc tội t. tr.	10
10	9	6	Bà thánh Isabella	11
11	10	7	ông thánh Melchiade	12
12				
13	11	✠	Thứ 3 mùa Adventô	13
	12	2	ông thánh Damasiô	14
14	13	3	Bà thánh Lucia	15
15	14	4	" " Amelda	16
16	15	5	" " Victoria	17
17	16	6	ông thánh Eusebio	18
18	17	7	" " Gatiano	19
20	18	✠	Thứ 4 mùa Adventô	20
	19	2	ông thánh Urbanô	21
21	20	3	" " Lazarô	22
22	21	4	" " Thôma	23
23	22	5	Bà thánh Tarxilia	24
24	23	6	ông thánh Yvô	25
25	24	7	Bà thánh Irmia	26
26				
27	25	✠	SINH NHẬT Đ. C. J.	27
	26	2	ông thánh Têvong	28
28	27	4	" " Juong	29
29	28	5	Các thánh trẻ tử vì đạo	30

十一月大

THẬP NHẬT NGUYỆT ĐẠI.

十二月大

THẬP NHỊ NGUYỆT ĐẠI.

29	3	ông thánh Saturninô
30	4	" " Anrê

29	5	ông thánh Thôma Cant.	1
30	6	" " Roger	2
31	7	" " Xilivete	3

Janvier 1922.

1	✠	Lễ đặt tên Đức Chúa Jêsu	4
2	2	Kính tên Đức Chúa Jêsu	5
3	3	Bà thánh Genovepha	6
4	4	Ông » Isidoro	7
5	5	» » Simeong	8
6	6	Lễ Ba Vua	9
7	7	Ông thánh Luciano	10
8	✠	Kính trọng lễ Ba Vua	11
9	2	Ông thánh Juliano	12
10	3	» » Sébationg	13
11	4	» » Agathong	14
12	5	» » Raymundô	15
13	6	Đ. C. J. chịu phép rửa	16
14	7	Ông thánh Hilario	17
15	✠	Lễ thứ 2 sau lễ Ba Vua	18
16	2	Ông thánh Marxel	19
17	3	» » Antong	20
18	4	Kính toà Đ. th. Phêrô ở Roma	21
19	5	Kính thánh Gia	22
20	6	Ông » Phabiong	23
21	7	Bà » Ine	24
22	✠	Lễ thứ 3 sau lễ Ba Vua	25
23	2	Ông thánh Udefensô	26
24	3	» » Timothêu	27
25	4	» » Bảo Lộc trở lại	28
26	5	» » Polycarpô	29
27	6	» » Juong kim khẩu	30

BA NGÀY TẾT.



Cách si mũi

Si mũi không phải là việc thường, nhiều khi vô ý thì sinh ra điếc tai. Có lắm người lấy khăn bịt cả hai lỗ mũi mà si, làm như thế thì nước mũi không có thể ra được, một sẽ chạy ngược lên tai, có thể làm cho người si mũi hoá ra điếc.

Nếu muốn si mũi thì nên bịt một lỗ mũi để si bên kia, hết bên kia rồi lại si bên này, như thế thì chóng sạch mà không khó nhọc.

Ngẹn.

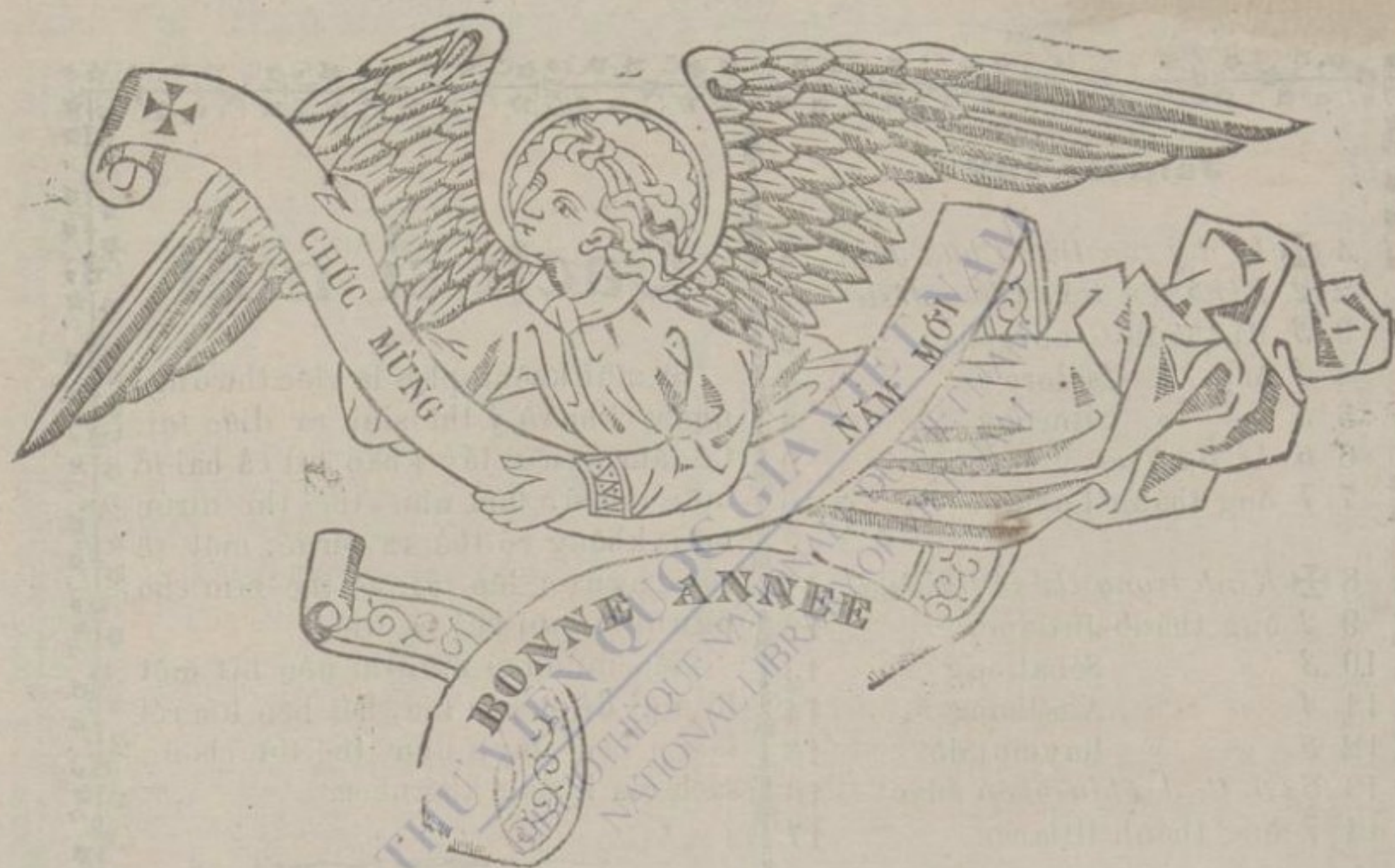
Khi nào trẻ-con hay là người lớn ăn cơm, nuốt vội, ngẹn thì đừng có dấm tay vào lưng như mọi người quen làm, một phải dơ thẳng hai cánh tay lên giới, như thế thì khỏi ngay. Dơ hai cánh tay lên giới có ý làm cho ngực nở ra, cái ngẹn biến ngay.

Yêu-mến vuốt vuốt.

Ất: — Rượu hay làm hại người.

Giáp: — Phải, hại thì hại thật, nhưng Sách-thánh có dạy: « Dù kẻ nào muốn hại mình, mình cũng phải ra sức yêu-mến kẻ ấy. »

Ất: — Phải, nhưng Sách-thánh có dạy ta nốc dầu !!



Từ Bản-Lịch ra đời rải vắn không mấy chốc, mà thẩm thoát đã nười một năm trời; xem ra từ lúc mới xuất bản đến nay cũng nhờ bao nhiêu tay vắn-hay trí-giỏi, cố công tô điểm cho Bản-Lịch nên phát đạt, làm cho mảnh giấy trắng dờ nên bức tranh tuyệt diệu vẽ bằng nhời thêu dệt như gấm như hoa, thiết tưởng cũng là một chút công với người đọc sách; trước là cho rõ ràng ngày tháng, sau cũng thành nên một cuộc tiêu khiển rất lý thú bổ dưỡng tính tình trong khi nhàn rảnh, thế thì Bản-Lịch chắc rằng càng ngày càng tấn hoá; người vắn trương ra công nghiên cứu lấy câu vắn hay và bài diễn thuyết giỏi, người có tư bản dựng nên Ấn-quán thì cố gắng tấn tảo lấy nhiều lời chữ để cho trang giấy in nên rõ ràng, không nở để mờ rối; ấy cũng là một việc công-ích trong xã-hội vậy.

Hằng ngày Bản-Lịch hằng đem lòng cảm tạ các ngài; những mong*tiện dịp tỏ cái ơn ấy thì Bản-Lịch mới đành tâm.

Vậy nhân năm mới Bản-lịch có lời chúc mừng những ngài đã có tinh luyện-ái mà kết tri-âm cùng Bản-lịch trong bấy nhiêu lâu được vui mừng mà nhận tuổi mới cùng thêm sức mạnh mà bước mau tới cõi vắn-minh.

Bản-lịch lại trông mong rằng, các ngài đã sẵn lòng làm bạn cùng Bản-lịch xưa nay thêm vui lòng mà mở mang cho Bản-lịch, và cũng thêm nhiều hân hạnh với các ngài sắp dơ tay hăng lấy quyển lịch năm 1924 này mà dùm cho Bản-lịch ít nhiều việc ích-lợi, như cây có nhiều cành, chắc sinh ra nhiều trái vậy.

Vả-lại Bản-lịch đã có nhời mừng tuổi các ngài, chắc các ngài chẳng nở phụ lời mà lại sẵn lòng gây dựng cho Bản-lịch cũng ra như có tuổi mới cùng nên một quyển sách có hoạt động, lại trông mong rằng, nhờ có các ngài ra tay thi thố làm cho việc mở mang càng ngày càng tiến!!!

Sau hết bản-hội có lời chúc riêng Bản-lịch được vững bền đối với non sông lâu rải mãi mãi.

Ngọc-chúc

THIỆN - BẢN - HỘI

CON DÊ CỦA NHÀ DÒNG.

Xưa ở xứ Bang có một người phù thủy hung ác tên là Danh, khi còn trẻ đã bán linh hồn mình cho ma quỷ.

Một đêm, Danh đi vào rừng đứng khấn mấy tiếng, tức thì Lucifer hiện lên lấy hình một người to lớn đội nón lông, mặc áo nhung, hỏi rằng: «mày muốn gì tao?» — Danh nói: «Tôi muốn sự sung sướng, sự vui thú, sự giàu có, cùng sống lâu ở đời này.»

— Lucifer nói: «Ừ, mày sẽ giàu, sẽ được sung sướng, sẽ được vui thú, còn về sự sống lâu ở đời này thì đã có Đấng khác coi về việc ấy. Song bây giờ mày mới có hai mươi tuổi, sức lực khỏe mạnh, tao có thể ước mày sống được bốn mươi năm nữa. Nếu mày giao-kết với tao sự này thì tao sẽ trông nom cho mày khỏi ốm đau trong bốn mươi năm ấy.

— Danh nói: Bốn mươi năm, ít quá!

— Lucifer: Thôi, tao cho năm mươi năm!

— Danh: Hay hơn ít quá!

— Lucifer: Sao mày tham lắm vậy! Thôi tao cho sáu mươi năm. Song mày phải vâng lệnh tao.

— Danh: Vâng lệnh thế nào?

— Lucifer: Tao muốn bắt lấy linh hồn mày khi mày chết và mày phải giao ước với tao từ rầy cho đến khi chết, mày không được cứu giúp đỡ ai việc gì sót cả.

— Danh: Tôi xin ưng như thế!

— Lucifer: Vậy thì mày chích máu mày mà ký tên vào tờ giấy này...

Thằng quỷ lấy ở trong túi áo nó một mảnh giấy đưa cho Danh ký. Xong dấu đầy thằng quỷ biến đi mất; trong rừng lại im lặng như trước

Sáu mươi năm chóng qua lắm. Danh xưa sức lực khỏe mạnh, bây giờ thành ra một người già, gầy gò, chân đi lật đật, tóc bạc phơ phơ. Không có ai giàu có như Danh: ruộng lương vô vàn, trâu bò, nhà cửa vô số. Song có một sự lạ là không bao giờ thấy Danh vào nhà thờ. Các ăn-mày đến xin thì bị đuổi, bị đánh!

Đến ngày gần kề miệng lỗ, Danh, giàu có, sung sướng, mạnh khỏe, thấy mình thỉnh thoảng áy náy. Chắc lương tâm nó cắn rứt: tiếc mình đã đại ký kết với quỷ.

Có một buổi chiều, Danh đi chơi mát, quanh quẩn thế nào, lạc vào một cái rừng nhỏ, đi lang thang mãi đến một chỗ có nhà thờ, gần đấy có một nhà dòng.

Bất thình lình Danh nghe thấy tiếng lộp cộp đằng sau lưng. Quay lại trông thấy một con ngựa trắng của ai đánh số chạy đến. Tức thì Danh vỗ tay xua ngựa chạy vào bụi cây. Giờ đã mờ mờ tối; đi được một quãng, Danh gặp một người nhà dòng chạy hốt hơ hốt hỏi đến hỏi có thấy con ngựa trắng chạy đi về lối nào không? Danh nói có trông thấy và chỉ lối.

Người nhà dòng xin Danh giúp đỡ: hai người tìm thì chóng thấy và rẽ bắt. Danh liền đi với người nhà dòng đến chỗ bụi cây thì bắt được ngựa ngay. Người nhà dòng cảm ơn Danh và nói: «Tôi cảm ơn ông vì đã cứu giúp đỡ việc này cho nhà dòng, Đức Chúa Lời sẽ phù hộ cùng la công cho ông!»

Lúc bấy giờ Danh rất minh, sức nhớ lời mình đã hứa với quỷ khi xưa, liền nổi giận quát rằng: «Đừng có nói nhảm! đây không cần ai phù hộ cùng là công!»

Người nhà dòng nghe thấy nói thế, liền

kêu tên cực trọng, cầu nguyện «Miserere Deus, secundum magnam misericordiam.»

—Danh nói: «Việc ta vừa mới làm đấy là làm ơn giúp đỡ có phải không, nếu thế thì ta quyết rằng không, vì ta bắt bay phải giả tiền công tạ, ta sẽ theo bay về nhà lấy tiền.» Danh nghĩ lấy tiền của nhà dòng thì làm cho ma quỷ bằng lòng.

Bê-trên nhà dòng ấy là một thầy cả hãy còn trẻ, hay làm. Nhà dòng ở đấy nghèo lắm, lấy đâu được tiền mà giả cho Danh.

Nghĩ đi nghĩ lại, ông bê-trên bảo đưa cho Danh con dê có sừng nhọn và đẹp của một người bôn đạo đã dâng cho nhà dòng.

—Danh nói: «Ừ, dê cũng được, đưa đây!» Người nhà dòng mang dê ra, dắt bê



trên lấy nước phép rảy, tay đặt lên sừng làm phép cho con dê. Danh đứng ngây xem, mong cho chóng xong để về nhà vì giờ đã tối. Danh cầm dây buộc sừng lôi dê đi.

—«Cha chả, không biết ai xui mình giúp đỡ người nhà dòng tìm con ngựa ấy, may mình lay lấy được con dê của chúng nó chắc thầy ta là Lucifer sẽ bằng lòng chẳng sai.»

Danh nghĩ thế là lắm to; ta xem sau này ma quỷ là thầy Danh không có lấy lòng nó chút nào.

Đi một quãng đến chỗ vườn thánh, có nhiều mã chôn. Từ thửa bé đến giờ Danh không có sợ sự gì, song đi qua chỗ này, trong lòng ấy này. Tối hôm ấy có giăng nện đường đi không khó.

Danh bước giảo cẳng, con dê theo sau. Cầu rút ở trên các mã trông lỗ nhỏ. Đi



gần đến vườn thánh thì nghe tiếng cửa
kẹt một cái. Danh nhìn vào cửa thấy một
hình người chỉ còn xương vuốt da, đi ở
đấy ra. Trông như là một cái xác chết chôn
thịt đã rửa cả, khoác một cái khăn liệm
trắng xóa, hai con mắt đỏ choe như hai cục
than hồng, hàm răng nhe trông đến ghê.
Danh sợ run lên cầm cập, cái hình hiện lên
ấy hỏi: «Danh, mày có biết tao không?»

—Danh nói: «Nào, ai trông thấy bao giờ
mà biết!»

Hình hiện lên cười: « Hà! Hà! Hà!...Tao
là Lucifer, là thầy mày! Hà! Hà!... Chắc
mày muốn cho tao đến cùng mày như sáu
mươi năm trước, đội nón lông, mặc áo
nhung hần? Hà! Hà!... Khi ấy mày còn trẻ,
bấy giờ thì khác! Tao đã giữ lời hứa cùng
mày, song mày lừa tao!»

—Danh nói: «Tôi... tôi... tôi...»

—Lucifer quát: «Mày lừa tao!mày đã giúp

đỡ nhà dòng! tìm hộ ngựa cho những quân
tao ghét xưa nay! Tao định làm sổ ngựa
để cho bề trên chúng nó nổi giận rửa
đũa làm bếp, tao sẽ biên những lời ấy vào
quyển sổ của tao ở địa-ngục. Song vì mày
mà việc tao lỡ. Bấy giờ tao đến để điệu
mày đi vì sáu mươi năm đã qua rồi!»

Danh sợ kêu riu rít. Ngay lúc bấy giờ
ở nhà dòng đánh chuông, chắc là chuông
đọc kinh tối, Lucifer nghe thấy vội dạn
đùng đùng nhìn về phía nhà dòng.

Danh nhờ dịp ấy vùng té chạy bỏ đi
lại đó.

Khi Lucifer quay cổ lại thì chỉ thấy có
con dê thôi, liền vén khăn khoác mình
đuổi theo. Con dê trước còn đứng yên
song lúc bấy giờ nó cúi đầu xuống tận hai
chân trước, húc một cái rất mạnh vào
lưng Lucifer.

Quí kêu lên một tiếng dữ rội làm cho



đụng chuyển cả đất; các làng gần đấy
trông là tiếng sấm.

Sừng của dê không những là nhọn mà
lại dầy bở trên nhà dòng đã làm phép,
làm cho Lucifer đau đến bần lên trên
không như quả cầu của trẻ con chơi. Quí
đau quá, không thể chống cự được ù té
chạy!

Danh nghe tiếng chạy âm âm thì nghĩ

rằng Lucifer đuổi, liền chạy tắt vào cửa
nhà dòng ban chiều, núp dưới cửa, ở trên
có tượng ông thánh An-tong.

Ngồi được một lát thì trông thấy một
dây lửa giải chạy qua đường cái. Dê đuổi
theo, Lucifer chạy, song không có thể vào
cửa nhà dòng ẩn dưới tượng ông thánh
An-tong như Danh được, vì ở đấy đã làm
phép.



Danh trông thấy dây lửa, sợ, kéo luôn ngay dây chuông ở cửa, một người nhà dòng ra mở đưa vào.

Con dê cứ đuổi quí mãi. Lucifer túng thế chạy trông thấy một cái cửa sổ hở ngỏ, nhảy luôn vào trông nhà chui xuống gầm giường. Con dê nhảy theo vào, song không

có thể húc được vì chung quanh giường bịt ván cả.

Ở trên giường có một thầy đồ nằm ngủ thấy lục đục, ồn ào, tưởng trộm, liền ra sức la rầm lên: « Cướp! ối làng nước ối! cướp! »

Cả nhà thức dậy, chủ nhà đẩy tớ chạy



cả đến; ở ngoài đường hàng xóm vác gậy đẩy cửa vào. Lúc bấy giờ con dê thấy ồn ào nhảy ra, chạy một mạch về nhà dòng.

Lucifer ở gần giường nghĩ tìm cách ra cho thoát nhà ấy, liền hoá ra khói bay ra cửa sổ.

Hàng xóm láng giềng đến, thấy khói ở gần giường bay ra cửa sổ, không biết là cái gì, song nghĩ thấy mùi hôi, thối tha quá

sức ai nấy bịt mũi chạy ra khỏi nhà ấy...

Danh từ bấy giờ xin ở nhà dòng ăn năn đền tội ở đây cho đến khi chết.

Ái hay giúp đỡ người ta thì Đức Chúa Lời sẽ là công cho. Dù ma quỷ ra sức tìm các cách cho được cảm dỗ ta, nếu ta chạy đến cùng Người thì chả có bao giờ phải sa ngã về tay nó.

J. HÂN.



NGÔC SHI làm thầy

Nói đến những lưới lừa kẻ trầm luân, chỉ nơi què thật; trị quốc an bang, phù dân độ thế; uốn tấc lưới đẹp quân trăm vạn, thì ai chả thích, chả muốn có; song nói đến những hạng xui xiêm, xiêm nịnh; giết người không gươm không giáo, làm cho người ta khốn khổ muôn đời, ai chả kinh hồn khiếp vía muốn cắt muốn vứt cho rồi?

Ngày xưa bên Trung-quốc, có một ông quan Cao-Lý sang Sứ ở đây, là một bậc đạo đức, bác ái lạ đời. Hễ tướng tượng đến những sự dữ bởi lưới mà ra thì giùng mình sờn gáy kinh khiếp lắm. Khi trong triều hội-ngự, ông ta thường nhắc rằng: Ta muốn nói điều gì, nên ra hiệu là hơn, vì phải nghĩ kỹ càng mới biết cách ra hiệu; ước gì đồng-dân giữ được vậy, cả nước ắt bớt tội bớt hại. — Nhưng câu nói ảo-tưởng ấy như luồng gió thổi mà thôi. Ông ấy lấy làm buồn lắm.

Một hôm đánh bạo đến tâu vua rằng:

— Muôn tâu Hoàng-Thượng, xin ra sắc chỉ cắt lưới các kẻ ấu-nhi.

Vua ngạc nhiên phán rằng:

— Vì cớ gì muốn vậy?

— Muôn tâu Hoàng-Thượng, vì lưới là giống dữ nhất trong thiên hạ.

— Trăm nữ nào làm điều bạo ngược như

thế? Quan có tìm được cách gì tránh sự ấy đi chăng?

Quan Sứ liền suy nghĩ một hồi lâu rồi tâu rằng:

— Thần trộm nghĩ, có thầy mà dạy cách ra hiệu thay lời nói thì được; nhưng có khi cả nước này chưa có thầy nào.

— Quan nhảm đó, nước trăm đã có một thầy.

— Muôn tâu Hoàng-Thượng, kẻ hạ thần muốn gặp thầy ấy lắm.

— Nhưng ở xa đây lắm, ở tràng đại-học các tăng-ni về miền Thian-Chan, phía tây nước trăm.

— Muôn tâu Hoàng-Thượng, dù xa đến sáu muôn dặm, thần cũng đi được; xin cho thần đi ngay mai.

Vua ưng-thuận cho đi; song nói ra vậy mà thôi, thực là chả có thầy nào cả. Nhưng đã trót nhận lời, nên vua sai người đi báo cho Hoà-Thượng làm bề trên tràng ấy biết để khi quan đến thì tùy cơ mà ứng-biến.

Hôm sau quan Sứ từ già Bắc-kinh mà đi. Tới nơi, Hoà-Thượng ở đó đón rước trọng thể và mở tiệc chay khoản đãi. Đang trong tiệc quan nói rằng:

— Tựa bề trên và các thầy, tôi đến đây

là ý muốn gặp thầy dạy phép ra hiệu, không rõ thầy ấy có ở nhà chăng?

Hoà-thượng đáp rằng:

—Tràng chúng tôi có một thầy dạy phép ấy giỏi lắm, nhưng mới đi vắng xa chưa rõ khi nào về. (Có ý nói thế để cho chán mà về.)

Không ngờ quan ấy đáp lại: Bề trên có rộng phép cho, tôi xin chờ một năm cũng được.

Hoà-thượng bất đắc dĩ cũng phải gượng nhận lời.

Tan tiệc liên họp cả các tăng-ni lại để định liệu cơ-mưu gì mà đối cãi cho xuôi việc. Kê thì bàn: trong ta chọn một người mạo-nhận là thầy dạy ra hiệu. Người thì nói: Hay là ta giả vờ, hẳn phải đi!

Nhưng là người vua sai và là Sứ Cao-Ly, lại đã biết hết mọi người ở đây rồi.

Sau có một người sư-ông nói rằng: Gần đây có một người tên là Ngộc-Shi, làm thợ rèn, nó xấu người nhưng có tài đặc-biệt biến-báo rất giỏi; ta hứa thưởng tiền, ắt nó làm được như ý ta.

Hoà-thượng thích-hợp điều ấy, lập tức cho đòi Ngộc-Shi vào.

Ai mới trông thấy Ngộc-Shi cũng phải ôm bụng mà cười: Nó là một người thù-nhỏ, tay dài quá đầu gối, mắt chột, chân què, cái hình thù con con của nó, lại lưng thụng trang bộ quần áo xanh mới. phòng độ ba đời. (Quá những chú phá-xáng, ... bánh-bò bánh-giò-tầu...) Nói mọi điều cho nó nghe, nó xin vâng làm được.

Cách vài hôm Hoà-thượng trình quan Sứ rằng: Thầy dạy phép ra hiệu đã về, thấy nói quan lớn đến đây muốn được thừa-tiếp.

Quan nghe mừng rỡ quá xin chờ ở phòng khách.

Hôm ấy đã lấy áo nhà chùa mặc cho Ngộc-Shi, trông chừng chặc lắm, (song có tí hơi lưng thụng vì nó lùn!) đoạn dẫn nó vào phòng khách: rồi mọi người ra cả.

Thoạt tiên Quan trở tay lên bàn thờ phật,

rồi bước đến trước mặt Ngộc-Shi mà giơ một ngón tay, nó giơ hai, — quan giơ ba, — nó nắm tay giơ ngang mặt quan, như đe đánh, — quan đi khệnh khạng như người què, — nó giơ tay ra dấu chề bai, — quan để một quả cam trên bàn, — nó móc túi áo trong, giơ ra một miếng bánh ngô. (!)

Quan lấy thế làm đủ bái chào mà đi ra. Khi gặp các tăng-ni khoe ngay rằng: Thầy ấy thực là một người cao-minh hiền-triết độc nhất vô song. Trước hết tôi trở lên bàn thờ, để tỏ tôi là người phật giáo, rồi tôi đến gần thầy ấy mà giơ một ngón tay là chi: điều trọng nhất trong thiên hạ là có «Phật», — thầy giơ hai ngón có ý rằng: Phật là trọng đã đành, song lại còn có «Pháp» là điều tối-yếu thứ hai. Trên địa-cầu phải có pháp, mới bảo-tồn được trật-tự, khỏi sự hỗn độn, — tôi giơ ba ngón để tỏ: điều khẩn-yếu thứ ba là: «Tăng» phải có Tăng mà cất nghĩa luật-pháp cho dân. Thầy ấy nắm tay đưa ra ý gồm lại ba sự quý ấy gọi là: «Tam-bảo». Tôi đi khệnh khạng, chỉ người ta khắp khiêng trong làng nhân lời đức, — thầy ấy giơ tay tỏ dấu khinh chề rằng: Người anh hùng quân tử vượt qua ngũ-giới chẳng bao nài sự ấy. Sau hết tôi để trên bàn một quả cam, tỏ ý rằng: Tạo-hoá ban cho ta đủ dùng mà lại có phần dư dật, — thầy ấy lấy miếng bánh ngô giơ ra cho tôi hiệu: người quân tử lấy sự cần làm đủ, chẳng cần dư dật. Tôi xem như vậy thầy ấy thật là người trăm-tứ cao xa ít ai bằng.

Mọi người lấy làm lạ, chưa hiểu vì sao mà Ngộc-Shi được danh-dự như vậy.

Ngày hôm sau quan Sứ ra về. Hoà-thượng cho đòi Ngộc-Shi vào? Hỏi sự thế nào Nó thưa rằng:

Hoà-thượng dặn con không được nói, con cũng vâng như vậy; nhưng nó làm cho con tức quá, nó dốt như người vô-học-thức, không có tư cách ông quan, có khi nó là quan lớn hạng năm thì phải! Đầu hết, nó trở lên bàn thờ có ý phò-trương mình là thần, là bụt, rồi nó giơ một ngón tay

ÔNG J. BLANC

Bào chế nhất hạng PHARMACIEN DE 1^{ere} CLASSE

Ở Hanoi Phố Paul-Bert, Số nhà 31.

Hiệu này có từ năm 1886.

KẾ VỊ LÀ ÔNG **L. BLANC**
CÓ BÁN CÁC THỨ THUỐC.

Thuốc bổ (Peptofer Jalliet) một lọ giá.	2\$00
Rượu vang quinquina (Vin tonique au Quinquina), le litre giá.	1, 80
Thuốc Ký-Linh (Quinine) dùng liều để chữa bệnh sốt rét một ống, le tube.	0, 40
Thuốc đau mắt hiệu (Bonet-cart) một lọ giá.	0, 60
Thuốc bôi lỗ, ghẻ, một hộp giá.	0, 20
Thuốc chữa bệnh hắc lán (Dartres) hiệu Teinture Bahia một lọ giá.	0, 25
Iôđê (Teinture d'iode) một lọ 15 grs nút thủy tinh giá.	0, 30
Thuốc bột uống để dễ tiêu, một lọ 500 grs giá.	0, 60
Rầu Cajeput (Huile Cajeput) một lọ 30 grs giá.	0, 50
Thuốc ho (Sirop pectoral).	1, 00
Rượu bổ (œno kola coca).	2, 50
Thuốc bổ cho trẻ con, một lọ giá.	0, 40
Thuốc uống ngủ được (Sirop de Chloral) một lọ giá.	0, 50
Rượu chồi một lọ giá.	0, 50
Thuốc trị bệnh thổ tả của quan Docteur PESCHIER một lọ giá,	0, 50

HUILERIE & SAVONNERIE DE L'EXTRÊME-ORIENT

Sở làm Dầu và làm Sà-phòng ở Đông kinh, Haiphong

MÁY LỬA ĐỂ LÀM SÀ-PHÒNG.

Những Sà-phòng sở chúng tôi làm ra thì cũng tốt bằng Sà-phòng ở bên Tây mang sang; vậy xin hết mọi người nhận lấy dấu hiệu chúng tôi như sau này kẻo làm mà mua phải thứ xấu.



Con Rồng



Con Lân



Bà thánh Berte



Người nữ Vestale



Tự Do

Khô, Giàu-Lạc, Giàu Dừa, Giàu-Giàu v. v. để nuôi súc vật và bón cây.

L'UNION COMMERCIALE INDOCHINOISE

ĐÔNG DƯƠNG HỘI ĐỒNG THƯƠNG CỤC.

Hội Thương CỤC TIỀN VỐN 4.000.000 QUAN.

CHÍNH SỞ

Số 9, Phố Tronchet, tại thành Paris.

HANOI

SỞ THANH TRA.

Số 196, tại Phố Thương Chính.

Sở hàng hoá xuất cảng.

(Hàng hoá tải sang Ngoại Quốc.)

Số 196, tại phố Thương Chính.

Gạo, Thóc, Lúa-Ngô, Sắn, hạt Thầu Giầu, Vừng, Lạc, Tóc, Lông-Lợn-Rừng. Sáp-Ong, Giựa Cao-Su, (Giựa Đa) Giầu Hời, Cánh-Kiết-Trắng, Cánh-Kiết-Đỏ, Tơ, Mây, Gia-Bò và Gia-Trâu, Sừng Trâu, và tất cả các thứ sản vật ở Bản Quốc.

Sở hàng hoá nhập cảng.

Hàng hoá tải ở Ngoại Quốc về bán ở Bản Quốc.

Số 196, tại phố Thương-Chính (Bờ Sông.)

Các thứ đồ ăn, Đồ hộp, Rượu-Nho, Rượu-Mùi, Thuốc-Lá, Đồ-Sắt, Đồ máy dùng Sơn, Đồ Bức-Vật, Đồ làm nhà, Các thứ bán cho những người Ngoại-Quốc; vải Chức-Bàn, Giạ-Nỉ, chăn, ô đi nắng, ô đi mưa, Láng, Khăn rửa mặt, Giao, Sợi v. v.

ĐẠI HỘI THƯƠNG CỤC.

Tại phố Paul-Bert.

Nhà hàng bán tất cả các thứ.

ĐỒ ĂN, ĐỒ VẢI, ĐỒ GỖ.

Đồ bát đĩa, Đèn thắp và đèn Điện-Khí, Đồ Khí-Giới, Đồ Săn-Bắn, Đồ Đấu Mã, (đua ngựa) Đồ Chụp-Ảnh.

Sở Lạm, Sở lăm yên ngựa đồ ngựa, các thứ đồ dùng cho binh lính, sở đóng Giấy, Lạm đồ Thiếc, Lạm đồ Kẽm, Lạm Điện-Khí, Lạm Mây, Chứa đồ khí giới, Xe đạp, Xe máy. Thay hòm điện ở xe máy, May đồ quần áo mộ, May đồ thừa (đồ kĩ.)

2 CÁC SỞ SÉP:

Tại Bắc-kỳ

HAIPHONG, LANGSON, SUYUT, CHOB0, VIETRI

— **Trung-kỳ**

TOURANE (Đà nẵng) BENTHUY HUẾ THU-XA TAM-QUAN.

— **Laos (Ai-lao)**

LUANG-PRABANG, XIENG-KHOANG, SAM-NUA.

— **Nam-kỳ**

SAIGON.

— **Vân-Nam Tỉnh**

MÔNG-LỰ, VÂN-NAM-I HỦ, Y-LÊANG.

Chủ Hội.

Về các hội Bảo-Hiểm về việc hoả hoạn: *Le Phénix; la Nationale; P. Abille.*

Có các gì thì cứ hỏi tại Đông Dương Hội Đồng Thương CỤC, hoặc tại HANOI, HAIPHONG, TOURANE, hay là SAIGON.

Bảo lĩnh tất cả các sở Đông Dương Hội Đồng Thương CỤC.

nhạo con chột mắt, con giờ hai, là chột cũng bằng hai mắt nó, — nó giờ ba, là hai mắt nó và một mắt con mới là ba, — con nắm tay đe đánh, nó càng nhạo già: Nó đi khệnh khạng chê con què, — con giờ tay ra dấu chê bai rằng: kẻ nhạo người ta là phường tiểu-nhân, con coi chằm vào đàn, — nó giờ quả cam có ý khoe nước nó giần, nước con nghèo, — con còn miếng bánh-ngô trong túi móc giờ ra cho nó biết: dù nghèo thật song chẳng thèm ăn mày nó. Lúc đó con tức quá, máu bốc lên mặt bừng bừng đã toan gỡ cái bài liên-tam-đá mà giơ cho nó một trận như tử, (cái tính hoa-tiêm của các chú! khoe võ T...!) cho nó chữa cái thói khinh người. May phúc cho nó quá, nó lại bài chào con mà đi ra. Bầm lạy Hoà-Thượng, thật con hết lòng vâng lời mà nhịn nhục (1)

Hoà-Thượng nghe nói, nín cười mà ban thưởng cho nó về. Còn ai nghe thấy cái tấn hài-kịch ấy, cũng phải ôm bụng mà cười.

Sau Hoà-Thượng dâng biểu kể mọi sự cho vua rõ, vua cũng phải nực cười quá lắm.

Đến khi quan Sứ về nước mình rồi; vua mới kể truyện lại cho cả triều thần nghe, và nói rằng: Đấng tạo-hoà đã sinh ra cho ta cái gì, ắt chẳng phải vật thừa; ta chớ nên noi gương quan ấy, nhưng đừng dùng quá vô ích; miệng ta nên nói khi phải nói, nín khi phải nín; sẩy chân dễ chữa, sẩy miệng khó chữa; chỉ nên dùng theo đường lành, đường chính, một vừa hai phải là đủ.

P. NGUYỄN-VĂN-THU



Vua Gia-Long nam chiêm bao

Thuở xưa vua Gia-Long sắp ra mở nước, khi ngài định đến sáng sớm ngày mai, thì cất quân ra Bắc-Kỳ đánh giặc Tây-Sơn; đêm hôm ấy nằm chiêm bao thấy mất dấu. Lúc thức dậy, lo lắm, lấy làm điểm chẳng lành, liền cho đòi các tướng đến mà bàn mòng. Các tướng đến hầu cả, ngài mới hỏi rằng: «Ta định sáng mai cất quân, mà lúc nầy nằm chiêm bao thấy mất dấu, là điềm ra thế nào?» Các tướng đương nghĩ, chưa biết ra thế nào, lúc ấy có một người học trò thưa: «Thật là điềm hay!» — Ngài hỏi rằng: «Như thế mà nhà người lấy làm hay là lấy nghĩa làm sao?» Người học trò thưa ngay rằng: «Hiện bây

giờ Ngài đương làm chúa, mà chữ chúa ở trên đầu có một nét chấm, ở dưới có một chữ vương, mà ngài nằm thấy mất dấu là mất đi một nét chấm thì chỉ còn có chữ vương mà thôi. Thế thì chắc hẳn lấy được thiên hạ mà làm vua.» Vua Gia-Long nghe thấy người học trò bàn thế mới đổi sẵn làm vui, ban thưởng cho người học trò nhiều lắm.

Đến sáng mai mới cất quân ra Bắc-Kỳ, vì vua nhà Lê mà khởi nghĩa đánh với Tây-Sơn được nhiều trận lắm, rồi làm vua cả nước Nam.

V. DANH.

Nói thêm.

Một người gọi mua bánh ngọt. Trông bánh cái nào cũng bóng nhoáng như có nhiều đường.

— «Mày đợi bánh có ăn chiếc nào không?»
— «Không! không! tôi chỉ liếm thôi!!»
Khuất mắt không coi; nên lơ điếu ác.

L. T. B. 3

MẤY ĐIỀU RẤT CẦN HÊ

NHÂN SINH HÀ TẠI ?

人 生 何 在

AI SINH RA LOÀI NGƯỜI TA ?

Có lời Sấm ký rằng : Thiên Chúa đã dựng nên lời và đất cùng muôn vật trên lời dưới đất. Trong các sách, các thầy thông thiên văn địa lý các đời, thật đã hết sức, mà lục xét tính toán đo đạc, chiếu ống ròm v. v. cho được biết mặt lời mặt lãng, địa cầu, tinh tú v. v., xây đi văn lại, cứ độ số rất là khéo léo khôn ngoan, và các thầy xét hình tính vật, cũng đã giới giang văn minh, song thương ôi! hầu hết chẳng thấy ai lục xét đến đấng nào đã dựng nên lời đất muôn vật, cái đó thật là chỉ rá sức xét, cùng thọc mạch các sự tùy, mà có một sự chính, thì không coi sao, không xét lục đến, chẳng biết có gì mà ra vậy. Song đây cũng không có ý nói đấng nào dựng nên lời và đất đầu, chỉ cốt là có ý nói mấy điều về loài người ta sống trong địa cầu này, thì đấng nào đã sinh ra cho có mà thôi, mà khi đã xét, mà nhận đấng nào đã sinh ra loài người, thì cũng hẳn là đấng ấy, cũng dựng nên lời đất muôn vật nữa chẳng khá bỏ nghi.

Vậy hễ ai được sinh ra làm người ở thế này, thì cũng phải suy tại đâu mà mình sống ở đời này? mà sống ở đời làm gì? mà khi mình chết thì sẽ đi đâu? ấy là điều rất cần hê, buộc riêng hẳn cho mỗi một người được sống ở trong địa cầu này phải luận xét cho biết, cho nên ai xem cặp nhỏ mọn này, thì phải cần nhắc, thế nào là lý chính mình phải chịu, rồi ép lòng

ta vâng theo lý chính ấy, như thầy dạy rất thật thà, dạy bảo chỉ lối, chớ có xem vô ý nhẹ giả, hẳn là thêm lý đoán phạt cho mình mà chớ.

Ơ loài người! có một sự rất trọng phải ra sức tìm cho ra có một sự rất cần, phải lo trên hết mọi sự lo, có một nghề rất là có ích, phải tìm thầy biết nghề ấy, mà học cho kịp. Vì vậy ai ai cũng phải ra sức lục xét lý chính, là ai sinh ra mình, mà mình sống cho được làm gì, để biết đang lo mà sống cho phải, lại xét khi mình chết đoạn sẽ đi đâu, để lo làm sao mà chết cho phải.

Vậy khi ta đang suy đến điều cực trọng này, thì phải thân thưa cùng đấng đã dựng nên ta mà than rằng: Lạy Chúa cùng là đấng đã dựng nên tôi cho sống ra mặt người, lại bằng gìn giữ tôi cả đời này đời sau vô cùng, thì hôm nay tôi xin phép suy đến Chúa tôi, xin chỉ lối cho tôi kéo lạc, xin ban cho tôi được sáng vì tôi mù tối, xin giúp sức cho tôi, vì tôi yếu đuối, mà suy cho nên.

I Nhân sinh hà tại? ai sinh ra loài người?

II Tại thế như hà? loài người ta sống ở đời cho được làm gì?

III Hậu thế hà như? loài người khi chết sẽ đi đâu?

IV Sinh kí, tử qui? loài người có hai quê, Sinh kí, là quê tạm gửi, tử qui, là quê thật đời đời.

I 人 生 何 在

Nhân sinh hà tại? Ai sinh ra loài người?

Ta cứ trí khôn ngay lành đấng tạo hoá đã ban cho mà xét thế này: hễ vật nào loài nào chẳng kì, giá mà có một lúc vật ấy loài ấy chưa có, mà có một lúc nào vật ấy loài ấy có, thì cần phải có cội rễ căn nguyên vật ấy loài ấy sinh ra hay là làm nên vật ấy loài ấy, mà chớ, thí dụ như tôi và mọi người, mọi vật trên lời dưới đất, đã chắc có lúc tôi chưa có, mà mọi người mọi vật, cũng có một lúc chưa có, mà rầy có, thì phải luận chắc rằng: hết mọi người chẳng kì phương nào, và mọi vật trên lời dưới đất, thì rõ có một đấng nào làm căn nguyên cội rễ các loài các vật ấy, chẳng phải tự nhiên vô cớ đâu, như có câu trong đạo quen đọc rằng: «Tôi tin có một Chúa phép tắc vô cùng dựng nên lời đất, và các loài con mắt tôi xem thấy, và các vật con mắt tôi không thấy,» ấy là lời rất châu báu loài người phải ghi vào lòng, thì Chúa ấy gọi là đấng Tự Hữu (être à se) nghĩa là tự mình mà có từ trước vô cùng, hay là Thiên Chúa cũng là một, mà đấng ấy đã dựng nên lời đất muôn vật, cùng hằng gìn giữ, cai trị các loài các vật ấy khôn ngoan khéo léo vô cùng, ta hãy cầm trí xét cái kiến kia, là vật rất nhỏ mọn, vậy hỏi ai trong loài người dám nhận mình đã dựng nên nó ru? hần chẳng ai mất trí khôn mà dám nhận sự ấy; ấy thế mà ta xem, cái kiến nó có cả chân tay mặt mũi, gan ruột v.v. sinh sản, biết tìm kiếm ăn, biết để dành của vào lỗ để lúc không có gì thì ăn v.v. thì ai dựng nên then máy khéo léo dường ấy, ầu là phải luận rằng: cũng là một đấng phép tắc vô cùng dựng nên cùng gìn giữ cai trị vật ấy thì mới có phép tắc thứ tự làm vậy mà chớ, phần loài người thì xét hình tính vật pháp, thì loài người là

một máy rất khéo léo lạ lùng hơn bội phần, thời ai đã dựng nên loài người? Thừa là chính đấng Tự Hữu mà chớ. Vậy thời người nào rất to gan, khi đã chịu lẽ, mà lòng đã ưng nhận mà quyết cường lại, chẳng thêm nhận có một đấng Tự Hữu đã dựng nên mình cho có, thì là người điên dại mà chớ; dù có kẻ nói rằng: cha mẹ sinh ra mình, còn hỏi xét ai sinh ra làm chi, phải thật cha mẹ sinh ra ta, song phải dùng toán pháp mà hỏi mãi lên tính cho đến 1 ông 1 bà có trước mọi người, trong đạo gọi là ông Adong và bà Eva là tổ tông ta; song ông bà ấy chẳng phải là Chúa dựng nên loài người đâu, thế thì 2 ông bà ấy bởi cội rễ nào mà có, có phải tự mình mà có chẳng? hần là không, vì có lúc ông bà ấy chưa có, mà lúc bấy giờ có, ắt là phải có căn nguyên cội rễ ông bà ấy, là đấng Tự Hữu, mà đã chắc, ông bà ấy chẳng dám nhận mình là tự mình mà có đâu. song ta nói giá như ông bà ấy tự mình mà có, thì tôi và mọi người mọi vật cùng tự mình mà có, thì là điều phi lý hoảng hốt mà chớ; thế thì phải nhận là đấng Tự Hữu đã dựng nên ông bà ấy trước hết, rồi người ra lệ luật cho ông bà ấy, cùng con cháu cứ luật ấy, cứ lối ấy mà sinh sản nhau ra mãi cho đến hết đời, cứ vậy thì loài người chẳng có ai tự mình mà có sót, phải có một đấng Tự Hữu làm cội rễ thứ nhất dựng nên mọi người mọi vật, mà nếu có ai không phục lý chính ấy, thì cũng có ngày đấng ấy bắt phải nhận là lúc ta chết, bấy giờ đã muộn rồi, còn làm sao được nữa? Mà nếu có ai có phép làm cho mình chết đi, để mà thử, rồi lại làm cho mình sống lại, để cái tà qui chính, song khốn thay, quyền sinh tử không phải là quyền ta, cho nên chớ có ai liều mình thử sự vô cùng, kéo mà khốn cũng vô cùng, thật là trí giả quá chi, ngu giả bất cập. nghĩa là kẻ có trí khá mà suy ra được lý chính, thì lại không ép mình theo lý chính ấy, cứ lưỡng lự hoặc không hoặc có, còn ngu giả bất cập là kẻ ngu giết lu dù, suy

không tới, xét không ra, thì thế nào cũng là được, cũng là cả, chẳng suy xét, cứ vu vơ cả đời, hoá ra cả 2 thứ người này đáng trách đáng thương: đáng trách vì suy lẽ mà chẳng chịu theo lẽ, thật là mình tri cổ phạm, nghĩa là biết rõ mà còn cố tình phạm. đáng thương vì kẻ dốt không suy ra được, hay là không có ai dạy bảo. Ôi thương ôi! trong cả và thiên hạ biết

bao nhiêu người đáng thương đáng trách làm vậy, thế thì lý chính dạy rằng: Có một đấng Tự Hữu dựng nên loài người, còn cha mẹ ta, thì là căn nguyên thứ hai, đấng Tạo Hoá thông quyền cho, để mà sinh ra ta, còn đấng Tự Hữu là căn nguyên thứ Nhất hết mọi loài mọi vật, ai có tài thì hãy nghe, có trí thì hãy xét, có mắt thì hãy xem, mà suy cho chí lý.



TỰ TÍCH CỤ SÁU

Lạy ơn Chúa cả Thiên đàng,
Lòng thương Nan Việt khôn lường cho
Nền ban một đấng ung dung, [thông,
Việt nhân khí độ vô song anh tài,
Trần Lục báu hiện tên ngài,
Khâm Súi Tuyên Phổ ngọc dải mã kim,
Nguyễn Hinh thếu sĩ dám xin,
Mượn quẻ thành từ tác in rõ ràng,
Kể từ chim mới ra ràng,
Đã nên như thế phượng hoàng bay cao,
Bởi vì lòng càng khát khao,
Thương người mến Chúa cực cao vô cùng,
Càng ngày sốt sắng lạ lùng,
Danh tuy bé nhỏ âu trùng sơ sinh,
Song ma đức hạnh quanh mình,
Một niềm khăn khăn đồng trinh lọn lành,
Vừa khi đến tuổi trưởng thành,
Cha nuôi cho tới học hành latin,
Bởi người duệ trí thông minh.
Học mấy năm đoán xuất kinh giảng truyền,
Thật người là đấng tiên hiền,
Sinh tri chi thánh nguyên tuyên tự thái,
Hợp như chính Chúa Ngôi Hai,
Bất từ lao khổ phụng sai rành rành,
Ngọc nhân kim đức lọn lành,
Tòng chi nhi hậu tiên hành kỳ ngôn,
Nhật nhật tề tị thần hồn,
Đốt lửa sốt mến thiên môn mọi người,

Nhiều khi liều chết rõ mười,
Chẳng nề chẳng quản miễn người được
Ra ngoài độ chừng mấy niên. [yên,
Bỏ trên lại dạy hồi nguyên cái tràng,
Khi người phụng mệnh lại hoàn.
Dạy học trò biết mọi đàng đức nhân,
Latinh mẹo mực chu chuẩn
Thánh kinh hiền truyện cầu ân học đòi,
Đến thì nhị lập đã rồi,
Đặc truyền lý đoán phán hồi nghiêng tính.
Khi người sáu chữ phân minh,
Bỗng dân chiếu chỉ trong kinh rao truyền,
Chết rằng: thay thầy mọi miễn,
Đa-tô bất đắc tòng quyền Chúa thiên.
Bấy giờ lòng người như điên,
Xót xa sầu khổ thương chiến sẩy đàn,
Đi tìm len lõi các làng,
Khuyên chiến giữ nghĩa đặc toàn chữ
Nhất là hết lòng cực cung, [trung,
Kêu xin Chúa giúp thủy chung lúc này,
Chẳng hay người lại phải đây,
Lạng Sơn Hinh ấy làm thầy nghĩa bình,
Lưỡi nào mà kẻ cho tình,
Trí lượng công đức phân minh cho rành,
Khi thì người dạy học hành,
Cho nghĩa bình biết lập thành đại công,
Khi thì người lại đi trông,
Xem thuộc kẻ liệt chẳng không một người

Khó nhọc vất vả tươi cười,
 Cơm cháo phù trợ cho người ốm đau,
 Nhất là kẻ ngoại càn man,
 Giúp đỡ phần xác để sau kiếm hồn.
 Lại vì người rộng trí khôn,
 Ấn từ thảo pháp rất khuôn thiên thành,
 Dù mà giặc vây rành rành,
 Các quan văn võ liệu vánh trốn đi,
 Song người ban đêm một khi,
 Đem buộc hoá hổ lối đi trên ngành,
 Giặc đang kéo vào tung hoành,
 Người liền đốt cháy rành rành hoa rơi,
 Bấy giờ giặc liền tả tơi,
 Chạy tan đi hết thành tới người về,
 Các quan thấy giặc đã tể,
 Liền toan sớ tấu thưởng nghề pháp bình,
 Song người khiêm tốn từ khinh,
 Dám xin đừng có sớ kinh làm gì.
 Ấy là tất vậy một kỳ,
 Biết dân mà kẻ trong thì bất niên,
 Bởi đây nghĩa bình được yên,
 Thông dong giữ đạo Chúa thiên hằng ngày,
 Còn người lại được thiết bài,
 Nha môn đoán tụng dấy dấy lộc cao,
 Đắc lộc nhiều ít thế nào.
 Nghĩa bình nhận lấy đem vào nuôi nhau.
 Đến kỳ tha đạo về sau,
 Sace chử thánh cúi đầu chín xong,
 Song vi đạo còn long đông,
 Các đảng ngoại cuộc ở trong Bắc kỳ,
 Thông hàng phải có làm vi,
 Đến đâu trình dấy vậy thì mới yên
 Đức Cha nhủ người cách riêng,
 Lo mưu liệu kế cải thiện điều này,
 Vì vậy thâu đêm tới ngày,
 Tìm cách chữa đạo giải bày sớ tâu,
 Tâu cho giải lỏng từ an,
 Rửa sạch đạo mầu thanh hạm vô vi,
 Trấn ai khổ sở xá chi,
 Miễn là sự đạo yên di cam lòng,
 Nhiều khi chân rơi dòng dòng
 Thương chiến sỏi bắt lưới đồng thân qua,
 Hằng ngày cấy Mẹ Gasa,
 Ngăn cơn thịnh nộ Chúa Cha thương vi,
 Chẳng còn tưởng gì là gì,
 Một lòng khẩn khẩn hoa qui hướng dương,

Lửa chiều dụ lòng bên lương,
 Cho nó cái ác đoái thương chiến mình,
 Các quan người ở hết tình,
 Thờ phụng kính mến như hình con tôi,
 Đến khi vãng mạnh tới nơi,
 Trọng nhậm Phật Diệm cực ôi trăm đường,
 Song người cấy Chúa thiên đường,
 Sử nhân nhân ái rõ ràng từ thiên,
 Lòng người rất mực chí kiên,
 Như gang như sắt chẳng tiêu chút nào,
 Dù mà chấn đặng ba đào,
 Chẳng sờn chẳng chuyển tơ hào thí thi.
 Lầu kia Đức Cha tiền rì,
 Liệu cho hai Cổ được đi hoành hành,
 Thật người thương chí thiên thành,
 Đem bỏ ngoài bể liệu vánh bày mưu,
 Sáng mai thuyền cứ thưởng lưu,
 Đến đồn Trì Chính gặt giu lên trình,
 Quan đồn thét hỏi như hình,
 Ngoại tặc xâm lữ rưng tình vậy dư,
 Quan đồn nhất dện thảo tư,
 Song trước thì hãy gửi thư cụ Trấn;
 Bấy giờ phỏng độ giờ dần,
 Người sang báo hãy khám lần mọi nơi,
 Việc này chẳng phải việc chơi,
 Xem bị xem áo các nơi có gì,
 Khám rới hầu áo tức thì,
 Thông hành một phái truy tri ở trong,
 Khi ấy quan Huyện long đông,
 Kinh hồn mất vía gửi phong tu rồi,
 Binh sĩ voi ngựa một hồi,
 Kéo xuống hình giặc đã rồi ra đi,
 Bấy giờ tức tức một khi,
 Người liền từ lại quan thì về ngay,
 Ấy là ơn Chúa khi nay,
 Các đảng mới được vung tay hoành hành,
 Ấy là chứng thật rành rành,
 Tổ người thương trí thiên thành phú cho,
 Ít lâu người lại phải lo,
 Năm làng triệt hạ đất cho lân bang,
 Nền người vãng mệnh Giáo Hoàng,
 Vô kinh lo liệu vạn toàn như ngi yên,
 Kỳ này bốn mươi việc liên,
 Việc địa phận khác cách riêng từ từ.
 Khi đến Nghệ An bấy giờ,
 Đức thầy lại nói cấy nhờ việc to,

Việc ấy đầu đề duyên do,
 Ba mươi sáu mẫu sanh so chữ điển,
 Nhà chung vốn cầy tòng tiền,
 Song nay chiếu chỉ vua truyền các quan,
 Xem trong địa hạt Nghệ An,
 Ba mươi sáu mẫu liên can số trình,
 Các quan ai nấy quyết tình,
 Lấy thừa ruộng ấy long đình sở lên.
 Vua liền nhận lấy đặt tên,
 Tự điển Thái Hậu dựng nên phong phần,
 Cho được biệt giới làm căn,
 Chôn bốn chó đá đứng trên tứ vi,
 Thế mà người làm cho phi,
 Điển hoàn bản chủ tự khi đến rầy,
 Và lại tài trí giải bày,
 Biết bao mà kẻ tự ngày tây sang,
 Lo cho hai nước tương an,
 Đồi bên thoả thích bi hoan yên lành,
 Nhất là trong kỳ hạ thành,
 Cấm cờ Hà-Nội rành rành như chơi,
 Lại liệu dân phố các nơi,
 An cư lạc nghiệp chẳng hơi việc gì,
 Các quán tây cuộc điều thì
 Lấy người làm trụ làm vì mai sau,
 Dù mà hạ thành ở đâu,
 Các quan cũng phải sở tâu hỏi người,
 Hà-nội đã chắc rõ mười,
 Các quan tự giấy mời người vô chơi,
 Đêm nay xin người nghỉ ngơi,
 Sáng mai làm lễ ở nơi trong thành,
 Ấy là lễ nhất người hành,
 Cho được tạ Chúa ơn lành phú cho,
 Đoạn tây lại hỏi duyên do,
 Hạ các thành khác phải lo thế nào,
 Bài binh bỏ trận làm sao,
 Cho lợi các tướng đỡ hao quân quyền,
 Bấy giờ tức thì người liền,
 Đem bản địa thế các miền thành ra,
 Bảo quan xem xét mật tra,
 Mặt nào xung yếu phụ đa binh cường,
 Các quan cứ vậy cho tường,
 Hạ thành thế ấy một dường như không,
 Biết bao chí lượng chi công,
 Tự khi khi sự đặc muôn vạn toàn,
 Cho nên người được vô vãn,
 Mà đây sao hoàng hoang kim ngân,

Lại người khoan nhân ái nhân,
 Khả dĩ mị duyệt tư dân giai tế,
 Nên Vua Nam Việt hạ đề,
 Bắc Kỳ Phủ Sứ chiếu về khâm sai,
 Long phi tiền thưởng trùng lai,
 Cấm bào mũ miện khâm tai phụng từ,
 Đến sau Toàn Quyền muốn trừ,
 Hàm Nghi Thất Thuyết khỏi cừ giặc Thanh,
 Nên tự bằng cấp đích danh,
 Trần Lục bầu hiệu vô Thanh an bình,
 Bấy giờ người mới xuất hình,
 Đề binh tới đến điều đình các quan,
 Đoạn rồi dụng cách khôn ngoan,
 Bài binh bỏ trận súng ran xông vào,
 Giặc liền bỏ chạy ào ào,
 Các đồn hết thấy đồn nào cũng thua,
 Còn như làng xá a rua,
 Tự tờ dụ lại phục vua bấy giờ,
 Ấy vậy nào có ai ngờ,
 Các lang phục hết như tờ dụ tứ,
 Dù mà thế nào cũng ư,
 Nhất sinh nhất tử khcan tư mặc người,
 Cho nên có truyện nực cười,
 Quan năm tùy phái theo người một khi,
 Thấy mình chẳng được công gì,
 Máu ghen hoảng hốt tự ri Toàn quyền,
 Để cho ông chỉ truyền,
 Khâm sai Tuyên Phủ về miền ngoài nam,
 Quan Khâm khi được tờ tham,
 Liền làm mấy chữ khôn ngoan giải bày,
 Lý lịch căn cước từ ngày,
 Vô Thanh trị loạn kỳ này y như,
 Rồi giao cho một quan Tư,
 Để quan ấy biết thật hư rõ ràng,
 Đoạn người cất quân lai hoàn,
 Về nơi Phát Diệm vạn toàn vinh hoa,
 Chẳng khỏi mấy tháng đã qua,
 Giặc lại kéo đến lập Ba Đình thành,
 Bấy giờ quan Năm lại rành,
 Sở xin thưởng phẩm bộ hành cho mau,
 Toàn quyền tự lại lần sau,
 Xin Cự vô tới cho mau dừng trì,
 Bấy giờ Cự chối tức thì,
 Rằng: ngài đã bãi ra gì vật tôi,
 Nên xin tha thứ đi thôi,
 Thầy Tư nào có tướng ngôi lợi gì,

Hãy hỏi quan Tư trong kỳ,
 Bình loạn thứ trước ra gì tôi đầu,
 Toàn quyền khi được tờ tàu,
 Liền hỏi quan ấy trước sau mọi điều,
 Mới biết quan năm làm liêu,
 Tức thì cách chức bãi triều hỏi dân,
 Rồi sai quan Sáu chính thân,
 Tới đến bàn bạc cần ân vuốt người,
 Dù mà sự đã nhờ rồi,
 Thì cũng trị được phản hồi vinh hoa,
 Ấy việc thảo pháp nói qua
 Còn việc văn án bằng ba bảy phần,
 Song tôi trí thiên độn dân,
 Biết đâu mà kẻ mà lần cho hay,
 Từ khi người mới ra tay,
 Làm quan phủ trị bấy nay đến rầy,
 Nhưng tôi cả dám giải bày,
 Mấy tích thượng trí đường tây thánh nhân
 Một là người gỡ chính thân,
 Trạng Bình mạo số việc quan tây về,
 Cho được luyện tập các nghề,
 Mã binh thiện xạ để huế tư gia,
 Bấy giờ các Cổ Đức Cha,
 Lo người chí tử khó qua hội này,
 Song người thư trình Đức Thầy,
 Dám xin cầu nguyện bằng ngày cho con,
 Xin đừng lo lắng héo hon,
 Trúng này chơi vuốt núi non quán gì,
 Rồi người thảo số tức thì,
 Số tàu Hoàng Thượng thương vì thân
 Xin sai một đấng khâm sung, [trung,
 Đại thần tra khảo thủy chung cho tường,
 Thần lương lại gặp quân lương,
 Phán toạ đôi chữ hỏi tường Trạng Bình,
 Hai là vì việc Triều Đình,
 Tây nam tối luận tức trình giải minh,
 Như việc Pha-Nho tấu kinh,
 Xin một khoảnh đất mở dinh bán hàng,
 Triều Đình ai nấy bằng hoàng,
 Chẳng biết thừa lại nên cùng lắng lo,
 Bấy giờ sai một quan to,
 Hỏi người thừa lại duyên do thế nào,
 Người bàn thừa cách ngọt ngào,
 Rằng: xin quý cuộc lượng nào thăm tha,
 Bởi chưng vì nước Lãng-Sa,
 Bất hết Nam Việt hoá ra toàn quyền,

Nên xin nếu muốn một miễn,
 Hãy hỏi Phú-Lãng chỉ truyền mới xong,
 Cùng khi Tây Nam long đông,
 Vì việc kể trị ở cung trong Đường,
 Bởi vì có bốn chi cường,
 Tranh nhau tức vị chẳng nhường cho ai,
 Tây Nam hiệp nghị cả hai,
 Song không thể đặt được ai cho rồi,
 Bởi đây triều đình hợp lời.
 Cứ Sử một kẻ tới rời quan khâm,
 Cho được hỏi người chủ tâm,
 Đặt ai thế vị cho dân được nhờ,
 Quan Khâm tức thì bấy giờ,
 Thừa lại chính lý chẳng chờ hỏi lâu,
 Rằng: quan bấy về đệ tàu,
 Hỏi ý Quốc Mẫu xá ân ngại gì,
 Quan liền từ già tức thì,
 Đưa cơn gió mát giải kỳ nắng nung,
 Cùng khi tư hỏi việc chung,
 Tây Nam hai nước tứ tung hàng ngày,
 Điều thì lấy người làm thầy,
 Các kiện khó xử giải bày thân thừa,
 Thì người xử dứt như cưa,
 Trong một giây phút lại đưa phản hồi,
 Khi người tới tỉnh đã rồi,
 Tây Nam Thầy Kiện hỏi lời khôn ngoan,
 Nhiều khi rất mực tối nan,
 Tây quan phân sách tam ban thật rầy,
 Ban nào cũng lấy làm thầy,
 Thế mà người lựa chẳng ngảy mổ phân,
 Ba là vì việc thứ dân,
 Oan không mạo khẩu người thân rõ ràng,
 Nên ai cũng được vô vàn,
 Pháp phân lý chính muôn vàn tương an,
 Đôi bên lưỡng tạo hi hoan,
 Thấy phê những chữ khôn ngoan biết là,
 Thiết tha rất mực thiết ta,
 Nhất là khi thấy dân đa oan tình,
 Như sự tàn nghị bất bình,
 Thì người đau đớn như bính giáo xiên,
 Lao thân tiểu tử liên liên,
 Lo sao bỏ nghị mới yên tâm thân,
 Lựa giây hoà hợp giãn giãn,
 Sắt cầm đại tiểu tưng bừng mới am,
 Chữ rằng: thanh xuất ư lam,
 Mà xanh lại thắng hơn chàm lạ chưa,



Nhiều khi chính người phải thừa,
 Những lời trung trực chẳng đua nịnh gì,
 Rằng: Tôi kêu xin chữ vì,
 Nam Việt Phú Lăng vậy thì mới xin.
 Toàn Quyền nghe nói cung kim,
 Cùng vì Phú Lăng mới xin làm vậy,
 Tức thì Toàn Quyền giải bày,
 Chữ vì Phú Lăng đường tây huyền vi,
 Xin cụ giải nghĩa là gì,
 Cho tôi được biết tường tri chữ vì.
 Bấy giờ cụ giải tức thì,
 Tây sang có ý hộ trì nước Nam,
 Ví bằng cứ như nghị toan,
 Chẳng phải bảo hộ lòng tham rõ ràng,
 Phúc cho Phú Lăng mọi đảng,
 Chẳng có nước khác bán hàng qua đây,
 Dù mà cho rằng: dân ngày,
 Nhưng tôi vì thủ kiện Tây cho rồi,
 Để kẻ bán hàng phản hồi,
 Thông cho các nước mấy lời phải chững.
 Ấy là cội rễ chi căn,
 Chữ vì là thể mãn răng tùy người,
 Toàn quyền bấy giờ mỉm cười,

Rằng: Tôi sẽ cứ như lời cụ xin.
 Chẳng hay mấy ngày được tin,
 Toàn quyền phải cách lời xin như thường,
 Nên người còn phải lo lường,
 Đợi ông khác đến sẽ tường cho xong,
 Khi quan mới đến đảng trong,
 Thì người đã sẵn liễn phong một tờ,
 Nay mong mai ước kia chờ,
 Vậy quan đã đến bây giờ đệ dâng,
 Quan mới thấy những lời chân,
 Phúc y nghiêm sức bãi tán nghị này,
 Đoan rồi quan lại thuyết bài,
 Bảo hộ phải cứ từ rầy về sau.
 Ấy là vấn tất mấy câu,
 Nhật sự rĩ lệ bấy lâu đến rầy,
 San hết nhân đức hàng ngày,
 Minh châu thập nhị giải bày chung thân,
 Biết đàn mà lượng mà cân,
 Nhật tân thân hữu nhật tân lạ lòng,
 Ai ơi muốn biết cho cùng,
 Tới nơi Phát Diệm mà dùng trí suy,
 Thật là thiên cuộc uy nghi,
 Hoàng hoàng cực trong nhiên khi rõ ràng,

MAISON A. RIDET & C^{IE}

Ở tỉnh HANOI, Phố Paul-Bert, số nhà 40

Phố Henri-Rivière, số nhà 19

Chữa các đồ khí giới.

Bán các đồ khí giới rất tốt dùng khí sấm và đi đánh giặc.

Đủ mọi thứ thuốc, đạn. Các đồ dùng phụ vũ khí.

Các đồ hàng trang—đánh cá—tập võ—đồ ngựa. Các thứ điều ăn thuốc lá.

Ordres français et coloniaux.

Mrs **A. RIDET & C^{ie}** là người thay mặt nhà **VERNEY CARRON FRÈRES,**

F. DARNE FILS ET CHARLIN ET C^{ie} DE ST ETIENNE

LUNETTERIE

BALLONS DE FOOT BALL

ARTICLES DE SPORTS

BANDES MOLLETTIÈRES.

E. DELEULE

ở tỉnh Hanoi, phố Jules Ferry, số nhà 108

MARECHALERIE—CHARBONNAGE

Có bán các đồ như sau này :

Xe đạp hiệu « **Aleyon** » và « **Terrot** »

Xe đạp hiệu « **Strong** »

Bán cho các Quý Khách Annam giá rất rẻ.

Lại cũng bán cả MÁY KHẤU (*Mine d'or*)

Đây cũng có xiềng chữa các đồ thường dùng.

Và bán các đồ về các xe đạp và xe điện (*Automobiles*)

Xin các quý khách vãng lai chiếu cố.

P. ROQUE

CHỦ TÀU
HAIPHONG

HAIPHONG-MUI NGOC		HAIPHONG-PHU-LANG-THUONG		HAIPHONG-ĐÁP-CẦU		HAIPHONG-HONGAY	
<i>Vừa đi vừa về đi qua</i> QUANG YÊN, HONGAY, PORT WALLUT, POINTE PAGODE		<i>Vừa đi vừa về đi qua</i> YÊN-LÉOU, ĐÔNG-TRIỀU SEPT-PAGODES		<i>Vừa đi vừa về đi qua</i> YÊN-LÉOU, ĐÔNG-TRIỀU SEPT-PAGODES		<i>Vừa đi vừa về đi qua</i> QUANG-YÊN	
<i>Chạy từ</i>	<i>Đến</i>	<i>Chạy từ</i>	<i>Đến</i>	<i>Chạy từ</i>	<i>Đến</i>	<i>Chạy từ</i>	<i>Đến</i>
HAIPHONG	MUI NGOC	HAIPHONG	PHU-LANG-THUONG	HAIPHONG	ĐÁP-CẦU	HAIPHONG	HONGAY
Trưa ngày	Sáng ngày	6 giờ chiều	Sáng ngày	6 giờ	Sáng ngày	Trưa ngày	5 g. chiều
thứ 2	thứ 3	ngày thứ	thứ 3	chiều ngày	thứ 5	thứ 3, 5	ngày thứ 3
— 4	— 5	2 và 5	— 6	thứ 4	— 7	và 7	5 và 7
— 6	— 7			— 6			
<i>Chạy từ</i>	<i>Đến</i>	<i>Chạy từ</i>	<i>Đến</i>	<i>Chạy từ</i>	<i>Đến</i>	<i>Chạy từ</i>	<i>Đến</i>
MUI NGOC	HAIPHONG	PHU-LANG-THUONG	HAIPHONG	ĐÁP-CẦU	HAIPHONG	HONGAY	HAIPHONG
11 giờ	Sáng	5 giờ 30	Sáng ngày	5 giờ 30	Sáng ngày	11 g. sáng	chiều ngày
sáng ngày	ngày	chiều	thứ 4	phút	thứ 6 và	ngày thứ 2	thứ 2 và 4
thứ 3	thứ 4	ngày thứ	— 7	chiều ngày	Chủ Nhật	và thứ 4	và sáng
— 5	— 6	3 và 6		thứ 5 và 7		và nửa	thứ 7
— 7	— 1					đêm ngày	
						thứ 6	
		Người thay mặt ở Phu-Lang-Thuong là: Ông L. BONNAFONT.		Người thay mặt ở Đáp-Cầu là: Ông L. GOUGUENHEIM			

Imprimerie Thiên Ban

NINH BÌNH

NHÀ XÚ' HAIPHONG

Cũng có bán các thứ sách Nhà In Thiên Bản Ninh Bình.

Nhà thờ gỗ lớn chính đường,
Kính dâng Đức Mẹ một đường Rôsa,
Cuối nhà thẳng đấy mà ra,
Quán cư bằng đá nguy nga, biết là,
Trên đông lại có một nhà,
Toàn tinh gỗ thiết để mà kính dâng
Lái Tim Chúa trọng cực nhân,
Đoái thương đến lũ bản dân bạc tình.
Ở dưới một cái trung bình,
Làm bằng gỗ mít chỉ hình Juong.
Bên tây hai cái thông dong,
Đổi lại xan xát chẳng long mộ phần,
Cái trên lim lõi bóc trần,
Hình bóng chỉ tỏ về phần Phêrô,
Cái dưới rất mực mờ mờ,
Chạm đục hết cả nhỏ to các vị,
Kính thánh Juse hộ trì,
Con chiên bốn đạo trong thì gian nan,
Dưới rớt đông tây đôi hàng,
Cổng đá xây cuốn lại càng rung rinh,
Còn như đầu nhà trước rinh,
Bên đông một núi cao minh khác với,
Táng xác các thánh ở đời,
Chịu từ vì đạo đã rời thiên môn,
Bên tây một núi trí tôn,
Nhiều hang khéo léo trí khôn nạn lường,
Ở giữa một hang tổ tường,
Chúa Con ngự đây khiêm nhường giảng
Đàng trước một hang uy linh, [sinh,
Ngôi hai chịu nạn phục sinh thẳng đường,
Tây núi lại có một vườn,
Chúa đến cầu nguyện tổ tường máu rơi.
Xế sang bên tây một nơi,
Nhà thờ toàn đá chẳng hơi gỗ gì,
Kính riêng Đức Mẹ hộ trì,
Mọi kẻ chạy đến trong kỳ gian chuân,
Cuối nhà lại cách một sân,
Có núi nhỏ nhỏ kính dâng Đức Bà,
Bấy nhiêu văn tất gọi là,
Tổ ba đức cả huyền hoà nhân tâm,
Lại người khiêm tốn chí thâm.
Trên cung dưới kính quan dân mọi người,
Dù mà minh thánh tổ mười,
Tự xưng rằng: hãy kém người văn nho,
Cùng khi các quan thưởng cho,
Tước kia lộc nọ những lo khiêm tài,
Như khi nhà Trần thất đãi,

Ký ngụ đông hải nguyệt dài niên cao,
Nghe rằng: dân sự lao đao,
Phục người hết thấy ước ao long thành,
Liên phong ẩn tin rành rành,
Gửi xin Trần Lục hoàng hành lên ngôi,
Cùng thư mật báo rằng: tôi,
Xin cấp binh sĩ phục lôi muôn vàn,
Còn như nếu muốn bạc vàng,
Năm nhà xếp chặt quân toàn ngân kim,
Thì tôi sẵn lòng như in,
Hãy cho sang lấy tôi xin gửi về,
Khi người thấy ẩn đề huế,
Cùng thư nói đến sự tể quốc gia,
Bấy giờ người liền tỏ ra,
Lòng cực khiêm tốn thừa qua mấy lời,
Rằng: tôi vật gì ở đời,
Vô tài vô trí cổ người phục đầu,
Bấy nhiêu thốn bút mấy câu,
Dám xin tư lại gửi tâu nhà Trần,
Lại người thiện xử muôn phần,
Quan dân tùy bậc sát cầm êm tai,
Chẳng hề khinh dễ một ai,
Vạn dân hân duyệt khâm tai đến hầu,
Rỉ chỉ cho đến quân Tàu,
Cùng Tây Rang nữa một mẫu kính cung.
Ay là các việc thủy chung,
Tổ người đã được trí sung thập toàn,
Còn các đức khác lại càng,
Vững vững giải tỏ hoàng hoàng minh châu,
Bởi tôi hậu sinh biết đâu,
Mà kể cho hết bấy lâu đến rầy,
Song tôi cả dám diễn bày,
Biết đâu câu đấy mới tẩy lòng tôi,
Để cho mọi kẻ xa xôi,
Ai nấy điều biết chính ngôi vị người,
Cho được hiển một tổ mười,
Những việc đại sự rõ người thánh nhân,
Cùng cho mọi kẻ đồng tâm,
Cầu xin Chúa đã căng lân hạ kỳ,
Ghé mặt thương xem hộ trì,
Cho Cụ tới đến thượng kỳ bách niên,
Để người thân giục liên liên,
Nam Việt mọi kẻ bằng yên đôi phần,
Trong lúc khốn khó vô ngần,
Thư Hùng vị định Hán Tần tương tranh,
Bấy nhiêu thốn bút niên canh,
Bát niên Thành Thái Hoàng danh ản từ.



Mémoires d'un Merle

Truyện con Sáo đi khắp cả thế gian.

Phân Thu' I

Kể từ năm 1914 năm nào tôi cũng hằng đi giao sơn thủy giao khắp mọi miền trong thế gian, để tìm kiếm các truyện hay, và mới lạ để đăng vào Lịch Thiện Bản để hiển các ngài đã dự phần vào lịch ấy được xem mà hiển các sự hay giờ đã xảy ra trong cuộc thế giới này. Trong 5 năm nay mắt tôi hằng trông thấy nhiều sự gở lạ kinh khiếp, tai tôi hằng nghe thấy những tiếng súng thần công, súng Đại bác đã nổ ra âm ỹ gần khắp thế giới, mà tôi cũng liêu minh trèo non lặn suối, lên cao chót vót, xuống vực rất sâu, sông qua chốn hòn đạn, mũi tên, cho được nhất uhanh bởi mồm các truyện rất dị kỳ để mà giúp Chủ Lịch Thiện Bản để bày giãi ra trong Lịch cho các ngài được hay. Trong khoảng 5 năm thì hằng ngày tôi hằng nghe thấy tiếng súng như pháo ran, mà tự nhiên có một ngày kia chẳng thấy tiếng súng nữa, chỉ nghe thấy những tiếng nhảy nhót reo hò, vang lừng vui vẻ, tôi lấy làm ngạc nhiên chưa hiểu tại làm sao, tôi cố tới nơi ấy xem cho tỏ

thì hoá ra việc loạn lạc chinh chiến đã được yên lành. Trong kỳ Lịch Thiện Bản năm ngoài tôi cũng đã kể rõ ra về việc Toàn thắng mà cũng theo lối hội chung thu ở thành Phari, trong cuộc ấy đã rước diễu qua dinh Arc-de-Triomphe và hầu khắp thiên hạ đầu đầu là cũng điều vui mừng ca xướng hết lòng về dịp ấy.

Vậy trong năm 1920 này thì tôi xin biến thêm mấy truyện rất hay bội phần, các ngài xem thì chắc rằng ai cũng động lòng tạ ơn người khen Lái Tim cực trọng cực thánh Đức Chúa Jêsu hết lòng. Về những việc mở đại hội thì mở trong hai tỉnh lớn là thành Phari và ở thành Rome.

Làm phép trọng thể đền thờ Montmartre.

Việc đại hội là việc xúc đầu thánh nhà thờ Montmartre ngày thứ năm là ngày 17 tháng 10 năm 1919. Về kỳ lịch Thiện Bản năm ngoài tôi đã kể các sự tích về việc làm phép nhà thờ ấy là ngày 17 tháng

10 năm 1914; nhưng bị việc chinh chiến nên lại cái lại là chính ngày 16 tháng 10 năm 1919.

Đức Giáo Hoàng sai Đức Tể tướng Vico thay mặt người cho được làm đầu về sự làm phép đền thờ Montmartre; 113 đảng nữa, vừa Đức tể tướng vừa Đức Giám mục thuộc về các nước tùy tùng Người. Còn các thầy đi xem lễ đông quá không thể kể sao cho xiết được. Lễ bắt đầu làm từ 7 rưỡi sáng suốt mãi cho đến trưa. •

Đến tối và hai ngày hôm sau cũng còn làm lễ cho các bôn đạo mọi nơi đến xem. Trong lúc làm lễ thì đông các quan đến xem lễ lắm, tôi xin kể qua đây mấy ông quan có phẩm tước: Quan Tổng Thống Foch và quan Tổng Thống Pétain các quan Thống Chế, các quan Võ ban, các quan Hội đồng và các quan Khâm mạng v. v. nghĩa là hầu hết mọi đẳng bậc trong nước Pháp điều hết lòng chúc mừng người khen và đội ơn Lái Tim rất nhân lành Đức Chúa Jêsu đã mở ra mà cứu chữa phù hộ cùng ban ơn cho nước Pháp được cuộc Toàn thắng này.

Ơ thành Roma.

Đến tháng 5 tôi lại bay sang thành Rome. Đây đủ một tháng tôi thấy nhiều việc hay và rất làm động lòng không thể kể cho xiết được.

Trong mấy ngày tôi thấy Đức Giáo Hoàng đứng đầu các lễ mà làm phép phong chức thánh cho các đảng, và nhiên Đức Giám mục, thầy cả và con chiên bôn đạo nước Đại Pháp, vì phần nhiều các đảng thánh được phong chức ấy là người nước Đại Pháp - Vậy kể ra như sau này:

Ngày chủ nhật là 9 tháng 5 phong chức thánh cho bà thánh Louise de Marillac là vợ ông Le Gras là đảng đã lập ra nhà phước nữ trình với ông thánh Vicente de Paul.

Giữa hôm chủ nhật là ngày 16 tháng 5 Bà thánh Joanna thì được phong là thánh trước mặt nhiều người, và trong nước

Pháp có cử ông Hanotaux đi thay mặt cả nước.

Ngày thứ 5 là 13 tháng 5 ngày lễ Đức Chúa Jêsu lên lời; phong chức cho bà thánh Marguerite-Marie Alacoque và ông thánh Gabrieldel l'Addolorata.

Ngày chủ nhật là 23 tháng 5 ngày lễ hiện xuống phong chức cho ông thánh Olivier Plunket từ vì đạo Thống Soái Armagh Hồng Mao.

Ngày chủ nhật là 30 tháng 5 ngày lễ Đức Chúa Lời Ba Ngôi phong chức thánh cho bà Anne Marie Raige, là đàn bà hoá qua đời năm 1857.

Ngày chủ nhật là 6 tháng 6 phong chức thánh cho các đảng nhỏ từ vì đạo Ouganda

Ngày chủ nhật là 13 tháng 6 phong chức thánh cho 4 nữ trình nhà phước Arras và 11 đảng thánh Valenciennes từ vì đạo về đời loạn lạc đã xảy ra trong năm 1789 trong nước Đại Pháp.

Bà thánh Joanna d'Arc.

Năm ngoái đã tóm lại tích truyện Bà thánh Joanna. Bây giờ nhắc qua lại một phép lạ đã xảy ra là Bà thánh này có quyền phép mà bầu cử cho Bà Mirandelle được khỏi bệnh.

Trong năm 1908 Bà Mirandelle ở thành Orléans bị đau nặng nơi gót chân trái, sau chỗ đau ấy sinh ra một giầu loét hơi to nhưng mà sâu. Hết mọi thầy thuốc đoán như nhau rằng: chỗ đau ấy khó chữa lắm; chữa mãi đủ một năm giờ cũng không khỏi.

Đến sau là tháng giêng năm 1910 ở nhà thờ xứ bà Mirandelle người ta đọc kinh cầu xin bà thánh Joanna d'Arc cho bà Mirandelle được khỏi. Bà Mirandelle ngày nào cũng có bạn mình, là người làm việc tại sở khi thấp đèn, giúp vào nhà thờ đọc kinh chịu lễ sốt sáng luôn. Bà ấy đọc kinh sốt sáng tuần thứ nhất đủ 9 ngày và luôn cả tuần thứ hai, đến khi mới bắt đầu đọc

kinh tuần thứ ba thì chỗ đau không thấy bớt tí nào, một ngày một đau thêm. Các thầy thuốc định cho bà ấy từ rầy giờ đi chỉ nằm ở giường mà thôi, không còn trông mong khỏi được; sau cho được khỏi phải đau đớn lắm, và khỏi phải cắt chân.

Ngày 5 tháng 2 bà Mirandelle lại đọc kinh ngày thứ 4 trong tuần chín ngày. Đến ngày hôm sau khi bà Mụ chữa cho bà Mirandelle rở vài bọc ra thì thấy chỗ loét ấy đã khỏi hẳn rồi không còn mủ gì nữa. Mà bà Mirandelle để chân xuống đất đi mà không còn thấy đau đớn gì nữa. Đã 10 năm nay bà ta cứ đi mãi như người lành vậy, cho nên bà ấy kính mến và biết ơn bà thánh Joanna d'Arc một ngày một hơn.

Ay là nhờ có phép lạ bà thánh Joanna d'Arc cho nên bà Mirandelle đã được lành như cũ.

Ngày kỷ niệm Bà Thánh Joanna.

Hôm 24 tháng 6, năm 1920 ông Barrès và 285 người đồng toà với ông ấy cứ nói đấy mà dựng nên một ngày hội gọi là ngày kỷ niệm Bà Thánh Joanna, là hội lòng trung thành trong nước. Hôm ấy chẳng có điều gì ngăn trở mà hội đồng cũng đã y điều bàn ấy.

Toà Thượng nghị trước hết thì đã dựng nên ngày kỷ niệm Bà Thánh Joanna và đã lập hẳn ra hội ấy ở bên nước Pháp trong ngày mồng 8 tháng năm. Điều chỉ định ấy ai ai cũng vỗ tay mà chúc mừng vui vẻ lắm.

Sự vui mừng này thì hết cả trong nước được nức lòng mà lại là sự gieo lòng can đảm và nhớ ơn Bà Thánh Joanna vì người là quan thầy bầu cử cho cả nước Đại Pháp.

Hết mọi nơi ai ai cũng điệu mến và kính trọng Bà Thánh Joanna hết lòng. Trong các thành phố và các ngã ba trong nước Pháp điều có xây tượng bà Thánh ấy. Ở bên Amérique có xây nên hơn 3000 tượng Bà Thánh Joanna mà kính.

Ngày phong chức thánh cho các đảng trẻ tây đen tử vì đạo trong nước Ouganda.

Độ chừng 10 năm nay tôi cũng đã sang Roma mà thấy Đức Giáo Hoàng làm phép phong chức thánh cho các đảng tử vì đạo về nước Annam. Nước ấy chịu đạo đã được 300 năm nay. Nay tôi lấy làm vui mừng mà được xem lễ phong chức thánh cho các đảng trẻ tây đen ở trên Ouganda mà nước ấy mới chịu đạo từ 1878 mà thôi.

Đức Cardinal Lavigerie sai Đức thầy Lavinhac đem một bọn đầu tiên các cố người tây trắng sang phương Nam Xích đạo trong năm 1878 cho được giảng đạo. Ai cũng điệu suy phục cả mà bằng lòng theo đạo Thiên Chúa cùng chịu rửa tội.

Trong năm 1886, vua nước Ouganda tên là Mouanga xưa nay vẫn hàng rộng cho đạo thánh Đức Chúa Lời mà đến năm ấy thì vua phải lừa mà nghe những kẻ cáo gian cho những người có đạo, nên vua trở lòng mà bắt giết ông quan rất cận thân tên là Joseph Mkasa và hai ba ông ở trong triều cũng có đạo, chỉ vì tội "đọc kinh." Rồi thành ra cấm đạo chung cả, và vua truyền giết hết những kẻ nào đọc kinh.

Những đảng đã chịu chết đổ máu mình ra vì đạo là các quan nội thị trong Triều cả.

Vậy ông quan nhất phẩm tên là Charles Louanga mới lên 20 tuổi thì phải bắt ra trước mà chịu gia hình để cho các bạn ông ngã lòng, ông ấy phải siêu đốt giã. Lúc chịu trong than lửa thì lý hình bảo ông ấy rằng: "Chớ thì Chúa sẽ đến mà cứu ông ra khỏi lửa này chứ!" Ông ấy nói lại rằng: "Thằng ngu hèn kia! Mày không biết điều mày nói ru? Trong lúc này là chính mày lấy nước lửa mà dội trên mình ta đấy; như mày, mày đã cả lòng nói phạm đến Đức Chúa Lời thì có ngày Người sẽ gìm mày trong đồng lửa thật khốn nạn đời đời."

Ba ông quan thị thân kia còn ít tuổi

hơn, là ông Siméon Sébouta, ông Denys Kamiouka, ông Oualébé, thì lý hình thương mà xui rằng:

«Các ông chỉ việc rằng từ rầy mà đi các ông không còn cầu kinh nữa, thì Đức Vua sẽ mở lòng mà tha cho các ông về.» Các đấng trẻ ấy nói rằng: «Chúng tôi còn sống được lúc nào thì chúng tôi còn đọc kinh cầu nguyện lúc ấy.» Bấy giờ lý hình không giục nài gì nữa, và có ý để cho các ông ấy trông thấy những hình khổ của những đấng khác phải chịu. Vậy lý hình điệu cả lên trên gò Namougongo. Tất cả là 20 người.

Ở trên đỉnh gò ấy thì có nhiều sậy đã khô chụm vào vuốt nhau. Thì lý hình bó từng bó to một và buộc mỗi ông vào một bó. Trong bầy ấy người thì có ông Siméon Sébouta là ít tuổi hơn cả thì lý hình không bó vào sậy; bấy giờ ông ấy tưởng rằng chúng nó bỏ quên mình chẳng, liền kêu lên rằng: «Bớ sậy tôi đâu? Người nào cũng được một bó, về phần tôi, tôi cũng muốn được một bó như thế.» Lý hình giả cách như ý ông ấy cáo nài thì mới làm, liền cũng buộc ông ấy vào một bó như các ông kia, nhưng để riêng ông ấy ra với ông Denys Kamiouka và ông Oualébé.

Trong các người đã phải bắt thì có một người con người lý hình. Mà bố đã tìm cách xui giục con bỏ đạo, không nổi, thì bảo con rằng: «Con ơi, thôi con hãy bằng lòng một chút để cha giấu con vào trong nhà cha.» Bấy giờ người con thưa lại rằng: Thưa cha, cha làm tội vua, nếu cha không giết con thì chắc cha sẽ phải tội với Đức vua mà chết. Con đã biết mình con phải chịu chết chỉ vì con giữ đạo Thiên Chúa. Thôi, xin cha hãy giết con đi.» Vậy người lý hình không để cho con phải siêng sốt thì sai một người quân mình lấy gậy đánh mạnh một cái vào gáy người con liền chết. Rồi xác con cũng bó vào bó sậy mà cũng để vào một đồng với những người kia. Xong rồi mới lấy lửa đốt những bó sậy, mà đốt dần từ chân những đấng ấy giờ

lên có ý làm cho các đấng ấy phải chịu đau lâu và mong rằng nhiều người sẽ chối đạo. Song ý mong ấy thì mất công vô ích! Các đấng phải chịu đốt làm vậy thì bảo nhau đọc kinh cầu nguyện rất lớn tiếng vui vẻ lắm. Trong vòng nửa giờ thì những cây sậy cháy tàn hết và chỉ thấy một xác cháy giờ giăng ở trong đồng gió mà thôi. Ba đấng trẻ hơn đã nói trên này thì còn để lại. Các đấng ấy cứ vững lòng, chẳng núng chút nào. Lý hình trông thấy các người trẻ con ít tuổi như thế mà coi sự chết chẳng ra gì thì lấy làm ngạc nhiên. Nó định cời trói ra mà lại đem về ngục giam. Các đấng trẻ thấy mình còn để lại thì lấy làm buồn bã lắm liền bảo lý hình rằng: «Làm sao lại còn để chúng tôi lại làm gì? Chúng tôi là kẻ cố đạo cũng như những người kia. Chúng tôi có chối đạo chúng tôi đâu, chúng tôi chẳng hề bao giờ mà chối đạo Thiên Chúa mà chúng tôi đã thờ. Thế thì sao lại còn để chậm lại làm gì mà chẳng giết chúng tôi đi.»

Đức Chúa Lời có ý để các ông ấy còn sống lại ít ngày nữa để mà làm chứng sự can đảm sau hết của các bạn các ông ấy đã làm.

Vậy có một ông tên là Mathias Mouroumba làm quan toà trong một hạt kia cũng bị phải tay vua dữ Mouanga; ông này chịu phép rửa tội ngày 8 mai 1882. Từ đấy ông ăn ở với vợ rất hiền lành, bà ấy cũng có đạo, ông bà dạy các con cái học kinh bốn hần hồi. Khi mới khởi sự cấm đạo thì ông ấy phải bắt trước nhất mà phải đem đến trước toà quan án tra xét. Quan Án trông thấy lấy làm khinh để mà hỏi rằng: «Tên Mouroumba đấy à? Chính nó bây giờ đã theo đạo Thiên Chúa à?»

— Ông thưa rằng: «Phải, chính tôi đây.»

— Quan hỏi: «Sao mày lại cầu kinh.»

— Ông nói «Vì ý tôi muốn cầu.»

— Quan hỏi: «Mày đã đuổi hết vợ con mày đi, thế thì mày làm lấy mà ăn ru?»

—Ong Mathia lại nói lại rằng: Thế thì bắt ta đến đây vì thấy ta gầy còm, hay là vì ta đi đạo Thiên Chúa?»

Quan An giao ngay cho quan lý hình mà bảo rằng: Bay đem nó đi và giết ngay nó đi. »

Ong tử vì đạo ấy nói lại rằng: « ấy là điều tôi đã muốn. »

Bấy giờ ông Quan An gọi quan lý hình mà lại bảo rằng: «Hãy chặt chân chặt tay và xẻo gân từ miếng thịt ở lưng nó. Rồi hãy nướng cho nó trông thấy. Quan ấy lại nhạo rằng: Chúa nó sẽ cứu nó. »

Ong Mathias nói ngay lại rằng: «Phải, Chúa ta sẽ cứu ta; nhưng mà ông sẽ không trông thấy Chúa ta sẽ làm thế nào; Người sẽ lấy cái hồn ta đã kính mến Người thì Người sẽ lấy, còn cái xác chết của ta thì Người để lại đây cho ông. »

Quan An truyền làm khốn ông ấy hết mọi cách. Mà quan lý hình cũng dùng mọi chước cho máu không chảy ra được, để cho ông ấy sống giai và chịu cách rất dữ tợn không thể chết ngay được.

Mãi đến sau thì Bà chị ông Mathias mới được tin em mình đã làm sáng danh đạo thánh Đức Chúa Lời thì chạy đến trước mặt quan lý hình mà bảo rằng: « Bay đã giết em ta vì em ta đã đọc kinh; vậy ta cũng đọc kinh như em ta; thế thì bay cũng giết ta đi. » Lý hình thấy nhời nói cứng cỏi bạo gan làm vậy thì chẳng giám làm gì bà ấy.

Đức Chúa Lời để bà ấy còn sống lại để mà coi sóc các con mồ côi ông Mathias cũng như mẹ nuôi vậy. Ấy như thế là kẻ có đạo còn biết sự chết. Điều giảng dạy trong sách E-van thì chẳng mất được sức mạnh đâu, các đảng trẻ tử vì đạo người tây đen về phương Nam xích đạo thì chẳng có kém gì như các đảng tử vì đạo đời trước.

Ong Tertullien nói rằng: « Máu các thánh tử vì đạo đã đổ ra thì như hạt giống gieo thêm kẻ có đạo. » Nước Ouganda, đất các đảng tử vì đạo, và nước Maria hình

như lấy điều ấy mà yên ủi. Bởi thế cho nên hiện bây giờ được 98.000 kẻ có đạo và 112.000 người đang học đạo.

Trong bấy nhiêu người đến xem, thì tôi có trông thấy người ta nức lòng mà khen hai người cách riêng là ông Joseph Hisindisiri và ông Denys Kamiouka.

Hai ông này ở nước Ouganda đến xem lễ phong chức thánh cho các đảng bản cuộc mình, chịu tử vì đạo trong năm 1886.

Một ông ít tuổi hơn tên là Joseph Hisindisiri, sinh ra năm 1856 và chịu phép rửa tội năm 1884. Khi vua truyền bắt và siêu đốt các quan nội thị trong triều, ông Joseph lúc bấy giờ ở gần xứ ấy thì vua sai ông ấy đi sứ; khi giờ về thì ông ấy nghe tin rằng: quan Charles Louanga và một bọn quan nội thị có đạo thì đã phải luận án siêu chết đã được chín ngày rồi. Bấy giờ các bạn ông ấy có đạo xui ông ấy chớ nên để cho người ta biết mình là kẻ có đạo, và cả họ ông ấy không có đạo thì ai cũng xui ông ấy chối đạo đi. Song ông Joseph chẳng nghe ai, tự ý ông ấy động lòng muốn ước ao chịu chết vì đạo, ông ấy liền đến trước cửa đền vua mà xưng tỏ tường ra mình là kẻ có đạo và ông ấy chịu quan lý hình đem về luận án. Vua dữ chẳng muốn giết ngay, nhưng bắt ông phải đeo giây xiềng ở cổ và xích sắt vào chân tay, cùng bỏ giam ông ấy vào một nơi ngục hôi hám thối tha; ông Joseph phải chịu nhiều sự khốn cực không thể kể cho rõ ra đây được, và phải giam trong ngục ấy 20 tháng tròn mãi cho đến khi vua dữ ấy phải truất ngôi và phải xua ra khỏi nước trong tháng 9 năm 1888, mới thôi. Ông Joseph Hisindisiri được 12 người con; ông ấy là người đạo đức làm gương lành cho trong nước mà lại làm quan Thượng thư nữa.

Còn ông nữa tên là Denys Kamiouka, sinh ra năm 1871 và chịu phép rửa tội năm 1884. Khi việc cấm đạo đã xảy ra trong năm 1886. thì bấy giờ ông ấy cũng làm quan Nội thị mà đương tòng quyền ông Charles Louanga. Ông ấy phải bắt cùng

một lúc với ông thầy mình và với các bạn ông ấy, ông ấy xưng mình ra cách can đảm vững vàng và cũng phải chịu xiết xích như các bạn ông ấy cũng phải giam trong ngục được 9 ngày thì đem luận án siêu đốt. Song khi đến chỗ xử tử, thì ông ấy được tin ân xá tha giết ông ấy, ông ấy lấy làm đau đớn trong lòng. Mà kêu khóc nài xin lý hình siêu đốt mình, quản lý hình thấy ông ấy khóc lóc kêu van làm vậy, thì động lòng mà cũng bằng lòng buộc ông ấy vào một bó cây khô; nhưng đến khi

siêu những bạn ông ấy thì để ông ấy cách xa ra ba bốn thước tây, và khi lửa đã tàn rồi thì cỡi trời tha ông ấy ra. Ông ấy là kẻ xưng đạo ra vững vàng chắc chắn như thế thì ông ấy lấy làm cay đắng đau đớn là dường nào, vì đã mừng mà sẵn lòng chịu chết vì đạo và đã gần được hưởng sự thanh nhàn vui vẻ đời đời, thì lại chưa được sự như ý ông ấy đã trông mong. Ông Denys Kamiouka này cũng làm chức Tuần phủ được 10 năm và có 14 người con, ông ấy là người giữ đạo sốt sắng lắm.

Con Sáo ký

BÀ PHƯỚC ANTOINE

(*Sœur ANTOINE est Chevalier de la Légion d'Honneur.*)

Cả xứ Bắc kỳ khi được tin Chính Phủ Đại-Pháp thưởng Bắc-đầu-bội-tinh cho bà phước Antoine thì đều mừng rỡ mà hoan nghênh cái tin ấy. Bà là một người rất tốt, dốt một lòng vì Chúa mà làm việc phúc đức; nên tất cả xứ này ai ai cũng khen ngợi kính phục cái lòng nhân từ phúc hậu của bà. Bà từ bên Pháp sang đây hết lòng hết sức mà nuôi nấng những kẻ rất cùng khổ ở bán xứ; bà chỉ tâm tâm niệm niệm cứu kẻ nghèo đói, nên tay không mà bà đã lập nên ngày nay một toà nhà để chứa kẻ tàn tật đói khổ. Cũng và những kẻ ấy mà Bà cứ đàm tính tự nhiên rất vui lòng đi khuyên giáo để nuôi họ. Bà đi đến đâu thì ai ai đều kính trọng, dù nhiều dù ít cũng sẵn lòng đưa dâng vào việc làm phúc. Ta xem thế thì Bà là một đáng rất đáng ngợi khen kính mến, và đối với Bà thì chúng ta nhỏ mọn lắm, mà nhỏ mọn lắm thật đấy, vì ở đời này

ai ai làm việc gì cũng chỉ cốt cho mình trước đã, nên có câu phương ngôn rằng: « Làm phúc gì chả bằng làm phúc cho mình. » Bà phước Antoine thì chả nghĩ thế bao giờ. Bà chỉ cốt làm phúc cho người chứ chả tưởng gì đến mình; hình như bà sinh ra ở đời này chỉ để cứu giúp kẻ khổ sở khó khăn, chứ như bà thì bà mong đến đời sau sẽ được hưởng sự sung sướng, mà ta chắc rằng đời sau bà sẽ được đền công khó nhọc.

Ngay bây giờ bà cũng đã bắt đầu được đền cái công đức ấy. Quan Thượng-Thư thuộc-địa Albert Sarraut khi ngài trọng nhậm chức Toàn Quyền Đông-Pháp đã từng ngợi khen lòng nhân đức của Bà, chứng quả cái công lao khó nhọc của bà; nên muốn đem cái công việc phúc đức bà làm cho ai ai cũng biết thời ngài đã cất Bà phước Antoine lên nơi rất danh giá là thưởng cho Bà Bắc-đầu-bội-tinh. Quan

Thượng-Thư thuộc-địa làm như thế là một việc rất đích đáng, rất hay vậy.

Hôm Hội Kỳ-niệm 14 Juillet 1920 ở Hà-nội vừa rồi quan Thống Sứ Bắc kỳ đã gán Bắc-đầu-bội-tinh cho bà phước Antoine. Sáng hôm ấy mới 6 giờ sáng dân gian từng hàng nghìn con người kéo nhau đến đứng đông như kiến ở bên trường tập trận để chờ xem điểm binh. Hồi 6 giờ rưỡi các đạo quân lính trong trại đã kéo ra đông đủ cả. Đương lúc ôn ào người ta kéo nhau đến xem thì lừ lừ thấy một xe ô-tô đi lại chỗ rạp, ở trong ấy có Bà phước bề trên dòng Saint Paul de Chartres cùng bà phước Antoine bước xuống, các quan đều chào. Mọi người đi xem trông cả về phía xe đậu thấy hai bà phước bước lên rạp ngồi vào chỗ ghế về bên tay phải chỗ các quan.

Trong khi các quan điểm binh ở trường tập thì các máy-bay ở Bạch-Mai lên bay lượn ở trên đầu; trông lại càng rõ cái vũ-bị của binh gia một cường quốc.

Đúng 7 giờ thì quan Phó Toàn Quyền Monguillot cùng với quan Nguyễn-Soái Puypéroux đi xe hơi đến. Có hai hàng ki mã đi dàn mặt và sau xe. Phường nhạc thổi bài « Au champ », rồi đến bài « Marseillaise »; các đạo quân đều bồng súng chào.

Quan Nguyễn-Soái Peyrègne thống binh ở Trung Bắc-kỳ cũng cỡi ngựa tới nơi lúc bấy giờ, ngài đến trước rạp chào các quan rồi đi điểm quân một lượt, có quan ba Barfetty và Mazoyer theo hầu.

Điểm binh xong thì các cờ ở hàng quân ra sắp hàng ở giữa trường tập trận và các quan được thưởng Bắc-đầu-bội-tinh đứng sau cờ.

Bấy giờ Quan Thống Sứ mời bà phước Antoine xuống rạp ra trước chỗ cờ quay mặt về phía những người đứng xem. Quan quyền Thống Sứ Rivet đứng trước mặt bà phước Antoine rất cảm động mà nói mấy lời chúc Bà. Nói xong liền gấn mẽ-day đồ cho Bà trong lúc mọi người vỗ tay mừng. Quan Phó Toàn Quyền Monguillot đến bắt-tay bà phước Antoine và chúc mừng Bà.

Khi bà phước Antoine cùng quan Thống Sứ rời lên rạp thì mọi người lại đứng lên vỗ tay mừng Bà một lần nữa; mà bà phước Antoine thì cứ tự nhiên tươi cười. Ai trông thấy cảnh ấy cũng lấy làm vui mừng cảm động không bao giờ quên được!

Sau quan Sáu gấn mẽ-day cho các quan; đoạn rồi các đạo binh riêu đi, có phường nhạc đi trước thổi nhiều bài rất là vui vẻ.

Mademoiselle M. KHANH.

May!

Hai anh bạn gặp nhau ngoài đường, bắt tay nhau nói truyện:

At. — Anh Bình qua đời hôm qua, toa có phúng gì không?

Giáp. — Anh Bình nào?

At. — Bình rể bà cả La ấy mà!

Giáp. — Thế thì may cho moa!

At. — May làm sao?

Giáp. — Ay, trước moa cũng hỏi con bà ấy, nếu có đẹp duyên, thì moa còn gì là đời!

At. — !!!

FUMEURS!

Dans votre intérêt ne fumez que le **TABAC**

et les



CIGARETTES

NGƯỜI ANNAM TA!

Nên hút thuốc lá hiệu “CON GÀ”
Vì thuốc giống tại xứ ta,
Vì thuốc thơm tho hơn cả,
Vì chế tạo theo phép vệ sinh,
Vì bán giá rẻ hơn thuốc khác,
Nên bỏ các thứ thuốc ngoại-quốc,
Mà hút thuốc lá hiệu “CON GÀ”

PARIS — SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE — HANOI.

Fournisseurs de la Régie Française.

PATHEPHONE

Nói theo chế độ
bạn vắng. Dấu
sanh dấu từ
mình năng
mà thôi

AGENTS:
Berthet, Charrière & Co
HA NOI-HAIPHONG

Những máy nói Hiệu
PATHE hát không dùng kim, thì là quý hơn hết và đáng tiếng hơn hết cả và thế-giang.
Nhưng đĩa Hiệu **PATHE** mà nói được suông-sẻ như tiếng người, là cũng bởi nhờ có cây kim
ngọc-thạch đó, kim ngọc-thạch chẳng hề làm cho đĩa **PATHE** hư mà lại không đều chi
trắc trô chẳng phải như máy kim hát rồi một đĩa phải thay đổi hoài.

Thứ máy nói, chỉ có một
thứ máy nói

PATHEPHONE
này, nói như tiếng người ta,
rõ ràng hơn hết các thứ máy
hát khác.

Cả đĩa, cả máy và kim ngọc
thạch đều có khác hiệu

PATHE
Tại ở hiệu này có hơn một
triệu đĩa hát đủ các thứ tiếng.
Hoặc các quý khách nào
muốn mua máy và đĩa hát thì
xin hỏi chính hiệu **PATHE**
này mà mua vì đĩa hát hiệu
PATHE này tốt nhất hơn
các thứ hiệu khác và dùng kim
ngọc thạch chẳng hề khi nào
mòn cả.

Xin hỏi cách thức và mục lục ở nhà ông

BERTHET CHARRIERE & Co

HAIPHONG

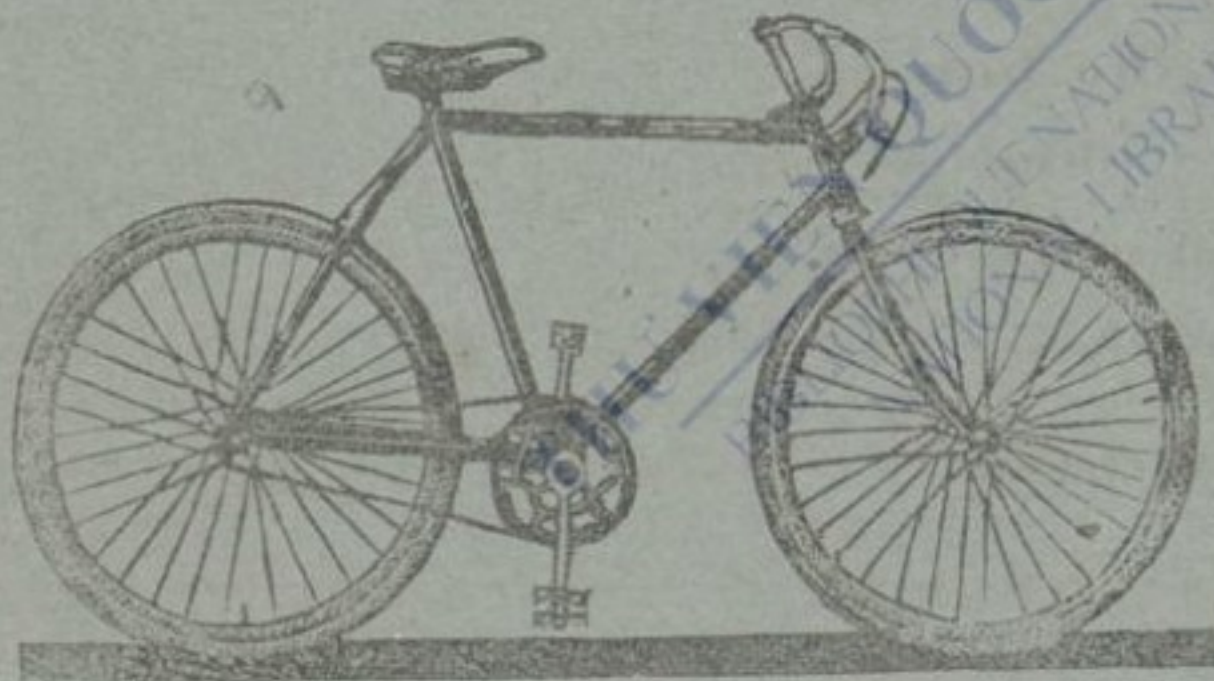
Số nhà 45, Rue du Commerce.

và nhà ở Hanoi số nhà 104 Rue Jules Ferry.



Xe đạp hiệu "SEMEUSE"

Vòng bít mép bằng gỗ và bằng thép trắng rõ nhẹ hoặc bằng sắt, ai muốn
lấy dăng nào tùy ý.



Tay lái quay thuận nghịch,
bánh che ngoài cho khỏi bẩn
dirt, bằng gỗ hoặc bằng sắt, lui
dựng đồ vật ống thụt hơi vào
bánh xe.

Giá hơi, máy rất chắc chắn
tốt.

Ai muốn mua thì cứ gửi giấy

về hiệu **BERTHET CHARRIERE & Co** ở HANOI-HAIPHONG

Ở' buồng số 9

Tên Bối xưa nay vẫn làm nghề canh công các cửa hàng to. Một hôm, không biết vì cớ gì, chủ hàng đánh cho một trận phải thế rồi đuổi ra khỏi cửa hàng. Bối tìm người nói hộ cho vào trông nom nhà thương kẻ đại điên. Nhà thương ấy to lắm, có nhiều buồng. Ai ai, giàu hay là nghèo, có người nhà đại hay là điên, đem gửi cả vào đấy. Đi qua ngoài đường lúc nào cũng thấy tiếng kêu, hát, chửi nhau.

Tên Bối xin vào đấy vì nó có một cái ý riêng của nó. Người thì vừa phải, mặt mũi xấu xa, mắt sáng quắc, cầm thì lẹm, môi giầy, mầu da sạm ngất, hai cánh tay dài như tay vượn, lưng la lũng lảng hai bên cạnh sườn hình như tìm tòi của gì hay là chực bóp cổ ai.

Tính nết nó tối tàn mà ác, hay đi mò đêm có gì thì vớ lấy; ông Đốc-tờ coi sóc nhà thương ấy cho nó làm những việc dữ tợn: như là khi bỏ những người điên hung hăng vào xe hay là vào buồng sắt.

It lâu, nó làm đơn xin ông Đốc-tờ cho vào làm chỗ liệm những xác người điên đại chết. Ta xem sau này vì tại cớ gì mà nó xin vào làm đấy.

Hôm ấy đồng hồ đánh bảy tiếng, gần một cái giường có cây nền thấp, các cửa sổ đóng kín mít. Canh lò sưởi có để một cái quan tài, trong ấy có một cái xác dài và gầy gò. Trước cửa buồng ấy có để số 9 sơn mui sam sím. Lăn cận đấy chỉ nghe thấy tiếng kêu, tiếng hát những người điên đại.

Cái xác nằm ở buồng số 9 vừa nói ở trên này là xác một người điên mới chết hôm trước. Tuổi hầy còn trẻ, cha mẹ giàu có. Con chết thì cho mặc những quần áo đẹp, đeo dây ảnh vàng và nhẫn vàng mặt kim cương như khi hầy còn sống.

Tên Bối liệm bỏ vào quan tài trước mặt cha mẹ cái xác ấy. Lúc đóng nắp ván sãng thì chỉ có một mình. Nó khoá chặt cửa xong đầu đấy, lại gần quan tài vạch khăn liệm, sờ ngực cái xác, thấy dây ảnh vàng thích lắm, lại lôi tay người chết thấy nhẫn vàng kim cương, liền sờ lần rút ra.... Lúc bấy giờ có một tiếng động ở gần cửa. Nó vội vàng bỏ đấy, chạy ra mở, mặt tái sanh, nghĩ bụng chắc có người rình nó. Lúc ra ngoài nó thấy bóng người chạy, nó đuổi theo.....

Ngay bấy giờ có một bóng người bò lồm ngồm trong buồng người chết. Cười nhe răng trắng, mắt chợn chợn trông đến ghê. Người ấy là một người điên ở buồng khác sở chạy đến. Người điên ấy đi đến gần chỗ cây nền, nhìn vào quan tài một hồi lâu rồi cúi xuống, sờ cái xác ở trong cái sãng, tùm tùm cười; nó cứ rón rén đi sẽ, sợ những người gác biết mà người ta đánh chằng. Nó sờ đi sờ lại cái xác ấy rồi nói: «Người đàn ông!...» Nhìn một lát lại nói: «Quái sao lại nằm ngủ ở trong những tấm lụa này, chả bao giờ ta được nằm như thế.» Thằng điên tưởng nằm ở trong cái quan tài ấy thì sướng và cái sự khổ của nó sẽ bớt đi. Nó lại nói: «Quái! nó

L. T. B. 5

ngủ lâu quá!» miệng nói tay ôm thốc cái xác ấy bỏ vào giường gần đấy kéo màn che kín. Song chèo luôn vào quan tài nằm như cái xác lúc nãy. Nó lấy làm thích trí, cười thầm rồi nhắm mắt lại ngủ...

Tên Bối đuổi mãi không bắt được ai, sau lại đến buồng số chín. Nó đến gần quan tài cho được lấy những vật quý báu ấy.

Kéo tay người nằm ở quan tài ra, không



thấy nhần nữa. Mướt mồ hôi, bụng nghĩ rằng có thằng nào nó đã vào đây mà lấy mất rồi. Tức lắm nó mấy vạch cả lựa ra sờ ngực người nằm ở quan tài.

Lúc bấy giờ xảy ra một sự gớm ghê!

Thằng điên nằm ở đấy thấy có người đến quấy rầy mình thì ngồi phắt ngay dậy, tay thộp ngay lấy ngực tên Bối. Sợ quá tên Bối tưởng người chết sống lại có ý phạt mình. Thằng điên nhảy xuống đất



ôm sốc tên Bối bỏ vào quan tài rồi reo cười. Tên Bối biết cách giở ngọt những đứa điên, song thằng này cơn nó lên quá cho nên không làm gì được.

Thằng điên lấy nắp sập đấy lại rồi ngồi lên trên, miệng cười khảnh khạch.

Tên Bối kêu riu rít ở trong quan tài như người sắp chết ngạt.

Thằng điên nhìn quanh nhìn quẩn, nhìn ngay thấy búa vuốt đánh gần đấy, liền với lấy đóng luôn. Xong nó chạy ra cửa về buồng nó nằm. ...

Đến trưa, người nhà đến, làm ma chay, khiêng quan tài ra nhà thờ làm phép xác, rồi đưa xuống vườn thánh. Cha mẹ họ hàng đi đưa cũng đông. Chôn xong mọi người ai về nhà nấy.

Ở nhà thương, ông Đốc-tờ bắt cu-li dọn sạch buồng số 9. Chúng nó vừa mới vạch màn, thấy cái xác nằm trần truồng

ở giường, liền bỏ chạy và đi trình ông Đốc-tờ.

Khi ông Đốc-tờ đến khám thì ra cái xác người điên chết hôm qua chưa chôn, vậy thì cái xác chôn lúc trưa là xác ai? Ông Đốc-tờ cho ngay người đi báo cha mẹ người chết biết và cho người đi đào cái quan tài chôn ban trưa lên xem.



Lúc cây nắp sàng ra thì thấy tên Bối nằm trong ấy, mặt đã tím ngắt, tóc đã bạc cả, nó kêu to lên một tiếng rồi nhảy

sổ ra, đi được ba bước, ngã lăn chết!..... Những kẻ gian tham thường không hay gặp may.
J. H.



CÂY NÊU VÔI BỘT

Tối hôm ba mươi tết năm ngoái tôi thấy nhà bên cạnh tôi, cùng nhiều nhà khác trồng cây nêu, và lấy vôi bột rắc làm cung nỏ để bắn.

Tôi hỏi anh ta rằng: tại làm sao mà trồng cây nêu và rắc vôi bột như vậy?

Anh ta thưa lại và cắt nghĩa cho tôi được nghe như sau này:

Đời xưa Quí và Bụt hai bên thi nhau xem tài ai giỏi, quí cầm con chim sẻ trong tay mà đổ bụt rằng: con chim này sống hay là chết? Bụt hiểu ngay, nếu mình nói sống thì thằng quí này bóp chết, mình

nói chết thì nó để sống, cho nên bụt chẳng nói gì sót, tức thì chạy đến đứng giữa cửa, một chân trong một chân ngoài cửa mà đổ quí rằng: ta bước ra hay là bước vào? Nếu quí nói bước vào thì bụt bước ra; nếu quí nói bước ra, thì bụt bước vào. Quí chẳng biết nói lẽ nào cho phải, thời nó giận lắm, liền ném con chim sẻ vào đầu bụt, cho nên gây thấy Tăng chổng có con chim trên đầu gây.

Đến sau quí lại thi phép mấy bụt rằng: Ai lặn được lâu thời làm liền anh, liền đem nhau ra giữa bể thi lặn. Quí lặn được một

lời, sợ ngạt hơi liền lên, bụt còn lặn lâu lắm, đến khi lên ọc bắm đầy đầu, cho nên trong chùa có bụt ọc, quí và bụt còn thì nhau nhiều phép khác, song phép nào Bụt cũng hơn cả.

Sau bụt và quí chanh nhau đất quí còn ở ngoài bể, bụt vào đất trước, hễ đi đến đâu thời trồng cây nêu đấy, và lấy vôi bột vẽ làm cung nỏ trên đất hễ quí vào thời bắn, quí trông thấy nêu, thời biết rằng đất bụt sợ không giẫm vào.

Khi tôi nghe câu truyện đó, thời tôi liền bảo anh ta rằng: Các anh trồng cây nêu, và rắc vôi bột là hú lắm, từ tối hôm ba mươi tháng chạp thời trồng cây nêu cho tới mồng bảy tháng giêng thời hạ cây

nêu, thế thời từ mồng tám trở đi quí không thấy cây nêu thời nó lại vào ru?

Vậy thời các anh phải biết rằng, đất này bây giờ là đất của riêng các anh mà một năm một lần các anh phải đóng thuế cho nhà nước, không phải đất của bụt, thời các anh nên bỏ lối cổ đi, từ rầy về sau đừng trồng cây nêu và rắc vôi bột nữa.

Những tiền mua cây nêu vôi bột, thời để mà sắm một lá cờ ba sắc treo khi hội tây và ngày tết thời phải lễ và lịch sự hơn.

Có chữ:

Trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi,
Kỳ bất thiện giả nhi cải chi.

TRẦN ĐỨC CƯỜNG.



GỐC TÍCH NGU'Ò'I MU'Ò'NG

Các Mường nước Annam vốn có từ đời Vua Hùng-Vương đến bây giờ đã được hơn bốn nghìn năm đến ở một giải rừng ngang rậm rạp hoang vu chưa có người ở. Trước hết có chín họ là: họ Đinh, họ Quách, họ Bạch, họ Hoàng, họ Hà, họ Cao, họ Nguyễn, họ Phạm, họ Trương; bấy nhiêu họ chia nhau ở mỗi họ một đám đất đặt tên là mường và đặt người đầu họ ấy làm Chúa mường đất ấy; rồi chiếu tập được bao nhiêu người đến ở thì cho vào họ Bùi cả cho ra cách biệt, dần dần mở mang thành dân thì mới theo lối Văn lang quốc triều (Hễ các người mường điều nhận vua Hùng Vương làm thủy tổ và truyền cho nhau gọi vua Hùng Vương là vua Gịt Giàng hay là vua Cùn Cùn gọi là Quan Lang nghĩa là quan Châu vua Văn Lang.)

Từ ấy về sau đất cát mở mang nhân số thêm nhiều mới đặt họ Bùi cho có

lính có dân để sai khiến các việc cung cấp mọi sự làm tôi Chúa mình, lại đặt lệ ngạch cấp điền địa và đặt họ Bùi làm chức dịch mà có 5 bậc: 1^o Phụ đạo cai nhưng, 2^o Chúa quan, 3^o Hoá mỗi, 4^o Cai cả châu Mường, 5^o Cai giáp. 5 bậc ấy coi sóc các việc trong dân mường mà về sau cũng có đổi danh hiệu ấy. Đến đời tiền triều: Đinh, Lý, Trần, Lê (gần 1000 năm nay) mới lập cho có thể thống, đặt cho có quan tư mường phong cho giữ bờ cõi giáp giới nhà nước hàng năm phải về châu và tiến cống Đức Vua mà thôi.

Đến 300 năm nay đời Hậu Lê mới lập mỗi mường làm một xã dân, dân lớn đặt một thổ tù, dân bé đặt một thổ ty coi sóc dân xã cứ nổi rồi lưu truyền chia phiên nhau mà về châu tại kinh là Hanoi. Đời ấy chưa có binh thuế tổng lý, cho nên quyền hành thì giao cho thổ tù thổ ty coi sóc gìn giữ bờ cõi nhà nước.

Đến đời nhà Nguyễn được 103 năm nay vua Gia Long định hẳn từ này về sau: Các thổ tù thổ ty có công trọng với nhà nước thì phong cho thổ ty làm Phòng ngự Sứ chọn lấy dân thổ làm quân ngũ mà gìn giữ các đồn về hạt mình; mà dù đã có tổng lý mặc lòng thì việc binh lương cùng những việc công vụ cũng trách cứ thổ ty phải liệu; sau dần dần bãi các hiệu binh cùng không đặt quan phòng ngự nữa. Lại phân sách các xã dân, dân lớn thì một xã chia làm bảy xã. Bây giờ ở châu Lạc Sơn có một xã Thạch Bi (cũng gọi là Mường Bi) chia làm bảy xã: Xã Phong Phú, Phú Vinh, Địch Giáo, Mĩ Hoà, Do Nhân, Tuấn Lộ, Qui Mĩ; cũng có xã chia làm 5 hay là chia làm 2, 3, 4 xã tùy nghi; lại lập tổng lý để chịu binh thuế cũng như dưới Hoa dân vậy, tổng lý thì trưng thu thuế lệ, mà thổ ty thì coi sóc việc thổ binh cùng chuyên biện các việc phân sự.

Từ khi Quý quốc bảo hộ đến nay mới lựa chiếu liệu cho đến nơi đến chốn: như trong tỉnh Hoà Bình đã có 4 châu là: Kỳ-Sơn, Lương-Sơn, Lạc-Sơn, Lạc-Thủy; trong tỉnh Ninh Bình có toàn tổng Yên-Lạc cùng những xã: Sơn-Tra, Phúc-Lương, Phú-Lai, Chi-Phương, Kỳ-Lão, Bất-Cơ, Thường-Sung, Hữu-İễn, Phú-Hữu; tỉnh Thanh-Hoá có huyện: Quảng-Hoá, Thạch-Thành, Cẩm-Thủy, Thủy-Nguyên. Bấy nhiêu nơi ấy đều có người Mường ở đến non một nửa; cũng như ở Châu Như Xuân mới lập toàn Châu cũng vậy. Tỉnh Cầu Đơ: huyện Mĩ-Sơn, Cao dương; Tỉnh Sơn Tây có những trại mới lập là: Hoà-mục, Quan-diệu, và Duyên-sơn, đều là những Mường ở cả. Phong tục, ăn nói, cư xử, áo mặc và học tập chữ nho như nhau cả. Còn như ở tỉnh Hoà-Bình có châu: Đà Bóc, Mai Châu; ở tỉnh Thanh-Hoá có 3 châu: Thường Xuân, Lang Chánh, Quan Hoá, và Xiềng Cổ, Man Duyệt; ở tỉnh Nghệ-An có: Sầm Nà. Bấy nhiêu châu thổ huyện thổ cùng bề trên tỉnh như: Vạn Mộ, Vạn An, Lai Châu và Chiêu Tấn bấy: nhiều nơi

nguyên là người Mường học chữ Lào cho nên những Lang tùy Lang trưởng mới biết chữ nho ăn nói khác xa người Mường mà nguyên dùng những mùi chàm mùi thơm mà thôi. Còn như ở tỉnh: Lạng-Sơn, Cao-Bằng, Thái-Nguyên, Tuyên-Quang thì các người Mường khác nhau xa lắm.

Phong tục.

Những nơi ấy các người Mường phong tục như nhau, song tiếng nói thì cũng một lẽ nhưng mà cũng có trại đi như dưới Huế dân vậy, (thí dụ Huế dân nói: Lờ, đất, người, 3 tiếng ấy trên Mường cũng nói như vậy song trại đi một chút, chẳng những là Mường vuồi dưới chợ nói trại đi mà thôi, mà lại Mường vuồi Mường cũng nói trại đi nhiều lắm; Cho nên trong 1 xã có 2 thứ tiếng, 1 tổng 4, 5 thứ tiếng; Còn về phong tục cư xử vuồi dưới Chợ thì cũng phân hợp phần không. Việc thờ thần phật đám cưới đám ma cũng có cả, chỉ có tiếng nói cùng phong tục thì khác nhau nhiều (thí dụ: dưới Chợ gọi huynh đệ là anh em, mà tỷ muội là chị em, thì Mường gọi huynh đệ là anh ừn mà tỷ muội là mang ừn khác nhau lắm vậy.) Đàn ông thì ăn mặc cũng như đàn ông dưới Chợ, nhưng mà đàn bà thì khác chỉ lấy sắc trắng sắc xanh sắc đen làm đẹp, đầu đội 3 vuông khăn vải trắng hay là xanh hay là thắm, mình mặc áo may 4 thân và mặc quần cạp dệt thứ hoa sắc sỡ vắn quanh mình; đàn ông đàn bà cũng búi tóc nhuộm răng cả, đàn bà thích đeo mã não, hổ phách, kim ngân, hạt châu làm đẹp, cho nên có miễn dù có việc mừng cũng chẳng kiêng mùi trắng, dù có việc tang cũng dùng đồ điều thì làm vậy.

Về năm tháng ngày giờ thì 7 xã Thạch Bi quen gọi trước lịch quan 3 tháng, song 3 xã này là: Thạch An, Cao Phong, Vĩnh Đông thì gọi trước lịch quan 4 tháng còn các nơi khác thì gọi theo như lịch quan chỉ tháng, nhưng mà ngày thì gọi lùi sau

lịch quan một ngày các dân điều theo lịch quan chỉ tháng đầu hết thì tháng ấy chỉ có 28, 29 ngày mà thôi.

Quan Lang.

Sự làm quan Lang thì cứ phân tổ nghiệp lưu truyền cho, vậy kẻ mạnh không được hiếp kẻ yếu, không được cậy nhiều mà hiếp ít, người cũng không được cậy giàu có mà hà hiếp kẻ khó nghèo, chẳng kể cái nhiều dân hay là ít dân chỉ trọng nhau vì là quan Lang mà thôi: ấy là phép chung thì làm vậy. Song cũng có quan Lang tham lam hà hiếp dân sự đến nỗi dân phải giết hay là đuổi nó đi phương khác, cũng có khi bởi lòng dân yêu ghét, hay là vì tình anh em ghen ghét nhau mà bỏ người nọ đặt người kia lên làm Lang, cũng có khi không có con lai thì dùng con gái mà dân tình nguyện đặt rể kể tự, vốn phép làm Lang thì cha truyền con nối chẳng kể khôn dại tật bệnh (vì nếu thiếu phần nào thì dân giúp đỡ.)

Lệ phải lấy con lai trưởng mà nối dòng, còn các con thứ thì ăn phần trong các làng (nghĩa là Lang chòm) vậy hễ sinh con lai cả thì gọi là Lang trưởng, Lang mừng, Lang chánh, Lang chu; con thứ hai gọi là Lang hai, Lang ba cũng là gọi Lang quản Lang hiệp cứ thứ tự mà gọi; khi sinh con gái cả thì gọi là nàng á, mà con thứ thì gọi là nàng hai, nàng ba cũng cứ thứ tự như vậy. Khi con cái đã khôn lớn thì gọi cha là quan cố, gọi mẹ là bà cố, vợ cả gọi là bà trưởng, bà mừng, bà chu, chánh bà, cũng theo như tên chồng mà gọi, khi còn sống thì dân gọi là lang bà, song khi chết đoạn thì dân gọi chính tên tục chẳng được gọi tên khi còn sống. Hễ làm Lang thì nhà ở phen rào dân mừng phải làm cả, hằng năm cấy cấy dân mừng phải liệu đủ lúa thóc cho Lang nhà ăn dùng, lại phải nộp đủ bông vải cho nhà Lang đủ mặc.

Vốn lệ Mừng đàn bà không được ra nhà khách tiếp khách, hoặc có khách trọng hay là thân thiết lắm thì ra trước đứng xa xa bái kính mà thôi, và lại các nơi ấy cũng khác phong tục các châu các huyện lân cận cho nên xưa đã đặt ra một huyện thì làm vậy. Bằng con lai nhà Lang thì khi còn bé học chữ nho, đến lúc lớn thì các quan dân sự nguyên ở trong rừng lấy nghề đi săn bắn làm thích, còn con gái khi còn bé chăm nghề thêu dệt tằm tơ bông vải cùng chăm giúp việc trong nhà làm chính việc. Còn những người dân gian nơi nào gần dưới Chợ thì cũng học chữ nho; nơi xa dưới Chợ thì chăm nghề làm ruộng, mà đàn bà con gái cũng chăm nghề may vá tằm tơ lụa vải làm nghề mình.

Về sự đám cưới.

Sự lấy vợ chồng thì nhà Lang nhà dân con lai con gái đều đến 20 tuổi mới dựng vợ gả chồng. Trước hết cậy người làm mối đi lại nói chuyện cho 2 bên họ hàng thoả hợp rồi mới đến ăn hỏi. Bằng phải con nhà Lang trong họ ở đời hỏi làm dịch tử thì phải giấu cán mía tốt rượu ngon làm lễ văn danh (ăn hỏi) mà mời những chức dịch trong dân đi ăn hỏi, rồi phải có rượu ngon chè tầu cũng đường tốt nhiều ít tùy nghi không định bao nhiêu; phải đi đủ 3 kì mới được cưới về, bằng sự lễ nghi đi cưới: nếu lấy con gái cả nhà ông chường ông mừng, thì chẳng kể dân lớn bé giấu nghèo lệ phải có xanh đồng từ xanh 6 cho đến xanh 10 mỗi thứ 1 cái, nếu lấy con gái thứ 2 thì giảm xanh đồng hạng dần 1 cái bằng không có xanh đồng thì lính giá mà lấy bạc nộp thay, lại phải có đủ kim ngân gấm vóc và áo dài rộng mũi tía mũi trắng; giấu cau rượu cần bánh giầy bánh chưng, gạo nếp trầu lợn cùng các thức cho đủ làm lễ cưới, nhưng mà tùy hai bên giấu nghèo chăm chước cho nhau khi đi cưới thì con lai phải đến nhà con gái mà

Về sự đám ma.

rước dâu mới, chính ngày cưới về thì họ nhà lai các quan viên chức dịch (quen gọi là Hạng có thứ tự khác nhau) phải mặc áo tía hần hoi có mũ áo (như thói người Mường quen dùng khi có việc lễ nghi mà áo tía ấy quan Lang gọi là áo thâm) ra ngoài đồng rước dâu mới về nhà rồi ăn mừng ba ngày, nhà nghèo thì hai hay là một ngày, khi dân mường đặt tên gọi là bà nào đã, rồi mới cưới lấy nhau, vợ chồng đến lạy từ đường lúc mới về mà dâu mới phải mặc áo dài, vuông gấm thêu rồng mây mũi vàng mũi đỏ mà lạy tổ tiên bà cô chú bác trong họ, cùng chị em cháu chắt cùng dân sự đến lạy mừng dâu mới cho thành lễ cưới thì làm vậy. Bằng những đồ dâu mới đem về nhà chồng thì phải đủ các hạng gấm vóc chần gối màn đứng cho được biếu cho mẹ chồng cùng chú bác và các chức dịch bên nhà chồng. Còn những đồ dùng trong nhà cũng phải có đủ nữa, ấy con nhà Lang lấy con nhà Lang thì có lệ làm vậy. Mà từ con lai và em thứ hai lấy vợ tốn hết bao nhiêu thì dân mường phải liệu cả, còn con gái về nhà chồng thì những đồ đem về nhà chồng dân mường cũng phải chịu cả. Nếu nhà Lang lấy vợ hai thì không cứ lệ ấy song có giúp ít nhiều, bằng có lấy con gái họ Bùi thì không có lệ vấn danh chỉ nộp tiền cưới và nhận nàng là hầu mà thôi dân không rước dâu, không lạy từ đường, dân mường gọi là chị không được gọi là đích. Vì bằng vợ cả không có con nối dòng mà con nàng hầu được thừa tự thì mẹ không được gọi là bà chỉ được là mẹ mà thôi. Và lại dân Mường khi nộp tiền cưới thì lấy xanh làm đồng tiền cưới, song chỉ lấy từ xanh 6 xanh 5 xanh 4 mỗi hạng 1 cái mà thôi, không có áo mũ gấm vóc đồ tầu, chỉ dùng bằng nam lụa trắng vải trắng tiền kẽm và trâu làm lễ cưới, còn lễ hợp hôn thì làm lợn gà, mà dâu mới thì mặc áo lụa mũi tím mũi đỏ mà thôi, khi lạy thì trước lạy quan Lang, sau lạy tổ tiên cũng như nhà Lang vậy.

Khi cha mẹ nhà Lang qua đời thì khỏi ba ngày mới để tang mà các người họ hàng cùng dân Mường phải mặc áo trắng, việc ăn cưới hát xướng chơi bời vui vẻ thì cấm chỉ cả, từ con cháu đến họ hàng cùng những người chức dịch phải mặc áo sớ gấu để tang ba năm (họ gấu thì mặc áo chàm và đeo đồng tiền mã não và cái ốc nhỏ nhe hai hàm răng làm đồ trừ tà). Việc để tang nhà quan Lang thì mọi người nam nữ già trẻ phải để tang ba năm, bằng phải là em quan Lang thì giảm đi từng bậc, em thứ hai giảm một năm, em thứ ba giảm hai năm. Còn khi cha mẹ người chức dịch dân mường chết thì nhà Lang cũng phải để tang tùy tình gần xa như người họ hàng vậy; khi nhà Lang có đám ma thì từ lúc mặc áo tang đến khi đưa xác, các lễ nghi dân mường phải đóng góp cả, nhưng mà có lệ không được làm quá, mà con cháu dâu rể thì phải chịu phí trong dân một ki mà thôi. Sự để quan tài lại ở nhà thì chẳng có lệ nào, mà bởi vì làm lệ ngách lắm, cho nên một nhà không có sức mà chịu được phí tổn cho nên phải đợi dân giúp bởi đây phải để lại lâu trong nhà thì làm vậy.

Và lại trong Mường làm đám ma không giống nhau cả đâu; như 7 xã Thạch Bi về Châu Lạc Sơn trong tỉnh Hoà Bình cùng những xã Lô Sơn, Qui Hạng, Mãn Đức, Từ Nê, Thanh Hải, và các xã Mường về huyện Cẩm Thủy trong tỉnh Thanh Hoá nhà Lang nhà dân điều cát tước để tang. Khi nhà Lang có đám ma mà cúng tế thì các vợ con cháu điều đội mũ có 2 sừng thêu hoa chung quanh có chân chỉ hạt bột và mặc áo dài mũi đỏ mũi vàng thêu rồng mây gấm vóc, tay tả cầm cái gậy lụi độ một thước, tay hữu cầm cái quạt lá cọ có hình bán nguyệt đi trước mà quạt vào quan tài phẩy phẩy vậy, cho nên quen nói rằng: Dân Mường có nói dù có việc mừng cũng không kiêng đồ trắng, có việc tang cũng

dùng đồ đồ, lễ đám ma nhà dân cũng vậy song kém nhà Lang 1 nửa, và lại trong mừng có đám ma thì nhà Lang nhà dân cũng mời thầy mo làm lễ: kì thứ nhất đem linh hồn đi chào tổ tiên, kì thứ hai đem linh hồn lên thiên đàng mà khai khi còn sống mình đã làm việc lành dữ là thế nào, cùng hỏi việc lời đất bởi đâu mà có, muôn vật bởi đâu mà ra cùng việc trong nước mình xưa, và việc dân mừng sinh ra cho có Lang có dân từ trước hết, kì thứ ba dẫn linh hồn đến trình ông thần bản thổ cho được nhận má.

Chẳng kì giàu nghèo cũng phải làm đủ các lệ tầy sớ mình làm trong hay là thường rồi mới cắt xác, (mỗi lệ đến 5 ngày) cho nên mới đến lâu làm vậy; khi thầy mo làm lễ thì đội mũ có hai sừng thêu hoa có giải xuống và mặc áo dài mũi tím mũi thâm, tay tả cầm cờ vải trắng vẽ con hươu, tay hữu cầm cái tiểu cảnh đồng mà lắc, miệng thì đọc chúc, mỗi lần cất tiếng lên thì có tiếng âm mo cho nên mới gọi là thầy mo; lại có 4 người đi giúp, 1 người cầm cờ vải trắng vẽ cá chép hoá rồng, 1 người cầm gương, 2 người cầm mỗi người 1 lá cờ hình như sừng trâu hai ngọn cờ ấy buộc lông đuôi công, bấy nhiêu người mặc áo đội mũ cả, cũng đứng cũng ngồi cũng đọc như thầy mo, rồi đi riệu gần mồ đoạn thì lờ lại, ấy đạo thầy mo thì làm vậy. Và lại khi mừng chết thì chỉ có 1 lối lên thiên đàng mà thôi, ở chùa Ngọc Hoa về xã Cổ Định tổng Bất Một huyện An Hoá trong tỉnh Ninh Bình; trong chùa ấy trên núi đã thường thấy một lỗ thông thiên gọi là lối lên thiên đàng, cho nên người mừng chết thì dẫn đến đấy.

Về đám sá.

Và lại thói mừng có đám sá gì thì lấy xôi và rượu cần làm trọng, quen ở nhà gác lợp bằng cỏ núi và lá cọ, lại chẻ luồng mà lát sàn, ở dưới làm chuồng lục súc, người ở trên, loài vật ở dưới. Lại có thói quen khi có cúng tế thì lấy lá chuối lót mâm, các thứ thịt thì có lệ không được ít không được nhiều, lòng trâu thì mỗi thứ 9 miếng, lòng bò mỗi thứ 7 miếng, dê thì 7 miếng, lợn thì năm miếng, thịt bằng ba, gia hàng một, trong dân khi làm thịt trâu bò dê lợn cùng các giống sẵn sẵn được thì phải biểu quan lang, mà lệ biểu quan lang thì biểu 1 bộ vai thịt sống 4 mâm thịt chín lấy lá chuối mà gói. Nếu thiếu thì phải phạt mà phạt trâu, mà hề có lỗi phạm điều gì thì lấy trâu chuộc tội, tùy tội nặng nhẹ cứ chiếu lệ mà phạt; nếu có tội nặng phạt thì gia sản nhập công (là nộp vào nhà quan lang) rồi đuổi nó đi nơi khác truất làm người ngoài. họ hàng không được nhận, làng nước không được cho vào nữa.

Dân mừng vốn có một loài gọi là loài Ếm cũng gọi là Chài hay làm cho người ta mắc phải trăm thứ tật bệnh, hoặc nó có hiềm thù ai thì nó làm cho người ta đến chết, chỉ còn nhờ thầy Mo thầy Trượng hay là đồng bóng bói toán trừ đi may mà được khỏi, loài ấy có dòng dõi không trừ đi hết được, mà thế nào con cháu nó cũng phải học, song chẳng phải cha mẹ khi còn sống truyền cho dân, một đời khi chết đoạn mà truyền cho thì mới linh nghiệm, xưa nay dòng dõi ấy ăn náu khó có thể biết được, nếu dân có biết mà cáo vuối quan cho được đuổi nó đi, xưa nay nó vốn ở trong các trại mới lập cũng nhiều.

TIỂU NGÔN

—Sướng quá, anh ạ, tối hôm qua tôi đánh được năm mươi đồng bạc.

—Ồ, may cho tôi quá! hôm nay tôi đến có ý vay anh cái số tiền ấy!

IMPRIMERIE THIÊN BẢN

NINH BÌNH

Nhà In Thiên Bản có in các việc lật vật người Annam thường in: như là thiệp danh, Tờ giấy viết thơ và phong thơ đủ các kiểu chữ và chữ nho. Lại in các sổ sách cho người buôn bán thường dùng và tờ cáo bạch cùng đóng các sách. Việc làm chắc chắn và đẹp, giá bán hạ, xin các quý khách chiều cố cho.

Ai cần hỏi điều gì thì gửi thơ cho ông Chủ nhà in biết, thì ông Chủ sẽ trả lời ngay.

NHÀ XỨ BẮC NINH

VÀ HIỆU THÁI THƯƠNG PHÁT DIỆM

CÙNG HIỆU THUẬN HUNG SỐ 2 PHỐ NHÀ THỜ NAM ĐỊNH

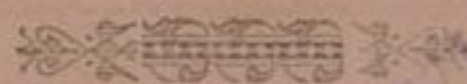
Có bán các sách in ở nhà In Thiên Bản

và Hongkong.

V. DEMANGE

Ở HANOI gần Phố Hàng Bông

VÀ Ở HAIPHONG



Có bán các đồ thờ bên đạo.

Mặt nhật, Bình hương, Lọ rượu, Lọ nước, Chén Calixê, Chuông nhỏ bằng bạc, Tràng hạt, Các sách, Sách lễ, Ảnh Đại Xá, Thánh Giá.

Lon bằng vàng và bằng bạc có đủ mọi mùi, Hột vàng, Satin để may các đồ tua, Láng thâm và láng mùi, Cát bá, Dạ, Nhung, v. v.

Các ảnh thủy mặc, các ảnh thuốc rất đẹp.

Các đồ hàng thì bán hạ giá lắm.



LARRIVÉ-FRÈRES

Số nhà 84 phố Hàng-Trống (Jules-Ferry)

HANOI.

Bán các đồ dùng trong nhà.

Đồ bằng Thủy-Tinh.—Đồ bằng Pha-Lê.—Đồ dọn bàn ăn.

Nước-Hoa.

Máy đèn điện.

Đèn đốt.—Các thú' chuông.—Máy chuyễn thanh.

Đồ dọn dẹp.—Sở sửa đồ.

Máy chuyễn Thanh số 57.

MẤY ĐIỀU RẤT CAN HÊ

II

TẠI THẾ HÀ NHƯ ?

在世何如

LOÀI NGƯỜI Ở ĐỜI CHO ĐƯỢC LÀM GÌ ?

Cái việc kẻ làm người phải xét kĩ, kéo mà lăm, vậy thì kẻ khôn ngoan làm sự gì, thì phải có ý cùng việc ấy, như khi ta mua một con bò có ý cùng là ăn thịt, hay là có ý cùng để mà cày ruộng; cái ăn thịt hay là đi cày, ấy là ý cùng ta. Như khi ta đi Hanoi ba ngày, cho được liệu việc này việc nọ v. v., sự ta ở ba ngày ở Hanoi lo việc, ấy là ý cùng ta, phải liệu trong ba ngày ấy. Vậy thì ta suy loài người sinh ra mà sống trong địa cầu này bao lâu, và có ý làm gì? Vậy sự ta sống bao lâu, thì chẳng có ai biết được, vì sự ấy là quyền đấng Tự Hữu, song có điều chắc, là có ngày ta không còn sống ở đời này nữa, cho nên quen gọi là *đời tạm gửi*, vì Thiên Chúa đã gửi ta trong đất này ít nhiều, tùy mỗi 1 người, mà ít nhiều ngày tháng năm ấy đã gửi ta, thì Người có ý cùng gì, vì Người là đấng rất khôn ngoan vô cùng, chẳng lẽ Người để ta sống vu vơ, chả có ý cùng nào, chín thật là có ý cho loài người theo đạo, thờ phượng cùng làm tội một mình. Người cho hết lòng hết sức mà chớ, mà ai chẳng cứ ý cùng này, thì lạc đàng to, ra người vu vơ khốn nạn mà chớ. Như khi ta thuê một người làm việc kia, trong một ngày sẽ là công 3 hào bạc, nếu nó chẳng làm việc ấy, chẳng đến nơi ta đã chỉ, một chơi bởi, thì ý cùng ta thuê nó mất hồng, mà ta chẳng là công đã mà

cả vuối nó, mà nó đáng phải phạt. Vậy Thiên Chúa có ý cùng, là gửi ta ít lâu trong địa cầu, có ý cùng cho ta theo đạo thờ phượng làm tội một mình Người cho lộn; mà ta không đi đến đạo Thiên Chúa, hay là có đi mà chẳng vâng theo phép đạo, lại chơi bởi những trò tội lỗi lố đời, ấy thế thì ta cũng lạc đàng chính, mất công mà lại đáng phải phạt vô cùng, là tội bất tòng đạo Thiên Chúa, là tội nặng, hay là tội kẻ theo đạo mà chẳng vâng cứ phép đạo cho lộn thì cũng là tội nặng nữa.

Vậy nên chia loài người làm hai phần, rồi mỗi phần có việc tùy theo, mà cho đáng gọi là một người thì phải có linh hồn hằng sống, và có xác là giống hay hư nát. Vậy linh hồn là phần trọng nhất, hoá ra các việc chi về phần linh hồn là thật việc trọng cả, trọng nhất cho loài người phải lo trên hết mọi sự. Còn phần xác là phần tùy, hoá ra các việc theo xác cũng là việc tùy tòng, mà việc chính thuộc về linh hồn thời ít kẻ lo đến, ít người tìm, mà chỉ lo việc tùy, là việc xác làm làm ăn, mà cứ lấy việc tùy làm hơn, mà bỏ việc chính. Hãy xem trong 20 mười phần thiên hạ, nào có mấy người lo việc rồi linh hồn, là phần chính phần trọng; hằng ngày hằng đêm chỉ thấy người ta lo làm ăn buôn bán, lên rừng xuống bể đi nước nọ sang tỉnh kia, tìm phương liệu thế cho được nhiều của,

đi đây đây, đây phố, đây tàu hoả tàu thủy v. v. chỉ rất là lo việc tùy, là tìm kiếm của cải, tham chức quyền, nào có thấy ai lo việc chính là giữ đạo cho nên đâu, ra như nhắm con mắt mà ngờ là mình sống ở đời chỉ có một việc cho được nhiều của mà thôi, thật là đáng chê đáng trách mà chớ.

Lại hãy xem, biết là bao nhiêu người, chỉ lo học các nghề cho thông, tốn nhiều năm, tốn nhiều tiền mà học chữ nghĩa cho được thi đỗ, thì các việc ấy cũng chỉ về xác cả, hoá ra cũng là việc tùy tùng, mà có một nghề là học đạo thờ phượng Thiên Chúa, thì ít người lo là đường nào, mà học đạo Thiên Chúa mà giữ cho lộn, ấy là việc chính loài người sống ở đời này, là chính ý cùng loài người, là phải theo đạo cùng tin có một đấng Thiên Chúa thưởng kẻ lành phạt kẻ dữ, và giữ các giới răn trong đạo dạy cho đến chết, ấy là thật ý cùng mọi người. Còn như việc làm làm mà nuôi xác thì Thiên Chúa cũng buộc ta phải làm, song đừng mê man quá mà bỏ quên việc chính, hay là ngăn trở việc chính cách nào thì thiệt hại mình mà lại phải phạt, mà là phải phạt riêng cho mình vô cùng, như con cái phải phạt xuống địa ngục vì bỏ việc chính là giữ đạo chẳng lộn, thì nào cha mẹ có xuống địa ngục thay cho con mình được chăng? thừa chẳng có phép nào được. Vậy ai khôn ngoan biết lo sự cùng mình thì hãy lo lấy việc chính của mình kẻo mà muộn mất.

Oi thương ôi! Có nhiều người lạc chính ý cùng mình, là thờ kẻ một loài cũng như mình, hay là thờ loài kém hơn mình, là những loài không đáng thờ không được phép thờ, như thờ bụt thần, ông bà ông vải, hà bá, thủy quan v. v. Các loài ấy như ta hay là kém ta, đấng Tự Hữu bởi lòng lành đã dựng nên cho có, sao không thờ chính đấng đã dựng nên các loài ấy, mà lại thờ các loài Người đã dựng nên, làm sao cho phải lẽ, sao bỏ việc chính, mà làm việc tùy, thờ Chúa chẳng thờ, sao lại thờ

tôi tá, thì hãy xét. Còn như thờ ông bà ông vải, chẳng qua là cúng bằng lọ rượu, miếng thịt, đĩa xôi, cơm giầu, đánh trống lung bung, lấy bài đọc lằng nhằng mấy câu vu vơ, đoạn hạ xuống mà ăn, xét thật cứ lý, đáng gọi là trò chơi phi lý mọi đàng, đời văn minh này, ai là khôn kẻ ngoan biết xét một tí, thì liền chê, thật là rở trò, lấy dịp mà ăn cho no cái bụng mà chớ. Nếu cúng mà cha mẹ ăn thật, thì chả ai còn dám cúng, chỉ lấy cái bụng cho no, làm hơn cha mẹ. Lại trong một năm giỗ cúng một lần, thế thì hằng ngày cha mẹ ta ăn mà ăn ru? hay là ăn mà chẳng được, thì chết là mà chớ, tỏ rõ nhờ dịp rở trò ra, mượn lấy tiếng rằng: là hiếu với cha mẹ, mà kiếm chác một bữa cho say bí ra, cho no bụng mình mà chớ, hay là nhờ dịp là nợ miệng cho nhau, vì đã nuốt của người ta cũng đã nhiều lần mà chớ. Lại có kẻ ngờ lắm rằng: có vậy mới là hiếu với cha mẹ, thì đáng thương, vì lắm khôn lắm nạn, vậy cúng thì cha mẹ có được nhờ gì chẳng? Thừa chẳng có ích gì, vậy từ xưa đến nay, có thấy kẻ đã chết, mà còn ăn được ru? chưa thấy bao giờ sống, cho nên phải luận rằng: ai cúng giỗ là tội nặng, là chính tội bất hiếu mà chớ, lại nhạo cha mẹ mà thôi. Vậy khi cha mẹ còn sống, mà con cái dọn cỗ bàn trọng thể cho cha mẹ dùng, thì là hiếu thật, là điều rất đáng khen lắm, song khi chết rồi, thì thôi chẳng còn có ăn vật gì của gì được, mà ai đem những đồ cha mẹ không ăn được thì thật nhạo cha mẹ mà chớ. Có người lắm mà nói rằng: cha mẹ ăn hơi, ngửi mùi, cũng là nói phi lý, vì miệng chẳng ăn được nữa, thì còn mũi đâu mà ngửi được ru?

Lại có kẻ lắm lạc hơn nữa, mà nghĩ rằng: người ta chết đoạn thì cũng như loài vật, thì phải biết, hẳn là không. Nếu loài người cũng như loài vật, thì cần gì, phải có vua quan cai trị dân cho có phép tắc, luật thưởng kẻ có lòng trung, và phạt kẻ làm phản, làm điều lỗi luật ru?

Lại có kẻ nói liêu rằng: đạo nào cũng như đạo nào, bên nào cũng kính, bên nào cũng trọng, điều này phi lý hoằng hốt mọi đảng, vì Thiên Chúa truyền đạo thật, mà đạo thật vốn có một mà thôi, mà lại giống đạo dối trá qui thần bày ra làm sao, một đảng đạo thật, Chúa truyền dạy, một đảng đạo dối trá qui thần bày ra, thì giống nhau và đáng trọng kính bằng nhau làm sao được? Lại có kẻ khen đạo Thiên Chúa tốt, song vì cha ông không đi, thì chúng tôi cũng không đi, điều này thật là rất đại, vì thí dụ cha ông các người chết vì hùm thá cá nuốt, thế thì con cái cũng phải liệu cách nào, mà chết cũng hùm thá cá

nuốt, để mà theo lối cha ông ru? thế thì có nghe được hay không, thì hãy xét.

Vậy ta đã riễn ra một đôi lẽ, để giúp kẻ muốn xét cho biết mình sống ở đời tạm gửi này, thì có ý cùng nào, thì phải nghe, là mọi người bất kì nước nào, sống ở đời này có một ý cùng trọng nhất, là theo đạo Thiên Chúa cho lộn, hay là đã theo rồi, thì phải giữ đạo cho lộn, thà chết chẳng thà bỏ đạo, ấy là việc chính loài người phải lo cho được, phải học cho thông, phải tìm cho thấy, mà khi đã được thì chớ có liêu mình, lấy lẽ nọ lẽ kia mà bỏ mất việc cực cao cực trọng ấy, kéo phải khốn nạn vô cùng.



CA VINH CÁC QUAN TƯỚNG MẠNH BẠO DÒNG ÔNG THÁNH DUMINGÔ CHẲNG
LO LIÊU SỰ SỐNG MÌNH CHO ĐƯỢC GIỮ KHO THIÊNG LIÊNG
NHÂN ĐỨC TIN TRONG LÒNG NGƯỜI TA.

Bia tiết nghĩa sừng trong giời đất,
Cột cương thường cao ngất núi non;
Trải nghìn thu sông cạn đá mòn,
Thánh kể thánh đồng tôn hợp kính.
Đức Thánh Mẫu cực thanh cực tịnh,
Xưa chọn dùng ông thánh Duminh,
Chính là quan thiên sử phụng hành,
Giảng đạo Thánh sáng danh Chúa cả.
Mở dòng khắp bốn phương thiên hạ,
Có nhiều thầy tán hoá kinh luân;

Khắp đông tây nam bắc xa gần,
Đâu cũng có lối chân dòng thánh.
Sau trước vẫn noi giềng mối chính,
Đến đâu điều mở cánh huyền hoa;
Nhưng ra công lập hội dòng ba,
Cùng trình viện rất là nghiêm nhặt.
Lửa kính mền cháy lên rần rật,
Chúa nhân từ ghé mặt đủ thương,
Xuống nhiều ơn rất lạ phi thường,
Để được sức đảm đương việc cả.

Giống thiêng vãi khắp trong thiên hạ,
 Khắp mọi nơi quá hoá tôn thần;
 Vững một niềm tư đạo khai nhân,
 Dầu gặp hội vãn chuân sá chuyên.
 Thật những đấng đạt quyền thông biển,
 Hoàng kim qua lửa luyện thêm tinh;
 Mặc dầu cơn muôn rậm lời đình,
 Lòng sắt đá quyền sinh tự nghĩa.
 Tổ dòng thánh nhiều người dũng sĩ,
 Thờ Chúa Đền toàn thủy toàn chung;
 Tấm lòng son giải tiết đang trung,
 Cho rõ về tặt phong chi kính.

Thơ rằng:

Một lát gươm vàng long cổ thánh;
 Chín tầng bệ ngọc hiển công thần.
 Trong dòng hơn sáu vạn thánh nhân,
 Cầu nhân lại đắc nhân thoả chí.
 Máu tử tiết đầm trong xích địa,
 Giống thiêng liêng được thể nở nang,
 Hoa nhân lái phúc đủ ngành vàng,
 Khắp mặt đất lừng hương phúc đức.
 Nền Toà Thánh vinh bao ngọc sắc,
 Lại ban tờ lục xức muôn dân;
 Để kính thờ liệt vị thánh nhân,
 Hằng ghi nhớ thần ân thánh tích.
 Hạt trung-kỷ đầm ơn khai trạch,
 Giữa giới Nam bực bạch tằm thành;

Để tạ ơn Chúa cả nhân lành.
 Xưa chọn thánh Duminh xưng thủy.
 Ngươn đạo mạch tuôn dòng sông Nhị,
 Thẩm nhập vào khắp địa phận này;
 Năm mươi hai xứ chính đông thay,
 Hạt châu báu thơm bay khắp thể.
 Hai mươi sáu vạn chiê vui về,
 Hằng vàng theo thánh ý Chúa nay;
 Bảy trăm năm mở lễ quan thầy,
 Khắp nam bắc đông tây vui hợp.
 Bóng cờ đỏ long xanh mây rợp,
 Nhạc quân thiêu đòi lớp tiến tâu;
 Về cần đai áo mũ một màu,
 Cách điệu lúc bái chầu Thánh Thê.
 Quan thầy thánh ngự trên ngọc bệ,
 Rộng lòng thương khắp thể sinh linh;
 Cõi trần gian giới để phương hình,
 Trăm nghìn họ thoả tình thích tính.
 Chúng con nay nương trong dòng thánh,
 Đang tấn tu ở cảnh Trung Linh,
 Sớm khuya hằng ra sức học hành,
 Mong giảng sáng thánh danh Chúa cả.
 Dám xin đủ lòng thương tôi tá,
 Hằng xuống ơn thần hoá nhiệm thay,
 Để theo chân bèn gót quan thầy,
 Đàng phúc đức đêm ngày tấn tới.
 Gác hết thấy vòng danh khoá lợi,
 Hằng noi thang thập-giới lên giới,
 Hưởng từ kỳ lục phúc thanh thời,
 Hết mừng Chúa cả đời đời Amen.



Một gia tài khó chia.

Ông phú kia chết; tất cả gia-tài chỉ có 17 con trâu. Khi ông ấy hấp hối thì gọi họ-hàng và ba đứa con đến nói rằng: "Tôi để lại 17 con trâu cho ba đứa con tôi; thằng cả hưởng một nửa gia-tài ấy; thằng thứ hai chia ba được một phần ($\frac{1}{3}$); thằng thứ ba được một phần trong chín phần ($\frac{1}{9}$).

Khi ông ấy chết, họ hàng lúng túng không biết chia thế nào, vì không có thể chia 17 con trâu ra làm đôi được....

Sau có một ông khôn ngoan trong họ

đứng lên, bảo thằng ở sang bên láng-riêng mượn thêm một con trâu nữa.... ở trong sân lúc bấy giờ có tất cả là 18 con.

Ông ấy nói: "18 con trâu, chia đôi anh cả hưởng 9 con; chia ra làm ba, anh thứ hai được 6 con; chia ra làm 9 anh út lấy 2 con; cộng tất cả là 17 con trâu. Còn con trâu thứ 18 mượn để mà chia gia-tài ấy thì lại giắt sang già người láng-riêng."

Ba người con ông phú cùng họ hàng đều bằng lòng hết thấy. J. H.

TUỔI THỰC BẤT TRI

(Cet âge est sans pitié)

Đấy thuộc về Quảng-Đông tỉnh-lỵ... Một buổi chiều mùa hạ, ác-vàng gác núi, gió nam phây phẩy, có hai chú lửng thừng gót hài, giông chơi nóng mặt. Hai chú đều là người « Nghe-Kèn »; một chú giông-

giông cao, một chú mập mập đầy đà, cùng chạc ngoại tứ tuần. Mới trông cũng đủ biết là người văn-nhân cả; mũi tròn, đuôi dài, áo rộng tay, quần the, giấy lảng; mặt mũi nhu mì, đôi ria vênh váo. Thực



rõ nhà nề-nếp trăm anh... Quên! mỗi chú còn đeo đôi kính mắt trâu, gọng đôi mỗi; chú cao còn phì-phèo thuốc bào, ngậm cái điều cây cán dài.

Hai chú đi, ngoắt ngoéo phố này, sang phố kia, rồi rẽ vào một cái ngõ. Vừa đi vừa truyện, lú-la lú-lường, như chim

oanh hót gió, lướu-đươu mừng xuân. Đến đầu ngõ, hai chú trông thấy hai cái biển, áng chừng hích gì của Tổng-Đốc thượng quan. Hai cái biển ấy đặc những chữ, mà chôn đối nhau.

Nghế thế! Khách văn-nhân thường hay hiểu dị; thấy hích, hai chú đều dừng bước



đọc chơi, mỗi chú xem một biển, thành thử giáp lưng nhau.

Gần đây mười bước, có ba bốn chú « Nghe-Kèn » nhỏ đang chơi; một chú bé

ngoảnh cổ lại thấy hai chú văn-nhân bèn rón rén đến gần.... Hai khách văn-nhân mê mãi văn chương không biết. Chú bé liền se sẽ thò tay cầm lấy hai cái đuôi của

văn-nhân ta buộc lại... Công cuộc rất khó: vì chú mập mập có yên như chú cao đầu, lom khom đọc lại đứng lên như thế mãi. Nhưng chú bé ta, tay giẻo và có ý khéo,

nên chẳng mấy chốc thành công, liền chạy đến anh em nhủ lại.

Trong khi ấy hai chú văn-nhân đọc xong lại sát lưng nhau mà đi, lưng thưng



vừa đi vừa bàn soạn câu văn. Sau lưng hai chú ba bốn chú bé cũng đi, khúc khích cười, rất là toại trí. Đi đến cuối ngõ, hai

chú văn-nhân chia tay. Bỗng mắc cái gì đằng sau; thò tay lên đỉnh đầu, chẳng thấy gì: loáy hoáy mãi tức mình, bèn vật



đầu một cái rất mạnh..... Chao ôi!! sao rất thế?!! Tỉnh người ra! Thành thử hai cái đuôi đứt, băng lên rồi rơi xuống đất dài thườn thượt như hai con rắn, mủ mả,

kính, điên điên băng cả! Bốn chú bé đi sau nhảy lên cười reo, một chận cười thú vị làm sao! Tuổi thực bất trị.

J. H.

TIỂU NGÔN

Ông lão:--Mày muốn gì, em?

Bé con(ôm con mèo):--Ông có bảo lúc nãy rằng: đưa nào bắt được con chuột bạch của ông mang đến ông cho một hào.

Ông lão:-- Ừ, nhưng con này là con mèo chứ có phải chuột bạch đâu?

Bé con:--Thưa ông con chuột bạch nó chui vào trong con mèo này ạ!

ÔNG J. BLANC

Bào chế nhất hạng PHARMACIEN DE 1^{ere} CLASSE

Ở Hanoi Phố Paul-Bert, Số nhà 31.

Hiệu này có từ năm 1886.

KẾ VI LÀ ÔNG L. BLANC CÓ BÁN CÁC THỨ THUỐC.

Thuốc bổ (Peptofer Jalliet) một lọ giá.	2\$00
Rượu vang quinquina (Vin tonique au Quinquina), le litre giá.	1, 80
Thuốc Ký-Linh (Quinine) từng liều để chữa bệnh sốt rét một ống, le tube.	0, 40
Thuốc đau mắt hiệu (Bonet-cart) một lọ giá.	0, 60
Thuốc bôi lở, ghẻ, một hộp giá.	0, 20
Thuốc chữa bệnh hắc lán (Dartres) hiệu Teinture Bahia một lọ giá.	0, 25
Iode (Teinture d'iode) một lọ 15 grs nút thủy tinh giá.	0, 30
Thuốc bột uống để dễ tiêu, một lọ 500 grs giá.	0, 60
Rầu Cajeput (Huile Cajeput) một lọ 30 grs giá.	0, 50
Thuốc ho (Sirop pectoral).	1, 00
Rượu bổ (œno kola coca).	2, 50
Thuốc bổ cho trẻ con, một lọ giá.	0, 40
Thuốc uống ngủ được (Sirop de Chloral) một lọ giá.	0, 50
Rượu chồi một lọ giá.	0, 50
Thuốc trị bệnh thổ tả của quan Docteur PESCHIER một lọ giá,	0, 50

HUILERIE & SAVONNERIE DE L'EXTRÊME-ORIENT

Sở làm Dầu và làm Sà-phòng ở Đông kinh, Haiphong

MÁY LỬA ĐỂ LÀM SÀ-PHÒNG.

Những Sà-phòng sở chúng tôi làm ra thì cũng tốt bằng Sà-phòng ở bên Tây mang sang; vậy xin hết mọi người nhận lấy dấu hiệu chúng tôi như sau này kẻ làm mà mua phải thứ xấu.



Con Rồng



Con Lân



Bà thánh Berte



Người nữ Vestale



Tự Do

Khô, Giầu-Lạc, Giầu Dừa, Giầu-Giầu v. v. để nuôi súc vật và bón cây.

L'UNION COMMERCIALE INDOCHINOISE

ĐÔNG DƯƠNG HỘI ĐỒNG THƯƠNG CỤC.

Hội Thương CỤC TIỀN VỐN 4.000.000 QUAN.

CHÍNH SỞ

Số 9, Phố Tronchet, tại thành Paris.

HANOI

SỞ THANH TRA.

Số 196, tại Phố Thương Chính.

Sở hàng hoá xuất cảng.

(Hàng hoá tải sang Ngoại Quốc.)

Số 196, tại phố Thương Chính.

Gạo, Thóc, Lúa-Ngô, Sắn, hạt Thầu Giầu, Vừng, Lạc, Tóc, Lông-Lợn-Rừng, Sáp-Ông, Giựa Cao-Su, (Giựa Đa) Giầu Hôi, Cánh-Kiết-Trắng, Cánh-Kiết-Đỏ, Tơ, Máy, Gia-Bò và Gia-Trâu, Sừng Trâu, và tất cả các thứ sản vật ở Bản Quốc.

Sở hàng hoá nhập cảng.

Hàng hoá tải ở Ngoại Quốc về bán ở Bản Quốc.

Số 196, tại phố Thương-Chính (Bờ Sông.)

Các thứ đồ ăn, Đồ hộp, Rượu-Nho, Rượu-Mùi, Thuốc-Lá, Đồ-Sắt, Đồ máy dùng Sơn, Đồ Bọc-Vật, Đồ làm nhà, Các thứ bán cho những người Ngoại-Quốc; vải Chức-Bầu, Giạ-Nỉ, chăn, ô đi nắng, ô đi mưa, Láng, Khăn rửa mặt, Giao, Sợi v. v.

ĐẠI HỘI THƯƠNG CỤC.

Tại phố Paul-Bert.

Nhà hàng bán tốt cả các thứ.

ĐỒ ĂN, ĐỒ VẢI, ĐỒ GỖ.

Đồ bát đĩa, Đèn thắp và đèn Điện-Khi, Đồ Khí-Giói, Đồ Săn-Bắn, Đồ Đấu Mã, (đua ngựa) Đồ Chụp-Ảnh.

Sở Lạm, Sở lăm yên ngựa đồ ngựa, các thứ đồ dùng cho binh lính, sở đóng Giấy, Lạm đồ Thiếc, Lạm đồ Kẽm, Lạm Điện-Khi, Lạm Máy, Chứa đồ khí giới, Xe đạp, Xe máy. Thay hòm điện ở xe máy, May đồ quần áo mộ, May đồ thừa (đồ kĩ.)

2 CÁC SỞ SÉP:

Tại Bắc-kỳ

— Trung-kỳ

— Laos (Ai-lao)

— Nam-kỳ

— Vân-Nam Tỉnh

HAIPHONG, LANGSON, SUYUT, CHOBÔ, VIỆTRI

TOURANE (Đà Nẵng) BENTHUY HUẾ THU-XA TAM-QUAN.

LUANG-PRABANG, XIENG-KHOANG, SAM-NUA.

SAIGON.

MÔNG-LU, VÂN-NAM-I HỦ, Y-LÉANG.

Chủ Hội.

Về các hội Bảo-Hiêm về việc hoả hoạn: *Lê Phénix; la Nationale, l'Abeille.*

Có các gi thi cử hỏi tại Đông Dương Hội Đồng Thương CỤC, hoặc tại HANOI, HAIPHONG, TOURANE, hay là SAIGON.

Bảo lĩnh tất cả các sở Đông Dương Hội Đồng Thương CỤC.

Ngày Tận Thế

Lạy ông lạy thầy! ông không biết sự lạ hôm nay làm sao ru? — Ấy là lời đầy tớ nhà tôi đánh thức hồi thế.

— Cái gì lạ đấy?

— Hôm nay mặt trời không có mọc.

— Ái cha! Cái gì ấy lạ gì; có đám mây che đấy.

— Bẩm ông, không phải! mặt trời không mọc ra, vì nó còn ở trong; đến 9 giờ rồi mà hãy còn tối.

— Mày nói đại thế: Tức thì tôi ra đằng cái. Lạ thật! quá 9 giờ buổi sáng, mà chỉ thấy mấy ngôi sao sáng ít ỏi. Lạy Chúa tôi! Điểm quái gì thế? Gặp lũ người, ai ai cũng hỏi: Điểm quái gì thế? Lắm người vừa nói, vừa khóc, vừa chạy. Có kẻ nói rằng: Tận thế đến nơi. Người khác bảo rằng: Đây là Nhật thực. Kẻ khác lại: Nhật thực gì giữa ngày rằm? (1) ông chẳng nghe thổi loa ngày phán xét ru? Bà lão kia thưa: không phải; đây là loa nhà nước rao cái gì.

Khỏi một ít, mới nghe rõ tiếng nhà ông lý thổi loa rao rằng: Có giấy ở trong kinh ra cho ai nấy được biết rằng:

«Bởi vì nhà nước đã chỉ 5 giờ sáng cho « mặt trời mọc, mà đã quá 8 giờ, cùng « chẳng thấy nó mọc, thì hãy báo dân sự, « chớ có ai xôn xao sợ hãi gì, vì chiều đình « Đức vua đã liệu cách thế cho được.... » rồi chẳng nghe điều gì nữa; vì tiếng đồng người nhạo cười kẻ rao, thì lấp tiếng loa mất.

Ông già lão già kia hỏi: Liệu cách thế cho được làm gì? Kẻ khác thưa nhạo rằng: ý nhà nước toan may mũ đội cho mặt trời khỏi rét chẳng? Song đang còn nói kháo láo vuốt nhau, bỗng chốc có đám mây đỏ như máu hiện ra trên trời, ản rợp từ bên đông sang bên tây, mà trong ấy thấy năm chữ đen sì: «Ngày Tận Thế Sắp Đến » Tức

thì mọi người ra khóc; tiếng khóc kế tiếp tiếng reo, lời cầu nguyện nối lấp truyện trò buồn cười. Cha mẹ đi tìm con mình, con lại đến cùng cha mẹ; người vợ hỏi chồng mình ở đâu? anh chị em gọi nhau rới rít.

Phản tôi cứ lúi vào nhà thờ, để tính việc giấy thông hành đời sau, nhưng khi đến nơi đã muộn. Nhà thờ đã đầy, và những kẻ muốn xưng tội đứng ngoài cửa xa xa đông lắm, thì tôi trở về nhà. Mà tôi chưa kịp mở cửa, thì đã thấy một người vốn thù ghét tôi chạy đến xin tha lỗi cho, vì buồn khóc, vì nghĩ rằng: ôi! khi sợ chết, người ta mềm lòng dào dạt. Vừa mới trong nhà, lại có ông chanh, tay cầm một túi bạc. Ông ta cho vay ăn lãi quá trong năm năm, thì xin tôi nhận tiền ấy và chúc trăng thỏ, cho được dùng lâu ngày.

—Lâu ngày gì bây giờ?

—Trước tôi chẳng nghĩ đến.

Lão ấy về, liền có nhà láng giềng vào thăm. Nó đang kiện tôi, vì con ở nhà tôi đòi khi quét nhà, thì giữ chổi vào tường ở giữa hai nhà; thì nói rằng: Cho ông được biết tôi đã bằng lòng để con ở giữ chổi mặc ý nó. Bảy giờ tôi thiết nghĩ cũng sẵn lòng cầm gậy mà giữ bụi trên lưng nó, song tôi nhớ đến năm chữ đen ấy thì cũng thôi, và nín lặng như con cáo vậy.

Đầy tớ lại trình: có khách, người xay bột cho nhà ông.

—Cho người ta vào.

—Bẩm, không vào được, đi chẳng lọt; vì đang vác một xác bột to. Người ta nói là bột dính vào cối xay trong một tháng nó làm giúp ông, thì xin giả hân hoan.

—A, nó giúp ta cho ra nhẹ thật! còn khách nào nữa?

—Bẩm ông, cũng có thầy thuốc có thí việc;

(1) Ngày rằm chỉ có Nhật thực, còn Nguyệt thực, thì ngày mười một mới có.

vì rằng khi bốc các vị cho ông, thì người ta hay lẫn.

—Chết! Thầy lang lấy thuốc lẫn thế, thì ta uống phải thuốc độc hẳn.

—Bầm, không; người ta nói rằng: thuốc độc thì đắt tiền, cho nên các vị ấy chẳng vào lẫn bao giờ...nhưng mà ông chậm xử như thế, thì con lo buồn kéo không kịp; vì con cũng có khi ra chỗ, thì ngày nào cũng có ý tưởng chẳng tốt mấy.

—Gớm chưa! Mày vốn đi chợ mười năm nay, thì biết bao nhiêu ý tưởng.

—Con xin ông tha, rồi con đền giả ông hết.

—Mày giả ngân ấy ý tưởng ru?

—Bầm, giả đồng tiền con hay quên.

Bấy nhiêu đoạn tôi chỉ biết than thở:

Lạy Chúa tôi! đời này gian dối là dường nào! Thỉnh thoảng mà có ngày phán xét chung như thế là rất cần.....song tôi nói ngân ngơ làm chi? nào ta không biết dù ai ai cũng chết, rồi thì phải chịu phán xét ru? Thật là chúng tôi đại dột thay thay. Đang nghĩ làm vậy, tôi lại đi nhà thờ, cho được liệu phần riêng mình; nhưng số người chực vào chẳng bớt, mà lại thêm lên. Cái bảng năm chữ đen còn vẽ ra trên mây, càng lâu càng giục lòng ăn năn cho các kẻ trước hay chệ cũng một lý đoán ấy, vốn đã in trong lương tâm, mà vốn đề bảo, vốn nhắc lại sự phán xét.

Trong các kẻ ấy nghe thấy lắm điều hay.

Anh bố kia, mặt râu rí nói vuốt vợ rằng: Thật tôi có bỏ mẹ mày một ít lần chỉ tại...

—Láo! mười hai năm nay, mà còn bảo một ít lần.....

—Ừ, nhưng bây giờ tôi đã nhớ đến mẹ con.

—Phải; song không nhớ Bà Thánh Barbara cho đến khi có sấm.

—Chị đừng nói thế, vì chúng tôi bà nhau chỉ tại ở nhà đã có sấm.

—Lão Dụ đứng giữa một lũ chúng bạn mà bảo rằng: Hỡi anh em, xưa nay tôi có đủ các anh đi chơi, song bây giờ tôi nghĩ sự chơi ấy chẳng hay; thì thôi đi cho tiện: tôi nói thế cho được cắt gương mù, và cho

xong mình nữa. Anh khổ kia, áo rách mặt mũi xanh, thừa vuốt:

—Xong mình thế nào! Ai đến cho tôi ba năm giờ ở nhà tù, vì nghe ông?

—Đức Chúa Lời đến cho mày.

Kẻ nói lời ấy là một Đấng Thầy cả sốt sáng đi qua giữa đông người hội đầy, mà lên toà giảng đã dọn nơi ngã tư.

Vậy người bắt đầu giảng thì rằng: Hỡi con chiên lạc đang khốn nạn! không hiểu được vì làm sao chúng con ăn ở rồi rít làm vậy. Năm cái chữ ấy Đức Chúa Lời khiến thích ra giữa giờ, mà làm cho ai nấy sợ hãi đã vậy; phần tôi cũng chẳng khác gì như thế. Nhưng mà khi trước có ai bỏ nghi được thế gian này phải có cùng ru? Nào có ai, dù già dù trẻ, mà chắc mình sống đến hôm sau ru? Mà nếu chẳng ai được chắc sự ấy, thì nhân sao xưa nay ăn ở cách khác xa, chẳng như hôm nay? Hỡi chúng con! Thật là cả và loài người ta đại dột là dường nào! Thật là mặt giờ đã chán giai ánh sáng soi cho loài hư quá làm vậy; mà rầy đã đến giờ chỉ cùng cho bấy nhiêu sự bày bạ gian dối.

Ấy, hãy xem mọi sự thật đến cùng rồi là thế nào.

Khi Thầy cả vừa nói bấy nhiêu đoạn, mọi người ngửa mặt lên, thì run sợ kinh khiếp. Một đám mây xám xám coi ghê đang kéo lên mà giàn ra ngay trên đầu; lại có gió lạnh ngất thâu suốt mình mấy người ta; bỗng chốc mọi người kêu lên ngất đến lưng vì thấy cái chớp chói lòa ở trên mây phát ra, và chực nghe tiếng sấm gấm, là sấm sau hết, và lớn tiếng nhất từ tạo thiên lập địa; tức thì ai nấy trốn chạy ẩn mình.

Phần tôi cũng chạy và giấu đầu chẳng biết ở đâu, chỉ nghe nổ một tiếng to lắm, thì tôi kêu hết sức mình: Lạy Chúa tôi!.....

—Lạy ông, lạy thầy! Ông phải cái gì?

—Tôi nghe đây tờ nhà tôi gọi thế, mới biết mình đã mơ, và ở trên giường lăn xuống bực; đầu thì chạm cái tủ ở giáp chân giường, cái đèn để ở mặt trên tủ lại rơi

trên lưng tôi. Chối dây đoạn thì thức dân, mặc áo vôi và ra đường cái cho được tỉnh thật.

Vậy dù biết lạ chiêm bao mặc lòng, song rồi lấy làm nghĩ, mà sáng hôm ấy tôi đã

quyết đi xưng tội ngay, rồi xếp các việc nhà tôi cho ngay lành công chính thật thà; để về sau dù sống lâu, dù chóng chết, không còn phải rối lòng rối trí nữa.

X



TIỂU NGÔN

— Này Bảy ơi! ngày sau mày nhớn thì sẽ làm gì?

— Con sẽ đi lính.

— Đi lính thì hay bị chết.

— Ai giết mà chết?

— Giặc nó giết chứ còn ai.

Thằng Bảy đứng nghĩ một hồi rồi nói: « Thế thì con đi làm giặc vậy!»

Ông Vê đến chơi nhà thằng Ờ, gọi nó ra bảo: «Này em ơi! ta mang cho mày một gói kẹo, lúc nào tao về tao sẽ đưa cho.»

Thằng Ờ nói: «Thôi, ông đưa cho tôi ngay bây giờ rồi ông về đi!»



— O, thằng này hay thật! sao lại cầm đuôi mèo mà kéo thế!!

— Thưa thầy, nó kéo đấy chứ con có kéo đâu!

J. H.

MẤY ĐIỀU RẤT CAN HÊ

III

HẬU THẾ NHƯ HẢ ?

何 如 世 後

KHI NGƯỜI TA CHẾT ĐOẠN SẼ ĐI ĐÂU ?

Trước này đã xét thật Thiên Chúa đã dựng nên loài người, lại gửi loài người ít bữa trong đất, để cho ta nhận Thiên Chúa mà thờ phượng Người cho trọn, mà hậu thế là khi chết, thì sẽ được thưởng lên thiên đàng đời đời. Song cho rõ hơn, thì phải suy, khi linh hồn lìa khỏi xác, xác thì chôn trong đất, sẽ hư nát ra đất, dù xác kẻ trọng người hèn điều vậy cả; ai không tin, thì ra tha ma đào lên mà xem cho rõ. Còn linh hồn là giống thiêng liêng hằng sống mãi chẳng hay hư nát như xác đâu, mà nước nào nước nào cũng tin linh hồn hằng sống hoá ra cũng giỡ, v. v. dù sai lầm, song cũng là chứng thiên hạ tin có linh hồn hằng sống, thì mọi người các nước cũng tin cả chẳng ai chối, cho nên phải luận rằng: linh hồn không hư nát, như sinh hồn, là cây cối, không hư nát như giác hồn, là giống súc vật đâu, phần loài người thì trọng vì lẽ rằng: có linh hồn hằng sống, có trí khôn lòng muốn, biết xét, cùng đoán luận sự nào lành, sự nào dữ, cho nên ai ai cũng phải lo cái hậu thế mình cho hết sức, là khi còn sống, thì phải lo mà theo, cùng giữ đạo Thiên Chúa cho hết lòng hết sức, dù phải chết mặc lòng, cũng chẳng bỏ đạo, thì hậu thế mới trọng hưởng phúc vô cùng, mới chết cho phải mà chớ.

Biết là bao nhiêu người chỉ lo đời này trước con mắt ta, là ăn uống chơi bời,

bày ra những trò xằng xiên cho vui xác thịt, những trò lấy của người ta làm của mình, sinh ghen ghét kiện cáo nhau mất tiền hại của, đêm đêm ngày ngày chỉ lo có vậy mà thôi, mà chẳng có mấy kẻ lo đến sự sau, cho nên đời ta này càng thấy lắm truyện hung ác thêm lên một ngày một hơn, như lời Sấm Ký rằng: *«Cả và thiên hạ đã ra hư hại cả thế, bởi vì chẳng có ai suy nghĩ trong lòng»*. Bởi vậy hãy ngó xem trong các làng các xã v. v. thấy nghèo túng nhiều đảng tần khổ, thù oán ghét nhau, trong dân làng chẳng có ai bảo ai, chẳng ai chịu ai, ra như đời lộn lạo cả mà chớ, thì cũng tại là không suy cái sự đời sau cho mình là thế nào, mà hăm dẹp cái tính hư nết xấu mình, cải tà qui chính, khi còn sống, mới trông đời sau là khi mình chết, sẽ được phúc vô cùng.

Khi có ai chết, bất kì là người phương nào, nước nào, kẻ có đạo, kẻ không có đạo, thì là hậu thế cho kẻ ấy, tức thì Thiên Chúa sẽ xét các việc lành dữ kẻ ấy đã làm khi còn sống ở đời tạm này, mà người ra lý đoán rất công bằng thẳng nhất, đến nỗi chẳng còn kêu đi toà nào hơn được, một được thưởng hay là chịu phạt vô cùng, chẳng còn cưỡng lại được; phần kẻ theo đạo mà giữ cho trọn, thì Thiên Chúa sẽ thưởng thiên đàng vô cùng, mà là công cho nó. Còn kẻ giữ đạo chẳng trọn,

tha hồ cho các tính nết xấu, thì Thiên Chúa cũng sẽ phạt xuống địa ngục vô cùng, mà kẻ bất tông đạo Thiên Chúa, mà chết là hậu thể nó, thì Thiên Chúa sẽ bỏ xuống địa ngục vô cùng, vì không chịu theo đạo thờ phượng Thiên Chúa, là đáng đã dựng nên mình cho có, mà phụ ơn bội nghĩa cùng Chúa mình làm vậy.

Khi đã suy ít nhiều lẽ trước này, thì ta nghĩ làm sao? toan làm đi gì, toan theo đảng nào? có chịu nhận thật có một Thiên Chúa, là Chúa sinh ra mình, mà theo đạo cùng giữ đạo cho trọn, cho hết lòng hết sức, khi còn sống trong đời tạm gửi này, cho khi ta chết, là đời sau ta, mà được chết cho phải, cho xứng người có trí biết suy sự sau, sự cùng, ấy mặc ý thông dong ta chọn đảng nào thì hãy xét, song thương ôi! biết bao nhiêu kẻ bất chước người kia tên là Monsieur Taine, dù đã rõ tỏ Chúa, mà chẳng thêm thờ phượng, chẳng chép sách dạy người ta cho biết Chúa phép tắc vô cùng, biết linh hồn có tính thiêng liêng hằng sống, mà chẳng lo cho linh hồn mình được rồi, lại thở ra những lời hời thối đáng trách, mà rằng: «Mình chẳng muốn nhận biết Thiên Chúa, chẳng muốn nhận

linh hồn có tính thiêng liêng, vì nhận Thiên Chúa và linh hồn thiêng liêng, thì làm rầy rà, sinh khó lòng cho loài người, phải đẹp tính mê xác thịt, là sự rất khó, chẳng có thể mà chịu được.» Ay là Monsieur Taine và các kẻ theo bè Monsieur ấy nói thì làm vậy, ta xét ông ta có biết Thiên Chúa, song ngại chẳng chịu theo đạo thờ phượng Người, biết rõ linh hồn thiêng liêng, song ngại lo cho linh hồn được rồi, vì phải đẹp xác thịt, thì khó chịu, cho nên phun ra lời gớm ghiếc gở lạ, mà chép để muôn đời, trong đời ta này, chả thiếu kẻ bất chước ông ta, chỉ vì đảng kia nẻo nọ giờ ra, chỉ vì phải đẹp tính mê xác thịt, có khi cũng than thân một mình như ông ta, cũng phàn nàn chớ gì đừng có Thiên Chúa, đừng có linh hồn thiêng liêng thì hay lắm, để mà tha hồ mọi trò gở lạ quỉ quái, chẳng còn điều gì ngăn trở ấy nấy, thì thật đại đột khôn nạn mà chớ. Ai là kẻ có trí suy, thì chớ có nghe đại, mà chối Chúa mình và linh hồn hằng sống, chẳng lo cùng sau hết mình, thì chẳng đáng sống, mà lại đáng chết vô cùng.

Câu Đố

Đố chàng nho sĩ giỏi giang,
Đông thành hạ bút kéo sang tây thành.
Không trung bán nguyệt tam tinh.
Tam nhân đồng kị một mình con trâu.
Xin chàng giải rõ ba câu,
Ba người thật cỡi con trâu không sừng.
Hãy nghe anh giải cho em,
Không trung bán nguyệt chữ tam rõ ràng
Đông thành hạ bút kéo sang,
Nó là chữ nhất tổ tường hai câu.
Ba người mà cỡi con trâu.
Ấy là chữ phụng ba câu giải tường.
Con gái đừng đứng xéo le,
Nhà sao chẳng ở tựa hè làm chi,

Tôi là phận gái nữ nhi,
Cha mẹ định gả cho đi lấy chồng,
Của cải cha mẹ đừng trông,
Đứng ngồi nhấp nhón chân trong chân
Bầy người nói truyện văn hoa, [ngoài
Giè môi bửu mỗ nói ngoa ra tuồng.
Anh mà giải được cho xong,
Em xin một đạo thuận tông phu thê.
Vành tai lên để mà nghe,
Bảo cho mà biết phu thê không cần,
Bầy người nói truyện văn minh.
Giè môi blu mỗ dành dành chữ ngoa.

J. Cuông.

CẢNH TƯ'ONG BA DÔNG

ORIENTALIS VIC.

Ngâm cảnh Ba-Đông tràn vui thú,
 Khắp đông dương thật chứa thấy đầu,
 Xa trông tựa chốn công hầu,
 Khách nhân ai cũng hỏi đầu giường xe,
 Trong lòng tưởng Paris đây chắc,
 Vừa đi vừa tức tắc khen lao,
 Trước khen chúa tể quyền cao,
 Sau mừng có đảng anh hào lập ra,
 Bởi chưng có ba cha oanh liệt,
 Rất thông minh đoán xét khôn ngoan,
 Bể Trên giao phó quyền toàn,
 Giữ gìn phó lý vườn lan cả vào,
 Vậy cảnh này thật là cảnh tốt,
 Cả giới đông có một đây thôi,
 La-tinh lý đoán bảy mươi,
 Cá trung tạc địa tưởng nơi Địa đường,
 Chẳng bệnh cảm hàn thương thấp nhiệt,
 Rất khỏe thay không biết chừng nao,
 Cảnh nhà vừa rộng vừa cao,
 Phong quang mát mẻ khác nào cõi tiên,
 Mẫu nhà theo kiểu thánh hiền,
 Du-Minh Cha cả Bể Trên lập dòng,
 Sự sang trọng thật không kể xiết,
 Sẽ lược ra qua quít mấy nhời,
 Bắc nam hai chiếc nhà rài,
 Đếm được mỗi chiếc quá vài mươi gian,
 Phía tây nhà Cha tràn chính tịch,
 Gió đông nam thỏa thích cả ba,
 Phía bắc là phía tràn la,
 Phía nam mới thật nguy nga đoán tràn,
 Giữa sân cảnh cam đường tươi tốt,
 Phía chính đông có một bể to,
 Lay hai con cá lý ngư,
 Cũng noi kiểu mẫu Salumôn làm,
 Mé ngoài hai hồ thâm mát mẻ,

Nước ngọt lừ như thể cơn rừa,
 Thật giếng Gia-cóp thừa xưa,
 Sánh bấy cũng được y như khác gì,
 Lại còn sự cực kỳ hơn nữa,
 Nhà Nguyễn làm rực rỡ trăm chiều,
 Đá xây lấy đá non kiêu,
 Ngồi lợp bằng ngói đáp cầu nguy nga,
 Trong nhà lát đá hoa lục bích,
 Trên kính khảm ngũ sắc sáng choang,
 Xếp bày ghế đặt hai hàng,
 Các Thầy Offi rang rang các giờ,
 Trên bàn thờ bốn Toà xinh tốt,
 Hai bên bộ câu rút khảm vàng,
 Trần trên bóng lọng vẽ vang,
 Cuối nhà có tháp rất sang lạ lùng,
 Ngọn tháp đối ngang cùng bắc đầu,
 Cửa thiên đang lấy mẫu chẳng là,
 Chân tháp mấy bức tường hoa,
 Hình như long phượng suy ra thần tình,
 Nhà tràn học rung rinh đồ quốc,
 Các địa đồ vạn cuộc ngồn ngang,
 Hai bên ghế đặt sắp hàng,
 Lòng nhà lát gạch bát tràn rất xinh,
 Cửa sổ kính trắng tinh chói lói,
 Nhà cao ngất vọi vọi liền mây,
 Treo bên hai chiếc chuông tây,
 Tiếng vang cho đến mấy ngày đường xa,
 Cung đàn hát lan ra râm rĩ,
 Angelo tiếng ví dường như,
 Kèn bố gích giọng có rừ,
 Vang lừng đến nỗi chẳng từ giới xanh,
 Sân chơi bóng có linh một mẫu,
 Đàng bách bộ rộng sẵn hàng đi,
 Bốn bên thành lũy cũng kỳ,
 Cáo kiên hiểm trở khác gì hàm quan,

Mé ngoài tre bao lan hào xẻ,
Nước xuống lên thông thủy ra vào,
Chung quanh nước rẫy bao lao,
Khác nào sông tưới chảy vào vườn kia,
Khu nhà xứ qui về một chốn,
Rộng thung thình ngồn ngồn những nhà,
Mang-giê chung cả và ba,
Nghe hiệu mà đến như là cỏ thung,

Đường nề nếp trượng công sao ví,
Tổn trần cạnh phong thể kém xa,
Nhà xứ dẫn có biệt ra,
Cũng trong khuôn phép nhất gia tu tể,
Nhờ văn tất chép ghi đôi chút,
Còn nhiều điều không bút nào biên,
Vậy nên xin các quý hiền,
Xem qua lược vậy để bên tắc lòng.

MỀ = D Ô

Xưa có hai anh em cha mẹ chết sớm không có thể làm lụng gì được, không biết hơn một nghề nào để nuôi thân. Bởi thế cho nên chúng nó chỉ dựa nhau sang bên láng giềng mà ăn trộm. Người láng giềng tên là Cau thì giàu có, ở ngoài vườn giống nhiều bắp cải to, nuôi nhiều lợn, gà, vịt.

Đêm kia hai anh em chèo sang bên tên Cau, đứa thì mang cái bao khố-tải để đựng bắp cải, đứa thì mang cái miếng sắt dài để bầy cửa chuồng lợn. Đêm hôm ấy tên Cau hãy còn thức, thấy động mà chó mình không cần thì bảo đứa con rằng: «Mày ra xem có chó ngoài sân không? ra gọi nó xem nó ở đâu.»

Đứa con vâng lời chạy ra sân gọi: «Mề-đô! Mề-đô!» Mề-đô là tên con chó (Médor).

Đứa ăn trộm đang cạy cửa chuồng lợn tưởng anh mình ở ngoài vườn hỏi: «Mày đâu? Mày đâu?» liền thưa: «Tôi đây!»

Thằng bé con nghe thấy thế sợ hết hồn, chạy vào mách bố: «Bố ơi! chó biết nói! chó biết nói!»

Bố mắng: «Thằng khốn này! mày sợ nên mày yên trí thế chứ chó gì lại chó biết nói?!»

Thằng con nói: «Bố chẳng tin thì ra sân mấy con.»

Tên Cau giắt con ra sân gọi chó: «Mề-đô!» Thằng cạy cửa chuồng lợn cứ tưởng là anh mình gọi, lại thưa: «Tôi đây! thông thả một tí, sắp xong!»

Tên Cau đứng ngăn người ra, run lên cầm cập bảo con rằng: «Thôi chết! chắc quý nó nhập vào con chó này đây! mày chạy sang bên bác Bảy mời bác ấy đến, tao sẽ dãi con chó để đánh chén vì tao không có thể làm thịt con chó mà tao nuôi đã lâu! chạy mau lên!»

Một chốc thằng con dẫn bác Bảy đi qua vườn vào. Thằng ăn trộm bắp cải ở vườn tưởng em mình đi qua, hỏi: «Có thấy không?» Thằng con tên Cau tưởng là bố mình hỏi, liền thưa: «Có! đây!» Thằng ăn trộm lại nói: «Giắt nó ra đây ta giết ngay để nó khỏi kêu!»

Bác Bảy ta nghe nói tưởng mình mắc lừa, sợ hết hồn chạy một mạch về nhà.

Hai thằng ăn trộm thấy chạy, rất mình biết rằng có người trong vườn liền quăng cả ra đấy cũng chạy mất!

Đến sáng hôm sau bố con tên Cau thấy bắp cải vứt ngồn ngang ở vườn, cửa

chuông lợn toạc to, biết ngay rằng đêm hôm trước có trộm vào nhà.

Còn con chó thì nó vẫn như thường; gọi nó: « Mễ-đô » thì nó không có thừa « tôi đây ! » như đêm hôm trước, chỉ đến mừng, ve vẩy đuôi và liếm tay chủ thôi.

Bố con tên Cau biết mình đã nhầm đêm

hôm trước, đã hốt hoảng vội tin thì phì cười ra mấy nhàu.

Ta không nên vội tin, thấy sự gì khác thường thì phải xem xét tận nơi cho mình bạch. Vội tin là nhẹ dạ.

J. HÂN.



BỆNH CÚM

Bệnh cúm kỳ trước chưa kể rõ cho hết được, và các thầy thuốc cũng đã tìm hết phương kế cho được triệt chứng bệnh rất nguy hiểm ấy, song cũng chưa có thể nào mà triệt được.

Thật là rất khốn nạn! tự nhiên sự tại ương ở đâu xảy đến hầu khắp cả bàn dân thiên hạ chẳng mấy nơi không, mà đã hại biết là bao nhiêu người.

Không thể kể cho chắc được mấy nơi về số người đã bị hại về chứng bệnh cúm này, như là : Nước Russie và Balkans thì bị nhiều lắm, nên kể đại khái ra đây và theo như Nhật trình các Nhà Thương toàn cầu, mà chiếu như nhờ ông J. Laumonier nói rằng : Sánh kỳ loạn lạc với kỳ gieo chứng bệnh Cúm này, thì số người chết trong kỳ mắc bệnh cúm, nhiều hơn là số người tử trận. Thật là rất kinh khiếp hãi hùng, như trong Nước Pháp về thành Phari thì ở đây chết mất 2 vạn 9 nghìn người về bệnh Cúm, còn gồm các xứ thì chết mất 30 vạn người.

Ở Italie số người bị bệnh ấy, từ tháng chín năm 1918 đến tháng hai năm 1919 thì hại mất 16 vạn 5 nghìn.

Người xứ Y-Pha-Nho có 20 triệu dân đinh mà 8 triệu người mắc bệnh ấy, phải mất 8 vạn người chết.

Ở Danemark, 3 triệu dân cư, mà từ

tháng chín năm 1918 đến tháng tư năm 1919, phải 67 vạn người mắc bệnh Cúm song 9 vạn 3 nghìn 579 người thì thuộc về Copenhagen, và chết cả mất 2 vạn người.

Ở Hollande từ tháng bảy đến tháng chạp trong 1000 người thì chết về bệnh ấy mất độ 50 người mà thôi.

Còn các tỉnh lớn, trừ thành Lộ-Đức ra, thì trong tháng chạp cũng chết về bệnh ấy mất 3 vạn 6 nghìn 213 người.

Toán lính Hồng Mao ở nước Pháp lại hại lắm, từ 18 tháng năm đến mồng 8 tháng sáu, thì toán quân thứ nhất bị 3 vạn 6 nghìn 479 người bị bệnh, và toán quân thứ nhì thì bị mất một phần ba.

Tóm lại như nhờ báo thì cả phương Tây có 235 Triệu dân cư mà chết về dịp bệnh cheo leo đã xảy đến, mất 2 triệu 60 vạn người.

Còn các miền trong thiên hạ. Như ở Hoa Kỳ lại còn thiệt hại hơn nữa. — Về Etats-Unis dân cư 100 triệu người mà đến 30 hay là 40 triệu người mắc chứng bệnh ấy và chết mất hơn 2 triệu người. Nhất là trong các tỉnh to thì lại càng mắc nhiều. Như ở Canada, tỉnh Québec dân cư một Triệu 80 vạn người thì 40 vạn người mắc bệnh mà chết mất một vạn 3 nghìn người; và ở Montréal, trong tháng một năm 1918,

S^{te} DE CEMENTS PORTLAND ARTIFICIELS DE L'INDOCHINE
CÔNG-TI LÀM XI-MĂNG TRONG CỎI ĐÔNG-DƯƠNG.

MỖI NĂM LÀM RA ĐƯỢC 120.000.000 CÁN TÂY.

Xi-măng hiệu **Portland** và Vôi nước.

Máy nôi :

Số 566.

SÁCH LUẬT :

Hồng-mao A B C.

IN LẦN THỨ NĂM.



Gửi giấy thép thi đề:

CI PORTIN

HAIPHONG

SÁCH LUẬT :

Tây A Z.

IN LẦN THỨ BA.

CÓ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG TO Ở CỎI ĐÔNG DƯƠNG:

Ở Saigon và Pnompenh { Chỉ nguyên có hiệu Descours & Cabaud bán xi-măng hiệu này ở Nam-kỳ, Cao-miên, và Ai-Lao.

Ở Đà Nẵng Tại Đông Dương Hội Đồng Thương Cục và Hiệu Derobert & Fiart. (Tourane)

Ở Bắc-Kỳ { Tại các cửa hàng trong hạt Bắc-Kỳ là: Đông Dương Hội Đồng Thương Cục, Descours & Cabaud; Hiệu Poincard & Veyret vân vân.

Những người tải hàng hiệu sang ngoài quốc là:

Tại Hongkong :

Ông A. L. ALVES

và

CÔNG-TI.

Tại Bangkok :

và Singapore

Ông MONOD và CÔNG-TI.



Tại Manille Cebu,

Iloilo :

Ông SMITH BELL

và

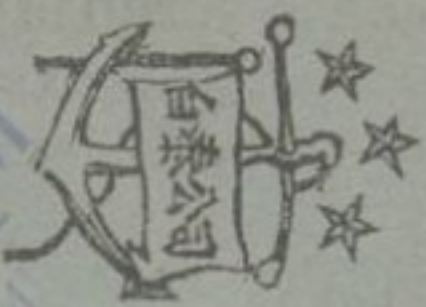
CÔNG-TI Ld.

Tại Shanghai, Hankéou

và Tientsin

Ông RACINE

và CÔNG-TI.



BẠCH = THÁI = BƯỞI CÔNG = TY

HÀNG TÀU SÔNG BIỂN

TÀU CHÀY PHIÊN KHẮP CÁC NGỌN SÔNG BẮC-KY;
TÀU CHẠY VEN BIỂN KHẮP CẢ CỎI ĐÔNG PHÁP;
TÀU CHO THUÊ CẢ CHUYẾN;
TÀU NAI THUYỀN VÀ XÀ-LAN.

Bản-ty cũng có bao cả hàng hoá xuất cũng nhập cũng.

AI CẦN ĐIỀU GÌ XIN HỎI TỔNG-CỤC TẠI HẢI PHÒNG VÀ CÁC PHÂN-TY
TẠI NAM-ĐÌNH, HÀ-NỘI, TUYẾN-QUANG, VIỆT-TRÍ, CÙNG BẾN-THỦY.

(dân cư được 28 vạn người) 3 vạn người cũng mắc bệnh ấy và chết mất 3 nghìn người.

Còn nhiều miền nữa cũng mắc hại nhiều về một dịp chứng bệnh Cúm ấy không thể kể ra cho xiết được.

Số các người tử trận trong kỳ đại chiến vừa 51 tháng thì 7 triệu người, ước chừng mỗi tháng chết độ 13 vạn 7 nghìn người. Mà trong kỳ có chứng bệnh Cúm vừa 11 tháng, từ tháng năm, năm 1918, đến tháng ba năm 1919 thì hầu khắp cả thiên hạ chết gấp hơn hai mươi lần.

Kể các chứng bệnh: như bệnh ho lao, bệnh thối phổi, vân vân còn xét ra là vì các loài vi trùng truyền nhiễm sang được, nhưng mà xét như chứng bệnh Cúm này chẳng kỳ là có vi trùng mà sao lại càng lây lan ra mạnh hơn.

Vậy xét cho hợp nhẽ và nói cho phải lý, thì nếu từ đây mà đi ta muốn đỡ mắc phải các chứng bệnh truyền nhiễm, như chứng bệnh Cúm thì thật là một chứng bệnh gờ lạ và chóng hại người như xét đánh ngang giới, thì cần trước hết là ta nên cứ giữ theo phép Vệ-Sinh cho cẩn thận nghĩa là nên giữ cho thật sạch sẽ mọi nơi, nhất là trong thân thể người ta.

Phải năng tắm rửa, cái tay thì lại can hệ hơn, vì việc gì cũng phải dùng đến tay:

nếu để tay không được sạch mà cầm cái đồ gì dùng, hoặc đồ ăn mà đưa lên miệng, chắc có lẽ vi trùng cũng theo tay bẩn ấy mà vào miệng. Ta cũng năng rửa mũi, rửa tai, súc miệng và xỉa răng cho thật kỹ. Vì các nơi ấy là đường dẫn lối cho các vi trùng dễ lên vào mình sinh ra đủ các chứng bệnh hiểm nghèo.

Nói tắt mấy điều, là ta cứ nên giữ cho kỹ càng theo phép Vệ-Sinh luôn luôn, chớ nên trễ nải. Cần nhất là trong những kỳ có các chứng bệnh thì khí hay truyền nhiễm, thì ta lại càng phải ra sức mà chống lại với các dịp ấy: là càng nên giữ các cách Vệ-Sinh hơn nữa; những lúc ấy là dịp hay mắc và chóng truyền nhiễm các chứng bệnh lắm.

Lại còn cái mũi ta cũng là một phần rất can hệ nữa, ta nhiều khi lấy làm khinh thường, chẳng xem sao trong những lúc có chứng bệnh truyền nhiễm, vì như là có thói quen, hễ gặp trẻ con thì hôn lấy hôn để, ăm bế như thường, chẳng xem sao đến sự nó sạch hay là bẩn, ta tưởng thế mới là cách yêu trẻ. Nhưng chẳng phải đâu? Thế là dịp mở lối cho các vi trùng ở những đứa trẻ mà sang mình. Như thế là không phải cách giữ phép Vệ-Sinh. Vậy ta chớ nên khinh thường mà chẳng giữ theo phép Vệ-Sinh, thì thật là thiệt, và là điều rất sai lầm.

Thầy bói

Anh thầy-bói kia, đi đâu cũng mượn một đứa trẻ dắt để chỉ đường dẫn lối. Song mắc cái đứa trẻ này hay tính nghịch, hay trêu-trớt. Dặn nó hễ có rãnh, có vùng nước, có bực lên xuống thì bảo cho thầy ta biết mà nhảy kéo ngã.

Đi ngang qua chợ đông; nó muốn khuấy chơi, nó nói: « Rãnh, thầy ơi, rãnh, nhảy

lên!» Thầy nghe nó nói, nhảy lên trên không đến huych một cái. Đi một quãng nó lại nói: «Đây có cái hào lớn, thầy cỡi quán ra mà lội mới được.» Anh thầy bói ngờ là thật, cỡi tuột ngay quán ra vát lên vai đi xung-xăng giữa chợ.

Thiên-hạ thấy thế cười om cả lên!!

MẤY ĐIỀU RẤT CAN HÊ

IV

SINH KÍ, TỬ QUI

生 寄 死 歸

SỐNG GỬI, CHẾT VỀ, QUÊ TẠM VÀ QUÊ THẬT.

Sau hết có ý giải mấy điều về câu Sinh kí tử qui, cho rõ hơn, thì ai ai trong loài người có hai quê, một là quê tạm gửi, là Sinh Kí, vì kẻ thì sinh ra trong nước nọ, kẻ thì sinh trong nước kia, tỉnh này làng nọ, thì Thiên Chúa gửi ta trong nước ấy tỉnh ấy làng ấy, ít bữa tùy thánh ý Thiên Chúa đã định, cách khôn ngoan mầu nhiệm vô cùng, ta sống trong trần gian, kẻ là đi lưu đi đày, xác người nam ở bên tây, cũng là gửi, người tây sang annam cũng là gửi, mà gửi lâu gửi chóng, cũng là gửi, gửi trong đền đài nguy nga rực rỡ, hay là gửi trong lều hèn hạ cũng là gửi ráo cả. Bao giờ ta bỏ xác là của gửi để chôn trong đất, mới sang quê thật ta, là tử qui, mà ai ai cũng tin thật, đời này là quê tạm gửi, mà cứ nhắm con mắt lại, chỉ lo mọi sự đời này, là quê tạm gửi, thâu đêm thâu ngày quá lẽ lắm, mà bỏ chính quê thật mình. Hai là quê thật, là chính quê loài người phải tìm lối mà đến, mà dù các kẻ trong đời xưa đời nay, tiếng là kẻ thông thái mọi phép rất giỏi giang trí lượng, hầu hết không thấy ai chép ra nói đến, giáo hữu vốn gọi quê thật ấy là Thiên Đàng, mà giá có ai nói đến, thì nói lơ mờ vậy, ra như kẻ đi ban đêm tối, trong rừng rậm rạp chẳng có sự sáng soi cho, đi vu vơ mà lạc quê thật mình đời đời. Song hỡi ôi! chớ có nghĩ lắm, là ai ai cũng được về quê thật cả

đâu, vì Thiên Chúa đã sắm quê thật, cho kẻ hết lòng theo đạo, thờ phượng một Thiên Chúa cho hết lòng hết sức mà chớ, chẳng sắm cho kẻ không theo đạo, hay là giữ đạo chẳng nên đâu, cho nên khi Thiên Chúa dựng nên loài người, thì đã ban tính thông dong, là ai ép tính thông dong mình, mà theo đạo cùng giữ cho lộn, thì Người sẽ thưởng lên quê thật vô cùng, vì đã chịu khó ép xác thịt, theo đạo cùng làm sự lành, lánh sự dữ; bằng kẻ chẳng chịu dẹp tính xác thịt, chẳng ép tính thông dong mình, theo đạo thờ phượng Thiên Chúa, lại làm lành, lánh sự dữ bề ngoài mà thôi, mà lòng đầy sự nãm ác, thì kẻ ấy lạc lối, mà mất quê thật, lại phải phạt trong địa ngục, gia hình khôn nặn vô cùng.

Còn làm sự lành, lánh sự dữ, cũng phải cân nhắc, kéo mà lại lắm, làm sự lành thật, thì trước hết phải theo đạo Thiên Chúa, đoạn cứ lẽ lối trong đạo dạy mà làm, cả trong lòng cho thật, lại tỏ chứng thật việc bề ngoài, vì có lời Thiên Chúa hứa, cho kẻ có đủ điều như phép dạy, mà làm việc ấy, việc nọ, thì Thiên Chúa đã định như vậy, là việc lành đáng thưởng đời sau vô cùng, còn như kẻ chỉ làm lành bề ngoài, mà giấu sự gian ác trong lòng mình, vì việc bề ngoài không hợp cùng cái lương tâm mình, thì việc ấy là lành giả, chẳng đáng thưởng, lại đáng phải

phạt, cho nên ai cứ sự lành giả mà làm, thì không được về quê thật mình là thiên đàng đâu, một phải phạt vô cùng mà chớ.

Ai có lòng ngay lành muốn tìm sự thật, khi đã xem cùng xét mấy điều trước này cho tẩm thía, lại có ơn Thiên Chúa hộ giúp, thì chắc kẻ ấy phải nhận thật, mà than rằng: Lạy thiên địa chân Chúa, là thật Chúa bởi lòng thương vô cùng, đã dựng nên lời đất muôn vật, lại sinh ra loài người chúng tôi, rồi gửi tạm chúng tôi ít lâu trong đời tạm này, cho chúng tôi theo đạo Thiên Chúa, mà lập công cho đáng về quê thật Người đã sắm cho chúng tôi đời đời, mà bấy lâu nay người ta kể chúng tôi là kẻ biết suy xét mọi điều, mà có điều rất can hệ này bấy lâu nay chúng

tôi mù tối, xin Chúa ban sự sáng soi, dẫn đường cho chúng tôi kéo lạc lối, ban lòng tin, lòng cậy vững vàng, được lòng kính mến Thiên Chúa hết lòng, khi còn sống mấy bữa trong đời tạm gửi này, để khi hậu thế, là lúc chúng tôi chết, thì được hưởng quê thật Chúa đã để dành cho chúng tôi đời đời chẳng cùng.

Chớ gì mọi người chúng tôi nhận biết Thiên Chúa đã sinh ra mình mà thờ phượng, chớ gì mọi người được biết ý cùng mình sống ở đời này là phải theo đạo Thiên Chúa, chớ gì mọi người biết suy sự sau, để mà được chết cho phải, mà về quê thật Thiên Chúa đã sắm cho mình đời đời.

J. M. TRỰC



TIỂU NGÔN.

Thầy giáo:—Tư! sao mày không chải tóc cứ để bù đầu lên thế?!

Tư:—Thưa thầy, con không có lược!

Thầy giáo:—Làm sao không xin thầy mẹ tiền mà mua một cái?

Tư:—Thưa thầy bởi vì nếu con mua được lược con lại phải chải đầu!

..

—Kia! anh ở tỉnh Hanoi làm những gì?

—Ngày nào tôi cũng đi chơi xe ô-tô.

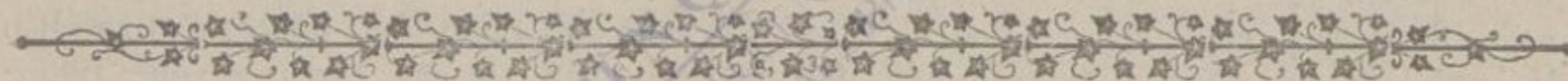
—Chả có lẽ, thật ư?

—Thật chứ, ngồi lau xe và vặn máy cả ngày

..

Thầy giáo:—Lâm, anh có thể xướng mấy loài có vú mà không có răng không?

Lâm:—Thưa thầy có: bà tôi!



Cách dùng chai vỡ cò.

Lấy một cái chai vỡ cò, rót rầu ta vào, nhiều ít tùy mình, nếu muốn cất chai quăng nào cũng được. Rót rầu xong thì dùng một cái gậy sắt nhỏ nung đã đỏ,

liền nghe thấy một tiếng kêu « tách ». Cỏ chai ấy rơi ra. Bấy giờ chai thành ra một cái vại tí hon dùng được nhiều việc.

CUỘC LỄ MANG KHUÊ BÀI TOÀ THÁNH CHO CỤ ĐÔNG

CÁC NGUYỄN HỮU BÀI TRIỀU HUẾ.

1° — VỀ SỰ TÍCH CỤ NGUYỄN HỮU BÀI.

Mấy lâu khắp nơi đều mang tin quan lớn Nguyễn hữu Bài được khue bài tể tướng (Médaille Commandeur de l'Ordre de Pie IX). Chư vị xa gần ai nấy đều mừng rỡ cho con nhà Việt Nam được ơn báu.

Mà cho được dễ hiểu cuộc lễ mang khue bài Đức Giáo Hoàng Bénédictô XV gửi cho quan lớn Nguyễn hữu Bài Đông Các Thượng thư Bộ lại, thì tưởng ai cũng muốn rõ sự tích ngài, nên xin lược biên ít điều về ngài cho mọi người tường lãm.

Nguyên quan lớn này là người Mỹ Hương tỉnh Quảng Bình. Khi còn nhỏ vào trường Latinh ở An Ninh tỉnh Quảng Trị, đời cố Grosjean là đáng có danh tiếng mới qua đời, và cố Girard còn sống đang làm bề trên Nhà trường bấy giờ. Ngài ở Nhà trường học đến lớp văn bài (Littérature và Rhétorique), bề trên xét ngài không có ơn Chúa kêu gọi, thì cho về thế gian.

Ngài là một anh hùng tài cán khoa ngôn ngữ và văn bài lâu thông, trí tuệ sắc sảo, học hành ít mà biện bác nhiều. Thật là một tay lợi lạc văn thơ thi phú, ngài hay làm văn thi nôm đạo đời. Còn tính hạnh ngài dễ ở, hay chiều hiền đãi sĩ và thảo lão với anh em, cùng biết tình hậu đãi bạn tác. Dân nhỏ hèn ngài cũng chẳng khinh khi, cùng hay nhìn và đại độ tha lỗi cho kẻ dữ muốn làm hại mình.

Khi xuất trường, ngài nhờ tiếng Latinh và có biết tiếng Langsa chút đỉnh, xin vào làm thư ký nhà nước bảo hộ. Lúc ấy là lúc ít kẻ biết tây tự, Đại pháp mới qua chiếm

trị, cần dùng người biết tiếng Langsa. Quan lớn Nguyễn hữu Bài thông thái và lanh lợi, tuy biết tiếng Langsa ít, song thiên tư sắc sảo, lại nhờ làm việc quan và trong mình đã có tiếng Latinh làm vốn, nên chẳng khỏi bao lâu cũng thông thạo tiếng Đại pháp cùng nói đúng theo luật mẹo bản hoi, đến nỗi người Đại pháp nghe cũng phải khen kiểu nói giống người Langsa.

Chẳng khỏi bao lâu ngài tuyên bố ra Hà Nội, làm việc phủ Toàn quyền, đoạn rồi trở về kinh đứng phòng việc phủ Khâm sứ Huế, đoạn xin qua ngạch triều Annam, đầu hết ở bộ làm việc chức nhỏ hàm thị lang tham tri, sau đến cuối năm 1898 thăng lên bổ chánh đối ra tỉnh Thanh, ở đó ngài trước giúp việc nước trung thành, sau cứu giúp dân lương giáo trong cơn bí yếu. Cách mấy năm ngài dâng triệu về kinh, làm tham tri và sau làm Thượng thư bộ công kiêm binh bộ. Từ đó ngài ở triều Huế cho đến bây giờ. Ngài giúp việc triều là ba đời vương, là đức Thành Thái, Duy Tân, và Khải Định đang trị bấy giờ.

Ngài là một đáng tỏ lòng trung thành mộ mến Đại pháp lắm, lại cũng được Bảo hộ Đại pháp tin cậy thương yêu. Trong mấy cơn nhà nước nguy hiểm, nhờ có ngài điều đình được yên hàn.

Thật ngài lập được nhiều công trọng, nên lương triều Nam Pháp thưởng ngài nhiều khue bài rất quý giá. Ngài cũng được một khue bài Chevalier de la Légion d'honneur của Đại Pháp ban cho, lúc ngài

qua nước Langsa cùng quan võ hiền Nguyễn Thân mà lo việc nhà nước. Đầu đấy bên Đại Pháp điều người khen.

Cả lúc ngài lo việc nước chí thú, nên đã được nhà nước phong chức Hiệp biện thượng thư. Vừa lúc quan thượng lại Trương nhi Cương tạ thế, thì triều An-nam và Đại Pháp đặt lại lên coi việc bộ Lại kiêm Hộ bộ và được chức Tước bá, lại mới đây phong lên chức Đông các. Ngài thật là một quan có tiếng thanh liêm và hay thương dân tình, cùng trọng kính các đẳng có chức trong Hội thánh hết tình hậu đãi tin anh em.

Còn việc làm phạn làm phúc, thì ngài đại độ rộng rãi, nhất là khi phải lo việc Chúa, thì chẳng tiếc của tiếc công. Như ngài đã tốn biết mấy chục vạn bạc mà lập sở Phước Môn ở tỉnh Quảng Trị, cách nửa giờ, đàng gần kể một bên nhà thờ Đức Chúa Bà La Yang, và sở Phước Sơn là nơi bây giờ có nhà dòng các thầy giữ luật ông thánh Phanxicô, có cha Denis khoán lập. Ngài lập hai sở có ý cứu dân nghèo đỡ khổ.

Chốn Phước Môn là chỗ khẩn trưng điền địa cũng là một chỗ núi non lâm cốc, ngài lập nhiều đền đài ở đó, cùng chiêu lập ấp có được ba bốn trăm con người. Ngài có ý giúp đỡ những dân khổ nghèo cho nó trở lại đạo Chúa nhờ phần hồn, sau lo bề phần xác tập tành làm ăn. Chốn Phước Môn cũng là nơi thanh cảnh. Ngài trồng những cây chè cây quế trên các hòn động núi, còn các lèn thì làm ruộng, cũng được nhiều trăm mẫu. Bây giờ chưa có huê lợi bao nhiêu, song trông một ít năm nữa thì huê lợi bởi cây chè cây quế cũng khá lắm.

Ngài cũng rước thợ nung gạch, thợ làm đường tập dân lập nghề xem cũng hữu ích và tiện lợi.

Một điều quý thay! là khen ngài có lòng đạo đức! là trong nước Nam chưa thấy có thánh đường kính các vị Hiền thánh từ đạo Việt Nam cách riêng, mà tại Phước

Môn quan cụ Bài có lập một nhà thờ kính các vị Hiền thánh từ đạo Nam Việt. Hằng năm đến ngày 24 Novembre có các quan triều và các Cha tây nam đến đông đảo, nhiều lần cũng có Đức Cha lên đến đấy mà làm lễ thánh từ đạo cách trọng thể. Tại Phước Môn bây giờ có cha bốn sở riêng, và có lập nhà Hải nhi nuôi những trẻ mồ côi. Phần nhiều là của quan cụ Bài bố thí, có các di phước ở lo việc Hải đồng. Ai đến xem, thật phải khen công lao khó nhọc cụ gây dựng lo việc mở đạo, cùng khen lòng nhân đức ngài.

Cụ Nguyễn hữu Bài bây giờ tuổi gần 60, tướng mạo còn mạnh mẽ, dinh tư ngài để bản hiệu Phước Môn ở kế bên phủ Đức Giám mục Huế tại Phú Cam. Con cái cụ đông đảo, song toàn là con gái hết thấy, chỉ có một con trai lên 12 tuổi gửi đi học bên tây. Còn 2 người con đầu có đôi bạn. Rể ngài có phẩm hàm cũng lớn tên là Ngô đình Khôi làm bố chánh tại tỉnh Phú Yên, là con quan cựu Thượng thư Ngô đình Khả, hưu trí tại Phú Cam.

Ay tôi kể sự tích quan lớn Nguyễn hữu Bài, hầu ai nấy xa gần dễ hiểu về các bài sau này, thuộc về lễ mang khuê bài cho người.

2° — VỀ CUỘC LỄ MANG KHUÊ BÀI TOÀ THÁNH.

Từ tháng Septembre năm nay, Địa phận Huế mang tin Đức Giáo Hoàng gửi khuê bài tế tụng hiệu Pie IX cho cụ tước lá Phước Môn, thay thay điều vui mừng hỉ da, trước cảm ơn Toà thánh đoái thương con nhà Việt Nam, sau mừng cho quan lớn Verô Nguyễn hữu Bài được ơn phúc rất lạ. Bá quan văn võ phần đời cùng các Giám mục, Linh mục, các thầy, kẻ đến chúc mừng, người gửi giấy thiệp tỏ dấu hỉ da hoan hân cùng cụ, (tiếng cụ là tiếng kính kêu tặng các quan Đại thần).

Nguyên Đức thầy Allys đáng kính làm Giám mục Địa phận Huế, thấy công giấy

được trọng cụ bên chỉ giúp việc đạo, cùng làm sáng danh Hội thánh Annam, nên gửi phiếu tàu Toà thánh, xin Đức Thánh Pha-pha Bénédictô XV Giáo Hoàng Hội thánh đang kiêm trị, khẩn ban cho cụ Lại Tước Bá Phước Môn một khue bài. Nhân dịp có các Giám mục Đông Pháp nhóm tại Triều Hội thánh Rôma, có nhờ Đức Cha Grandgeon lo liệu thêm nữa nên mau xuôi việc.

Vậy Đức Thánh Cha khẩn nhậm lời cùng châu phê ban khue bài tể tướng hạng nhì hiệu Pie IX (Médaille Commandeur de d'Ordre de Pie IX). — Khue bài Pie IX là một khue bài rất quý giá hơn khue bài hiệu Grégoire, thường để dùng mà ban cho các Hoàng đế, hoặc các đức ông hay là các tể tướng danh giá có đạo, hay giúp việc đạo có công cùng Hội thánh. Vậy khue bài ấy gửi qua tay Đức Cha Allys cùng có gửi sắc Toà thánh làm một, hầu trao mang cho cụ Lại.

Đức Cha Allys lấy làm vui mừng cùng định ngày 29 Septembre, làm lễ tạ ơn Chúa trong thể cùng mang khue bài cho cụ tại nhà thờ chánh Phủ Cam.

Đức Cha cũng gửi thiệp mời các Cha Tây Nam lân cận đến dự lễ. Còn các Cha ở xa, thì mời Cha Girard là thầy dạy cụ ngày xưa và những Cha bà con với người. Còn cụ Lại khi được lời Đức Cha định ngày, thì đưa tin cho các quan Tây Nam hay. Ngài gửi bạc xin hai Nhà trường làm hai lễ hát bực nhất rất trọng thể cám ơn Chúa, mà chính ý giúp việc hai Nhà trường Latinh. Còn sở họ Phủ Cam là họ cụ ở và cũng đã nhờ cụ nhiều ơn, nhân dịp này, họ trang hoàng nhà thờ oai nghi rực rỡ, mượn lấy những hàng lụa gấm nhiều, điểm trang nhà thờ quang ánh hơn mọi ngày lễ trọng. Các cửa bán nguyệt nhà thờ thì treo những bản cờ dây bông leo trăm thức. Ngoài mặt tiền nhà thờ thì treo cờ xí xinh đẹp, cùng kết đèn khắp cả hai tháp rất cao, phía giữa hai tháp kết đèn là hình chữ « Gloire à Dieu » chiếu rạng châu thành Huế. Ngoài sân vào nhà

thờ có làm một cửa cái toàn bằng lá cây và treo đèn hoa đẹp mắt.

Đến sớm mai rạng ngày 29 Septembre, đức vua Khải Định ban sắc tặng khen cụ cùng cho lính tráng và hai đội nhạc Tây Nam, ra mừng cụ Lại, ban đánh thổi nhạc theo ý cụ mặc tình sở nguyện, có ý tỏ lòng Hoàng thượng thông công vui mừng, và trọng hầu ớn khue bài Đức Giáo Hoàng ban cho cụ.

Vừa 8 giờ sớm mai các Cha Nhà trường lớn đem các thầy Latinh đến Phủ Cam, các Cha Tây Nam đủ mặt, nhiều viên quan văn võ lưỡng triều Annam và Đại Pháp đến dự châu.

Đúng 9 giờ cụ Lại lên xe song mã đến dinh Đức Giám mục, có đoàn lính mặc áo đỏ dẫu theo dân hầu, nghinh Đức Cha lên xe đưa vào đền thánh Phủ Cam; đến cửa khởi hoàn đã nói trước, Đức Cha xuống xe mặc áo trắng ngoài, và áo cappa vàng dẫu đội mũ Giám mục. Còn cụ thì mặc áo đại triều rất quý giá, có đai cánh, dẫu đội mũ tước quan nhất phẩm, chân đi hia theo chức tước, tức thì chuông trống nhà thờ đánh nổi vang lừng, pháo nổ nghe không ngớt. Lại có nhạc *fanfare* Tây, và nhạc bát âm Annam đội tài tử của Hoàng thượng Khải Định thổi dả mũi dạ nức lòng. Vừa có các thầy Latinh mặc áo các phép, và bốn đạo đi hầu rước đưa Đức Cha và cụ Lại dưới tàn vàng, vào nhà thờ oai nghi rực rỡ. Đoàn thỉnh Đức Cha và cụ Lại đến nơi toà quì dọn sẵn. Bàn ghế quì Đức Cha dọn cấp trên cung thánh, sau có một bàn đọc nhỏ trau giồi gấm nhiều vàng, trên bàn có để hộp khue bài cùng sắc Đức Thánh PhaPha. Sau bàn ấy thì có dọn ghế quì cho cụ lại quì châu cuộc lễ.

Mọi sự yên bài đúng 9 giờ một khắc, khi chuông trống lại thi hành cuộc lễ, tức thì có Cha sở nhà thờ Phủ Cam tên là Cha Stoeffler mặc áo các phép hiện ra nơi cao đọc sắc chỉ Đức Giáo Hoàng. Mọi người đứng dậy hết lòng cung kính lắng lắng

chăm nghe. Xin phụng dịch biên ít lời về sắc Toà thánh thể này rằng :

« Đức Thánh Pha Pha Bénédictô XV Giáo Hoàng Hội Thánh, ban khen lòng đạo đức quan cụ Vêrô Giude Nguyễn hữu Bài trước bà Phước Môn. Ngài là một quan bởi dòng dõi đạo đức lâu đời, hằng hết lòng bênh vực sự đạo và giúp mở mang đạo thành Annam, vậy Đức Thánh Pha Pha xét các việc có công trọng, nên ban khước bài tể tướng hiệu Giáo Hoàng Pie IX cho người.»

Đọc sắc vừa đoạn, nhạc liền đánh thời tụng bưng, tức thì Đức Cha Allys cầm lấy khước bài, trở mặt cùng cụ Lại, tỏ mặt hớn hở vui mừng tình Cha con thương mến, và mang đeo vào cổ cho cụ Lại. Cụ Lại cúi đầu khiêm nhường. Mặt tươi tắn tỏ dấu hoan hân linh lấy khước bài, đoạn Đức Cha hôn mặt cụ cùng chúc bằng an cho người.

Kể có Cha Bê trên Chabanon mặc áo lễ vàng có thấy năm thấy sáu, cùng đoàn lũ thấy giúp lễ theo hầu bước ra bàn thờ làm lễ tạ ơn Chúa. Dân trong nhà thờ đánh nổi êm tai, các thầy nhà trường lớn Phú Xuân hát thanh bài dịu dàng, ai nấy điều mũi dạ bưng tâm nguyện cầu. Khi làm lễ đọc Evang vừa xong, thì có Cha già Luận là một linh mục tuổi tác đáng kính, lên toà giảng cất tiếng :

« Khen Địa phận có phước được Toà Thánh cổ cập gửi khước bài tể tướng cho quan cụ Lại, người cũng kể khen công nghiệp quan cụ đã làm xưa nay, và lòng đạo quý giá của ngài. Tuy được chức quyền danh vọng, mà lòng đạo chẳng khuy chẳng kém, lại làm sáng danh Hội Thánh Annam, xứng ngày nay Toà Thánh ban ơn báu cho cụ, ấy cũng là ơn Toà thánh thương đoái con nhà Việt Nam. Ai nấy trước hãy cảm ơn Chúa, sau cũng mừng cho ngài dâng ơn quý giá dường ấy. » Ấy là lượng qua ít lời về giảng.

Giảng xong cứ bắt tiếp làm lễ cho đến

cùng. Trong buổi lễ có một điều làm cho ai nấy mũi dạ động lòng: Là vừa lúc thầy cả chịu lễ xong, thì nghe tiếng giầy nhẹ bước đến nơi cầu lớn chỗ rước lễ, mọi người trông thấy một ông, một bà quan nhứt Phạm triều Annam, y phục đại lễ triều có đai cánh, cùng mũ triều, lúm cùm cung kính hết lòng khiêm nhường đến chịu lễ. Đó là hai ông bà cụ Lại. Lại khen vì thuở nay chưa hề thấy đáng làm quan mặc áo triều vào chịu lễ khi nào.

Khi mãn mùa lễ, thì nhạc ngài ngự đánh nhiều bản rất hay đưa Đức Cha và Cụ về dinh mình.

3° — ĐAI TIỆC TẠI DINH ĐỨC CHA, MỪNG CỤ NGUYỄN HỮU BÀI.

Trưa này 29 Septembre, các Cha Tây Nam đến được 45 đấng và có quan Ngô đình Khả đến dự bàn cùng Đức Cha mà mừng cụ Lại được khước bài Tòa Thánh. Đức Cha mời cụ Lại vừa qua ngôi bàn, thì toán lính Annam mặc áo đồ cầm cờ dàn hầu, và đóng tại dinh Đức Cha. Lại cũng có hai bọn nhạc đức Hoàng Thượng, nhạc tây *fanfare* và bát âm Annam theo hầu đánh thời trong buổi ngôi tiệc, ăn mỗi món thì đánh thời một bản nhạc tây, và món khác thì bản nhạc annam, cứ liên tiếp nhau đến khi xong tiệc. Quý hoá thay! chưa từng thấy sự lạ ấy tại nhà cơm Đức Giám mục Huế khi nào! Đức Cha Allys tỏ hết dạ nhiệt thành vui mừng xứng đáng ơn rất trọng Tòa thánh ban cho con cái người là quan cụ Lại Nguyễn hữu Bài; nên người lo lắng cho trong nhà mọi sự tốt đẹp và đủ đều, chẳng ai dám trách được. Khi mãn tiệc Đức Cha rung chuông lên hiệu làm thinh, tức thì có Cha Bê trên Chabanon đọc sắc Tòa Thánh lại cho mọi người được nghe tỏ rõ. Kể Đức Cha đọc một bài chúc bằng tiếng Latinh mừng cụ Lại. Xin phụng dịch lược biên ấy thể này: « Tôi cùng ai nấy cả Địa phận đều vui mừng cụ được phúc rất trọng Tòa thánh ban cho cụ khước bài, thưởng

công dạy khó nhọc, cụ lo lắng giúp đỡ sự đạo trong Hội thánh Trung Kỳ này, cùng làm sáng danh Hội thánh Annam. Chúng tôi cũng khen thay trọng mến những ơn ấy, và nhất là cảm ơn cụ có lòng rộng rãi mà công đức những của cải bội phần, mà giúp đỡ hai Nhà trường giảng đạo trong Địa phận. Vậy nay chúng tôi chúc cho cụ mọi điều hi vọng an lạc.» Đức Cha đọc lời chúc vừa xong, ai nấy đều vỗ tay. Rồi người cầm chén rượu đưa lên chúc mừng cho cụ. Vừa kể có cha Giude Trang, các Cha bản quốc cử đến đọc một bài thay mặt hàng linh mục tặng khen mừng cụ.

Bài tặng khen ấy dài quá, không có thể in vào Lịch được.

Đọc bài này vừa xong ai nấy đều vỗ tay và chúc mừng vạn tuế cho cụ Lại.

Đoạn cụ Lại đứng dậy mà đáp lại một bài thể này rằng: «Lạy Đức Cha cùng trình «các Cố các Cha! Ngày hôm nay là một ngày «rất vui mừng và phúc lộc hơn hết trong «cả và đời tôi. Vì tôi được ơn Tòa thánh «khẩn ban khước bài cho tôi. Tôi lấy làm «quí giá và trọng mến biết là đường nào. «Đức Cha và các Cố các Cha đến vui mừng «cho tôi, thì tôi lấy làm cảm ơn hết dạ. «Tòa thánh đã khẩn thương đến tôi mà «ban khước bài. Ấy cũng là thương đến «Địa phận; trước là Đức Cha, sau là các «Cha các Cố, vì Tòa thánh tin Đức Cha và «việc làm các Cố các Cha, nên mới thương «đến phận hèn tôi. Còn Đức Cha và các Cố «các Cha khen tôi như vậy, thì tôi xin thưa «rằng: Chúa đã cho tôi được chức cao «phẩm trọng, thì từ xưa nay tôi chỉ lo ba «điều: trước làm việc vì Đ. C. L. sau giúp «nước Langsa, ba là giúp nước Annam.

«*Pour Dieu, la France et l'Annam.* 1° Vì «nếu không làm vì Chúa, thì mọi sự chẳng «xong xuôi. 2° Vì nước Langsa, vì nhờ «nước Langsa thì mọi sự trong cõi Việt «Nam mới an bài, và sự đạo mới được «xuôi thẳng. 3° Vì nước Annam, là làm «cho con nhà Annam được hiểu lẽ phải «và biết đường lành hẳn hoi tấn hóa. Vậy «từ bây giờ tôi cũng xin làm như vậy, và «Đức Cha và các Cố các Cha cầu nguyện «cho được như vậy. Sau hết tôi cũng xin «tổ cho ai nấy mừng, là ngày hôm nay «tôi cũng được giấy đức vua Khải Định «gửi mừng cho tôi trong ngày này, và «Hoàng thượng cũng trọng ơn Tòa thánh «ban khước bài cho tôi. Hoàng thượng «cũng ban phép cho tôi mang khước bài «ấy khắp nơi theo lòng tôi sở nguyện. «Đức Hoàng thượng muốn tỏ ra lòng vui «mừng cùng tôi, thì ngài ngự ban cho hai «đội nhạc *fanfare* tây và bát âm annam «để đánh thổi, có ý tỏ lòng ngài ngự «cũng trọng kính và lấy làm quí giá ơn «Tòa Thánh, lại cũng có ý thông công trong «cuộc lễ này.

«Sau hết tôi xin cảm ơn Đức Cha và các «Cố các Cha, tỏ hết lòng chúc mừng cho «tôi.»

Cụ Lại nói dứt tiếng, ai nấy vỗ tay, kể các Cha trẻ hát bài *Vivat, vivat, v.v.*, mừng cho cụ được an lành mạnh khỏe. Đoạn nhạc *fanfare* đánh thổi liên tiếp đưa ai nấy về nghỉ trưa.

Ngô Điều Trần Huế

Hội Thiện Bản cả dám xin Chúa ban mọi ơn lành cho cụ Nguyễn hữu Bài và chúc vạn tuế cho ngài.

Bài này rất hay lấy ở trong Nam Kỳ Địa Phận Saigon.

LỊCH THIỆN BẢN KÝ.

FUMEURS!

Dans votre intérêt ne fumez que le **TABAC**

et les



CIGARETTES

NGƯỜI ANNAM TA!

Nên hút thuốc lá hiệu “CON GÀ”
Vì thuốc giồng tại xứ ta,
Vì thuốc thơm tho hơn cả,
Vì chế tạo theo phép vệ sinh,
Vì bán giá rẻ hơn thuốc khác,
Nên bỏ các thứ thuốc ngoại-quốc,
Mà hút thuốc lá hiệu “CON GÀ”

PARIS — SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE — HANOI.

Fournisseurs de la Régie Française.

PATHEPHONE

Nói theo chế độ bạn vắng. Dấu sanh dầu từ mình năng mà thôi.

AGENTS:
Berthet, Charrière & Co
HANOI-HAIPHONG

Những máy nói Hiệp
PATHE hát không dùng kim, thì là quý hơn hết và đánh tiếng hơn hết cả và thế gian. Nhưng đĩa hiệu **PATHE** mà nói được suông sẽ như tiếng người, là cũng bởi nhờ có cây kim ngọc thạch đỏ, kim ngọc thạch chẳng hề làm cho đĩa **PATHE** hát mà lại không đều chi, trực tạc chẳng phải như máy kim hát rồi mới đĩa phải thay đổi hoài.

Thứ máy nói, chỉ có một thứ máy nói

PATHEPHONE này, nói như tiếng người ta, rõ ràng hơn hết các thứ máy hát khác.

Cả đĩa, cả máy và kim ngọc thạch đều có khác hiệu

PATHE

Tại ở hiệu này có hơn một triệu đĩa hát đủ các thứ tiếng.

Hoặc các quý khách nào muốn mua máy và đĩa hát thì xin hỏi chính hiệu **PATHE** này mà mua vì đĩa hát hiệu **PATHE** này tốt nhất hơn các thứ hiệu khác và dùng kim ngọc thạch chẳng hề khi nào mòn cả.

Xin hỏi cách thức và mục lục ở nhà ông

BERTHET CHARRIERE & Co

HAIPHONG

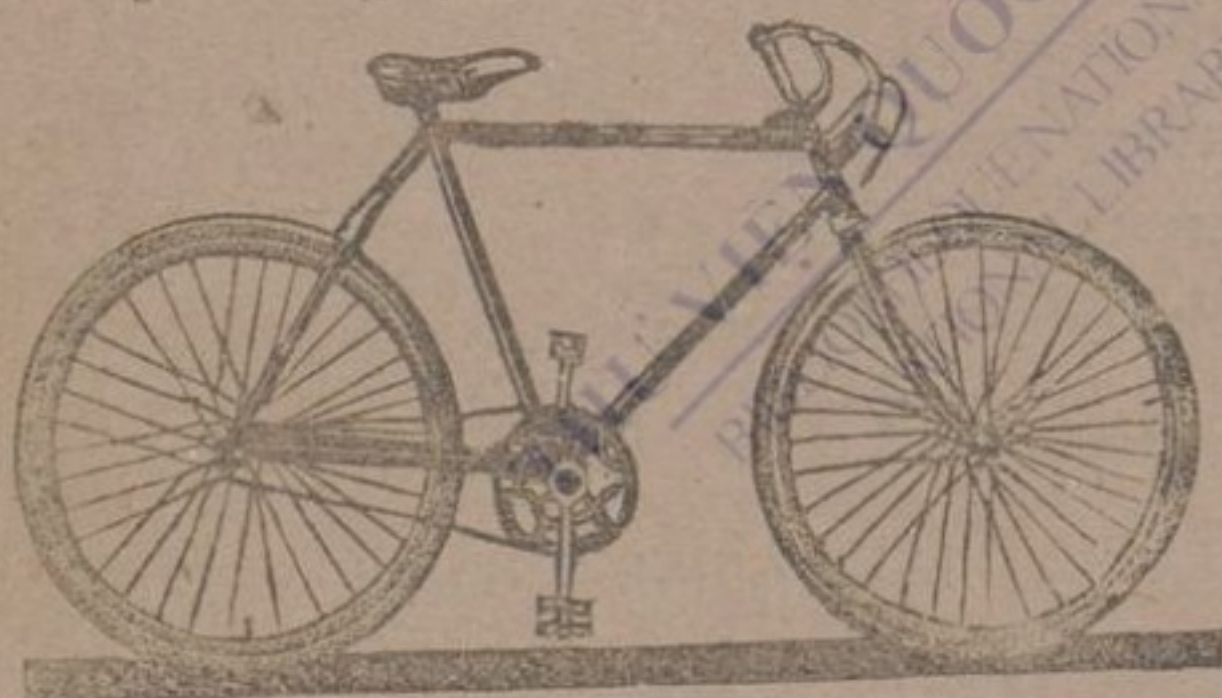
Số nhà 45, Rue du Commerce.

và nhà ở Hanoi số nhà 104 Rue Jules Ferry.



Xe đạp hiệu "SEMEUSE"

Vòng bít mép bằng gỗ và bằng thép trắng rõ nhẹ hoặc bằng sắt, ai muốn lấy dẫu nào tùy ý.



Tay lái quay, thuận nghịch, bánh che ngoài cho khỏi bẩn đất, bằng gỗ hoặc bằng sắt, túi đựng đồ vật ống thụt hơi vào bánh xe.

Giá hời, máy rất chắc chắn tốt.

Ai muốn mua thì cứ gửi giấy

về hiệu **BERTHET CHARRIERE & Co** ở HANOI-HAIPHONG



Mémoires d'un Merle

Truyện con Sáo đi khắp cả thế gian.

Phân Thu' II

Đức Tề-Tướng AMETTE qua đời.

Đức Tề-Tướng AMETTE qua đời hôm chủ nhật là ngày 29 tháng 8 năm 1920 thì cả nước Đại Pháp và các cho chiến bốn đạo đều để trở người, ai ai cũng rất là thương tiếc hội phần, vì người chẳng những là kẻ có quyền phép trong Hội thánh mà lại giúp nhiều việc cả thể trong nước Đại Pháp. Trong kỳ chinh chiến thì người ở thành Phari luôn, và có lòng can đảm mà giúp đỡ người ta thêm lòng vững vàng.

Một việc cả thể trong các việc người làm thì cả thành Phari cũng lấy làm ơn nghĩa lắm. Năm 1906 ở thành Phari chỉ có 79 nhà xứ, 12 nhà nguyện nhỏ và 30 nhà nguyện chung; trong cả vùng ấy có 94 nhà xứ và 27 nhà nguyện nhỏ mà thôi. Mà trong 14 năm người cai trị địa phận Phari thì đã dựng thêm lên được 45 nhà nguyện nữa.

Khi Đức Tề-Tướng Amette qua đời thì cả thành Phari đều buồn đau; tức thì quan Giám-Quốc Deschanel, quan Thượng

thư Millerand và nhiều các quan Văn Võ đến viếng tại nhà hiếu. Xác người còn quản lại để ở phòng Giám mục cho đến hôm thứ bảy là mồng 4 tháng 9. Xác còn để lại trong 5 ngày ai muốn đến viếng cũng được, đến rất là đông mà ai cũng giữ cách nghiêm trang đọc kinh cầu nguyện.

Lính tuần thành đứng giúp hai bên. Người ta đến đông quá nên thăm giải đi hư nát, phải thay mất hai lần.

Tám giờ hôm thứ bảy các chuông thành Phari đều kéo cách chuông thương và mọi người vào cả nhà thờ mà đi từ nơi Đức Giám mục đến nhà thờ, đi hai bên đường im như tờ, dài đến mấy nghìn thước tây.

Cả nước Pháp muốn tỏ ra lòng kính trọng Đức Tề-Tướng, thì bấy giờ có 5 Đức Tề-Tướng, 43 Đức Giám mục, quan Deschanel, quan Millerand, các quan Thượng-thư, nhiều quan Hội-dồng, nhiều quan Thống-chế đều đi đưa xác người cả.

L. T. B. 9

**Đức Tể Tướng DUBOIS lên thế vị
Đức Tể Tướng AMETTE.**

Bởi Đức Tể Tướng Amette qua đời rồi nên Đức Giáo Hoàng Bénédict XV đặt Đức Tể Tướng Louis Ernest DUBOIS lên thế vị.

Đức Tể Tướng Louis Ernest Dubois sinh ra ở làng Saint Calais về địa phận Le Mans ngày mồng một tháng 9 năm 1856; Khi người còn đi học thì thật thông thái và sáng giá có tiếng trong nhà trường Précigné. Ngày 20 tháng 9 năm 1879 người chịu chức thầy cả và làm phó ở thành Brulon.

Năm 1893 người làm thầy cả cai trường Notre Dame, rồi lại làm thầy cả chính xứ về xứ Saint Benoit. Ngày mồng 8 tháng 4 năm 1901, lại chịu chức Giám mục coi địa phận Verdun; ngày 30 tháng 1 năm 1909 được chức Tổng Soái ở Bourges. Đến ngày 13 tháng 3 năm 1916 người dời về thành Rouen thay Đức Giám mục Fuzet, và ngày mồng 4 tháng chạp năm ấy thì được chức Tể Tướng. Người hăng làm việc bực mình hết lòng mà làm việc gì thì cũng làm theo ý Đức Giáo Hoàng; người rất thông suốt và đạo đức chắc chắn lắm.

Trong các việc người làm cho nước Đại Pháp thì có việc này là việc can hệ nhất, là khi việc chinh chiến đã yên rồi, thì có nhiều kẻ có quyền thế đã tham tâm xui giục muốn chiếm lấy đất Palestine bên Đông, là chính nơi Đức Chúa Giêsu đã sinh ra.

Bấy giờ Đức Tể Tướng làm khâm sai đi giàn với nước Đại Pháp với Tòa Thánh mà xem việc đã xảy ra cùng tra xét các kẻ đã đứng đầu về việc ấy. Cách người làm, trí lự người, sự êm đẹp, và cách thu xếp khéo léo thì làm cho cả dân đều suy phục về Đại Pháp cả, nên nước Đại Pháp và Đức Giáo Hoàng đều ưng ý hội phần. Bởi thế nước Pháp đã ban tước Bội-Tinh cho người.

**Kể các công việc ông MILLERAND
đã làm.**

Ông Millerand sinh ra 1859 ở thành Phari. Ngài còn ít tuổi mà ngài làm Trạng Sư rất là có danh tiếng, ngài thông suốt về các việc, dù việc gì khó thế nào mặc lòng, ngài nghĩ một lúc thì làm được ngay, ngài chóng hiểu lắm, ngài dựng lên việc gì cũng nổi.

Ngài làm nghị-viên hàng xã ở thành Phari, khi 25 tuổi. Đến 26 tuổi là năm 1885 thì làm Hội-nghị trong thành Phari. Từ bấy giờ ngài vẫn làm Hội-nghị mãi.

Thường thường ngài kiêm việc Thượng Thư và nhân dịp ấy ngài lập nhiều luật cho được giúp đỡ người túng thiếu, thợ mại, các người già lão. Ngài cũng kiêm việc do xét các việc trong các nước nữa.

Về tháng giêng năm 1912, ông Poincaré giao chỉ tập về việc chinh chiến, ngài giữ trong một năm. Vậy ngài đặt ông Thống Chế Joffre lên đứng đầu binh. Ngài lại gieo lòng trung thảo trong cơ ngũ và thúc giục lòng binh lính trong nước.

Ngài bày ra trong pháo thủ thứ khí giới mới, là súng thân công 105.

Khi giờ về việc Hội-dồng thì ngài hăng liệu về việc giữ gìn trong nước, việc ấy ngài lấy làm rất quan hệ.

Ngày mồng 8 tháng 8 năm 1914 khởi sự chinh chiến, thì đã triệu ngài về giữ việc phòng cơ mật.

Ngày 25 tháng 8 năm 1914, ngài gánh việc rất cả thế là giữ chỉ tập về kỳ chinh chiến.

Ông Millerand gây dựng các việc rất êm đẹp, và rất thẳng nhất định. Như vật liệu, súng đạn, lương thực, quần áo mọi cách, hằng ngày ngài hăng sẵn sóc về việc ấy, ngài lập lại các đồn sở binh lính. Việc chữa lính bị thương thì lại chăm chút cần mẫn hơn.

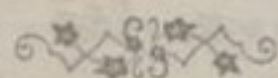
Nhà nước muốn nhờ trí sáng ông Millerand thì đặt ngài cai trị hai tỉnh Alsace và Lorraine mới lấy lại được.

Năm 1919 thì đặt quan ấy lên làm Đốc quan Giám quốc ở Strabourg coi Alsace và Lorraine. Ngài liệu các việc rất khéo léo, rất thành thệ.

Trong mười tháng mà ngài làm ở Strabourg thì thật hết lòng, và các công việc khó thế nào mặc lòng thì ngài cũng ra tâm hết sức.

Ngày 18 tháng giêng năm 1920, Quan Giám Quốc Deschanel trừu ông Millerand về làm Thượng Thư thay cho ông Georges Clemenceau từ chức. Ngài soạn các công việc ngài giữ khi làm chánh Hội-nghị là đập chi tập về các việc ngoại quốc, và đến ngày 22 thì ngài mới lên toà Thượng nghị.

Trong mấy năm trí lực ngài đã định ra rất là cao kiến thẳng mực cho được chống lá với các kẻ hung đồ. Ngài đã cứu được xứ Pologne, bởi dân Russes muốn chiếm lấy; nên ai ai cũng đều ngợi khen ngài, và chúc mừng được cai trị nước Đại Pháp lâu dài.



Toà Đức Giáo Hoàng và nước Langsa

Đức Giáo Hoàng BENOIT XV điện báo cho Đức Giám Quốc MILLERAND như sau này.

Roma ngày 24 tháng 6 năm 1920.

Khi dân Langsa lấy lòng ưng thuận mà cử ngài lên làm chủ dân Langsa thì tôi lấy làm vui lòng lắm mà chúc mừng và cầu nguyện cho ngài.

Các việc cả thế mà ngài đã làm để sửa sang xếp đặt quí cuộc ngài thì tôi xin quyết rằng: ấy là việc to lớn mà Đức Giám Quốc trước đã lấy cách khôn ngoan mà định ra thì chắc ngài sẽ cố lòng cố sức mà làm cho lộn.

Vậy tôi lấy lòng sốt sắng mà cầu xin Đức Chúa Lời ban ơn trọng cho ngài, cho cả gia quyến ngài, cho nhà nước Langsa.

Đức Giám quốc nước Langsa điện báo đề giả nhờ Đức Giáo Hoàng BENOIT XV như sau này: Paris Elysée.

Các lời người lấy lòng sốt sắng mà chúc mừng tôi thì tôi lấy làm động lòng quá lẽ. Vậy tôi hết lòng đội ơn và cảm tạ Người thì xin Người đoái thương đến tôi.

Tôi lấy làm động lòng về các lời Người đã đoái thương cho cả và nước Langsa lắm.

MILLERAND.

Nói về kỳ 7 năm một lần bầu các quan Giám Quốc từ năm 1870 cho đến rầy.

Đội bầu ông Millerand là thứ mười một làm Giám Quốc nước Đại Pháp, trong vòng 50 năm nay, tôi xin kể ra đây tên các quan Giám Quốc và khi các ngài ấy được vào sở bầu.

1^o Kỳ đầu hết, khi mới lập có Giám Quốc thì các Hội-nghị hội tại thành Bordeaux hồi tháng 8 năm 1870. Trong các phiếu bỏ bầu thì bầu hết bầu ông THIERS.

Còn về sau này thì kỳ nào bầu cũng hội tại thành Versailles.

2^o Ngày 24 tháng 5 năm 1873, Hội đồng bầu quan Tổng Thống MAC-MAHON.

3^o Ngày 30 tháng giêng năm 1879 bầu ông JULES GRÉVY và đến ngày 30 tháng giêng năm 1886 phải bầu lại.

4^o Ngày mồng 5 tháng chạp năm 1887 bầu ông SADI CARNOT.

5^o Ngày 24 tháng 6 năm 1894 bầu ông CASIMIR PERIER.

6^o Ngày 17 tháng giêng năm 1895 bầu ông FELIX FAURE.

7^o Ngày 18 tháng 2 năm 1899 bầu ông EMILE LOUBET.

8^o Ngày 19 tháng giêng năm 1906 bầu ông FALLIÈRES.

9^o Ngày 18 tháng giêng năm 1913 bầu ông RAYMOND POINCARÉ.

10^o Ngày 17 tháng 2 năm 1920 thì hầu hết bầu ông DESCHANEL. Chẳng may ngài bị bệnh phải cáo hồi.

11^o Đến ngày 23 tháng 9 năm 1920 thì bầu ông MILLERAND là quan đang đứng đầu cai trị nước Đại Pháp bây giờ.

Con Sáo ký.

THI LÁU

Có hai anh, một anh Há-quẩy, một anh Chiệc cãi lẽ vuốt nhau. Anh Há-quẩy muốn bán cho anh Chiệc một con ngựa, trông



cũng tốt, nhưng đi khiêng chân. Thế rửa như lái châu chán rồi, anh chiệc vứt ra 100 đồng bạc rồi giắt ngựa đi. Một bác nhà-quê lỗ-mỗ bảo Chiệc ta rằng:

«Thôi chú hớ rồi! chú nhìn xem, ngựa quỵ tợn.» Chiệc ta nheo mắt giả lời rằng: «Hừ ngộ piết ló! chính ngộ đã cài một cái đinh vào chân nó tẻ giảm-giá nó ti ló.»

Bác nhà-quê bép sếp chạy lại anh Há-quẩy bảo anh ta: «Ông mắc lừa rồi!» Rồi bác ta mách mưu anh Chiệc. Há-quẩy đáp: «Cái này, cái này trông thấy, nhưng cái này giả cách không nhìn thấy: càng tởm lắm rồi, cái ngựa này què thật từ lúc bé!»

Bác nhà-quê ta thấy mưu hai anh lố sáo khôn ngoan hơn mình, cố tới anh Chiệc, ngựa miệng lại bảo anh ta: «Chú mắc lừa!» Rồi anh ta thuật truyện lại cho Chiệc nghe.. Chiệc sững sờ người dơ tay lên giới kêu rằng: «Chà! sao lại có những tởm lấu lắm vậy! Thế mà ngộ tiếc vì tã chao cho nó cái giấy pác giả kia ló!»

Có ba điều:

Có ba điều điều đàn bà con gái nên bắt chước mà lại cũng không nên bắt chước.

1^o—Đàn bà con gái nên như con xên ốc không rời nhà ra một bước bao giờ; song cũng không nên bắt chước con xên ốc đang sơn có gì thì đeo cả trên mình.

2^o—Đàn bà con gái nên như cái tiếng vang, ai hỏi thì mới thưa; song cũng không

nén bắt chước cái tiếng vang cứ nghè truyện người rồi đi kể lại.

3^o—Đàn bà con gái nên như cái đồng hồ nhà thờ, rất là đúng mực; song cũng không nên bắt chước cái đồng hồ nhà thờ tiếng thì lanh lảnh om xòm khắp cả nơi.

J. H.

XE-TI-PHY-CA.

Thầy giáo gọi anh Quý hỏi bài. Quý không giả nhời được, cúi đầu xuống.

Thầy giáo mắng: «Anh rất tệ! Bằng ngần ấy tuổi đầu mà rất quá trâu! như

tôi đây thuở còn kém tuổi anh, đã đỡ xe ti-phy-ca rồi kia đấy!»

Quý ngẩng đầu lên: «Bầm tại thầy được thầy giỏi dạy!»